



NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI
VIETNAM BANK FOR SOCIAL POLICIES



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
ANNUAL REPORT

2019

MỤC LỤC / TABLE OF CONTENTS

THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ <i>MESSAGE OF CHAIRPERSON OF THE BOARD OF DIRECTORS</i>	[2-4]
LỊCH SỬ HÌNH THÀNH <i>HISTORY</i>	[5-6]
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ <i>BOARD OF DIRECTORS</i>	[7-8]
BAN TỔNG GIÁM ĐỐC <i>BOARD OF MANAGEMENT</i>	[9]
MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG VÀ BỘ MÁY QUẢN TRỊ, ĐIỀU HÀNH <i>GOVERNANCE STRUCTURE AND MANAGEMENT BOARD</i>	[10-12]
CÁC CHƯƠNG TRÌNH TÍN DỤNG <i>CREDIT PROGRAMS</i>	[13]
HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH TẠI XÃ CỦA NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI <i>TRANSACTION ACTIVITIES OF VBSP AT COMMUNE LEVEL</i>	[14-16]
SƠ ĐỒ TỔ CHỨC HỆ THỐNG <i>ORGANIZATION CHART</i>	[17]
SƠ ĐỒ TỔ CHỨC HỘI SỞ CHÍNH <i>ORGANIZATION CHART OF HEADQUARTERS</i>	[18]
SƠ ĐỒ TỔ CHỨC SỞ GIAO DỊCH <i>ORGANIZATION CHART OF TRANSACTION CENTER</i>	[19]
SƠ ĐỒ TỔ CHỨC TRUNG TÂM ĐÀO TẠO <i>ORGANIZATION CHART OF TRAINING CENTER</i>	[19]
SƠ ĐỒ TỔ CHỨC TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ THÔNG TIN <i>ORGANIZATION CHART OF INFORMATION TECHNOLOGY CENTER</i>	[19]
SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CHI NHÁNH CẤP TỈNH <i>ORGANIZATION CHART OF PROVINCIAL BRANCHES</i>	[20]
SƠ ĐỒ TỔ CHỨC PHÒNG GIAO DỊCH CẤP HUYỆN <i>ORGANIZATION CHART OF DISTRICT TRANSACTION OFFICES</i>	[20]
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (NGUỒN VỐN) <i>OPERATIONAL ACHIEVEMENT (FUNDING SOURCES)</i>	[21-23]
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (SỬ DỤNG VỐN) <i>OPERATIONAL ACHIEVEMENTS (USES OF FUNDS)</i>	[24-27]
TÍN DỤNG CHÍNH SÁCH ĐÓNG GÓP THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA <i>POLICY CREDIT CONTRIBUTION TO THE IMPLEMENTATION OF NATIONAL TARGET PROGRAMS</i>	[28-32]
NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI GÓP PHẦN THỰC HIỆN TÀI CHÍNH TOÀN DIỆN VÀ BẢO VỆ QUYỀN LỢI KHÁCH HÀNG <i>VIETNAM BANK FOR SOCIAL POLICIES CONTRIBUTES TO FINANCIAL INCLUSION APPLICATION AND CLIENT PROTECTION</i>	[33-36]
HOẠT ĐỘNG HỢP TÁC QUỐC TẾ <i>INTERNATIONAL COOPERATION</i>	[37-42]
CÔNG TÁC ĐÀO TẠO VÀ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC <i>TRAINING AND SCIENTIFIC RESEARCH</i>	[43-45]
NÂNG CAO NĂNG LỰC, ĐẢM BẢO AN NINH, AN TOÀN CHO CÁC HỆ THỐNG THÔNG TIN CỦA NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI, ĐÁP ỨNG YÊU CẦU NGHIỆP VỤ <i>STRENGTHENING INVESTMENT AND UPGRADING INFORMATION TECHNOLOGY INFRASTRUCTURE FOR OPERATION AND EXPANDING AND DEVELOPING PRODUCTS AND SERVICES</i>	[46-48]
ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CỦA NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI <i>DEVELOPMENT ORIENTATION OF VBSP</i>	[49-51]
BÁO CÁO TÀI CHÍNH <i>FINANCIAL STATEMENTS</i>	[52-57]
ĐỊA CHỈ LIÊN LẠC <i>CONTACT ADDRESSES</i>	[58-64]

Thông điệp

CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Bà NGUYỄN THỊ HỒNG / Mrs. NGUYEN THI HONG

THÔNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC - CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
GOVERNOR OF THE STATE BANK CHAIRPERSON OF THE BOARD OF DIRECTORS

Năm 2019, mặc dù đối diện với nhiều khó khăn, thách thức, những tác động tiêu cực do thiên tai, dịch bệnh nhưng tiếp tục là năm đất nước đạt được những chuyển biến tích cực, toàn diện trên nhiều lĩnh vực kinh tế-xã hội. Ngay từ đầu năm, Ngân hàng Chính sách xã hội đã chủ động bám sát các Nghị quyết của Chính phủ, Chỉ thị của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam để chủ động thực hiện tốt kế hoạch và nhiệm vụ chính trị được giao, đảm bảo hoạt động ngân hàng an toàn, ổn định, hiệu quả và đạt nhiều kết quả quan trọng, toàn diện trên các mặt hoạt động.

Năm 2019 cũng là năm thứ 05 triển khai thực hiện Chỉ thị số 40-CT/TW ngày 22/11/2014 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với tín dụng chính sách xã hội, Ngân hàng Chính sách xã hội đã tích cực tham mưu với các Bộ, ban, ngành Trung ương và cấp ủy, chính quyền các tỉnh, thành phố lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện tốt Chỉ thị 40-CT/TW, trong đó, trọng tâm là triển khai thực hiện sơ kết 05 năm thực hiện Chỉ thị 40-CT/TW nhằm đánh giá kết quả đạt được và đề ra nhiệm vụ, giải pháp tiếp tục thực hiện trong thời gian tới.

Ngay từ đầu năm, toàn hệ thống Ngân hàng Chính sách xã hội đã tích cực, chủ động thực hiện tốt công tác huy động vốn nhằm đáp ứng kịp thời nhu cầu vốn giải ngân các chương trình tín dụng chính sách theo chỉ tiêu được Thủ tướng Chính phủ giao.

In 2019, despite facing many difficulties, challenges and negative impacts caused by natural disasters and epidemics, the country still achieved positive and comprehensive socio-economic changes in many fields. Right from the beginning of the year, Vietnam Bank for Social Policies (VBSP) had actively followed the resolutions of the Government and directives of the State Bank of Vietnam to proactively implement the assigned plans and political tasks, ensuring safe, stable and effective banking operations and had achieved significant, comprehensive results in various aspects of operations.

Year 2019 was also the 5th year of implementing Directive No. 40-CT/TW dated November 22, 2014 of the Party's Secretariat on strengthening the Party's leadership towards social policy credit. VBSP has actively advised ministries, central departments, agencies, committees and provincial authorities to lead, direct and organize sound implementation of Directive 40-CT/TW, whereby the focus was on conducting preliminary review of 05-year implementation of Directive 40-CT/TW in order to evaluate achieved results and propose tasks and solutions for the coming time.

Right from the beginning of the year, the entire system of VBSP actively conducted capital mobilization in order to promptly meet the capital needs for disbursement of policy credit programs in accordance with the targets assigned by the Prime Minister. As of

Message

OF CHAIRPERSON OF THE BOARD OF DIRECTORS

Tính đến 31/12/2019, tổng nguồn vốn tín dụng chính sách đạt 216.362 tỷ đồng, tăng 17.586 tỷ đồng so với năm 2018. Trong đó, nguồn vốn nhận tiền gửi 2% của các tổ chức tín dụng nhà nước đạt 71.270 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 32,9% tổng nguồn vốn, tăng 10,8% so với năm 2018. Vốn nhận ủy thác từ ngân sách địa phương đạt 15.434 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 7,3% tổng nguồn vốn, tăng 3.625 tỷ đồng so với năm 2018 và tăng 11.626 tỷ đồng (305%) so với thời điểm trước khi thực hiện Chỉ thị 40-CT/TW vào tháng 11 năm 2014.

Năm 2019 là năm Ngân hàng Chính sách xã hội có doanh số cho vay lớn nhất từ trước tới nay, đạt 72.823 tỷ đồng, tăng 10.744 tỷ đồng so với năm 2018, góp phần tích cực thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, trong đó tổng doanh số cho vay tại các xã xây dựng nông thôn mới năm 2019 trên toàn quốc đạt 63.350 tỷ đồng, chiếm 87% tổng doanh số cho vay của Ngân hàng Chính sách xã hội.

Tổng dư nợ tín dụng chính sách đến 31/12/2019 đạt 206.805 tỷ đồng, tăng 19.013 tỷ đồng (+10,1%) so với cuối năm 2018, hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch tăng trưởng tín dụng được Thủ tướng Chính phủ giao, với trên 6,5 triệu hộ nghèo, hộ cận nghèo và các đối tượng chính sách khác còn dư nợ. Đến 31/12/2019 nợ quá hạn và nợ khoanh của toàn quốc chiếm 0,69% tổng dư nợ, trong đó nợ quá hạn chiếm 0,27% tổng dư nợ, giảm 0,12% so với năm 2018. Các chương trình tín dụng chính sách lớn như cho vay hộ nghèo đạt 34.851 tỷ đồng, hộ cận nghèo đạt 31.784 tỷ đồng, hộ mới thoát nghèo đạt 34.422 tỷ đồng, cho vay học sinh sinh viên có hoàn cảnh khó khăn đạt 11.020 tỷ đồng; cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn đạt 35.040 tỷ đồng, cùng với cho vay giải quyết việc làm, cho vay sản xuất kinh doanh vùng khó khăn và cho vay nhà ở chiếm đến 97% tổng dư nợ.

Trong năm qua, vốn tín dụng chính sách đã hỗ trợ đầu tư sản xuất kinh doanh và cải thiện đời sống giúp hơn 380 nghìn hộ thoát nghèo, tạo việc làm cho hơn 302 nghìn lao động, trong đó giúp trên 7,2 nghìn lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài; giúp gần 44 nghìn học sinh sinh viên có hoàn cảnh khó khăn vay vốn học tập; xây dựng trên 1,3 triệu công trình nước sạch, công trình vệ sinh ở nông thôn; xây dựng trên 17 nghìn căn nhà ở cho hộ nghèo ổn định cuộc sống;

December 31st, 2019, the total funding reached over VND 216,362 billion, increased by VND 17,586 billion as compared to 2018. Amongst that, the 2%-deposit from State-owned credit institutions reached VND 71,270 billion, accounting for 32.9% of the total capital source, up 10.8% as compared to 2018. Trust funds received from the local budget reached VND 15,434 billion, accounting for 7.3% of the total capital source, increasing by VND 3,625 billion as compared to 2018 and by VND 11,626 billion (305%) as compared to the time before the implementation of Directive 40-CT/TW in November 2014.

Year 2019 witnessed the VBSP's highest total lending turnover ever, reaching VND 72,823 billion, an increase of VND 10,744 billion as compared to 2018, actively contributing to the implementation of national target programs, in which loan volume in new rural communes in 2019 nationwide reached VND 63,350 billion, accounting for 87% of the total lending turnover of VBSP.

The total policy credit balance as of December 31st, 2019 reached VND 206,805 billion, with an increase of VND 19,013 billion (+ 10.1%) as compared to the end of 2018, completing the credit growth target set by the Prime Minister. VBSP had over 6.5 million active poor households, near poor households and other policy beneficiaries. As of December 31st, 2019, overdue and frozen debts of VBSP were accounted for 0.69% of the total outstanding loans, in which the past due accounts fall at 0.27%, a decrease by 0.12% as compared to 2018. Major credit programs such as Lending to the Poor reached VND 34,851 billion, Lending to Near Poor households reached VND 31,784 billion, Post-poor lending VND 34,442 billion, Disadvantaged Students lending VND 11,020 billion, Safe Water and Rural Sanitation VND 35,040 billion. These schemes along with Job Creation, Businesses in Disadvantaged Areas and Housing Loan constitute nearly 97% of total loan portfolio.

Through the year, the policy credit has supported investment in production and business for life improvement, helping more than 380 thousand households escape from poverty, creating jobs for nearly 310 thousand workers, of which more than 7.2 thousand migrant workers; assisting nearly 44



hơn 4,4 nghìn căn nhà ở xã hội theo Nghị định 100/2015/NĐ-CP đồng thời hạn chế được tín dụng đen đặc biệt là ở khu vực nông thôn. Hoạt động tín dụng chính sách xã hội đã góp phần giảm tỷ lệ hộ nghèo cả nước năm 2019 xuống khoảng 4,05% (giảm 1,3% so với cuối năm 2018), giúp thực hiện có hiệu quả các chủ trương, chính sách, mục tiêu, nhiệm vụ mà Đảng, Nhà nước đã đề ra về giảm nghèo bền vững, xây dựng nông thôn mới, tập trung phát triển nguồn nhân lực, đảm bảo an sinh xã hội, ổn định chính trị, an ninh quốc phòng và phát triển kinh tế xã hội.

Bên cạnh hoạt động tín dụng chính sách, Ngân hàng Chính sách xã hội tiếp tục tích cực chung tay cùng các địa phương trong các hoạt động an sinh xã hội, đồng hành cùng chương trình "Cặp lá yêu thương"-trao cơ hội đến trường cho các em nhỏ có hoàn cảnh khó khăn; tích cực hưởng ứng các cuộc vận động xã hội từ thiện, các chương trình an sinh xã hội.

Về nhiệm vụ trong thời gian tới, năm 2020 là năm cuối thực hiện Chiến lược phát triển Ngân hàng Chính sách xã hội theo Quyết định số 852/QĐ-TTg ngày 10/7/2012 của Thủ tướng Chính phủ, Ngân hàng Chính sách xã hội sẽ thực hiện chuẩn bị cho công tác đánh giá, tổng kết và xây dựng Chiến lược phát triển Ngân hàng Chính sách xã hội giai đoạn 2021 - 2030, hội nghị sơ kết 5 năm thực hiện Chỉ thị số 40-CT/TW đồng thời bám sát chỉ đạo của Chính phủ về thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2020, kế hoạch tăng trưởng tín dụng của Ngân hàng Chính sách xã hội năm 2020 được Thủ tướng Chính phủ giao, chủ động khai thác, huy động các nguồn lực và tổ chức giải ngân vốn để đáp ứng đầy đủ, kịp thời nhu cầu vốn phục vụ sản xuất, kinh doanh của các đối tượng thụ hưởng, qua đây cũng góp phần hạn chế tín dụng đen; đảm bảo khả năng thanh toán, nâng cao hiệu quả hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội.

thousand disadvantaged students to continue studying, building over 1.3 million rural safe water and sanitation facilities; building nearly 17 thousand houses for poor households to stabilize their lives; constructing more than 04 thousand social houses under Decree 100/2015/ND-CP and at the same time, curbing usury, especially in rural areas. Social policy credit has contributed to the poverty rate reduction to 4.05% in 2019 (declined by 1.3% as compared to 2018), helping fulfill effective implementation of guidelines, policies, goals and tasks set by the Party and the State on sustainable poverty reduction, new rural development, concentrating human resources development, ensuring social security, political stability, national defense and security and socio-economic development.

In addition to policy credit activities, VBSP continues to actively cooperate with localities in social security affairs by accompanying the show "Loving leaves" to give opportunities of schooling for disadvantaged children; actively responding to social charity campaigns, social security programs.

Regarding the tasks in the coming time, 2020 is the last year to implement the VBSP's Development strategy according to Decision No. 852/QĐ-TTg dated July 10, 2012 of the Prime Minister. VBSP will prepare for review, evaluate and develop the VBSP's development strategy for the period of 2021-2030, the Five-year evaluation conference on implementation of Directive 40-CT/TW. By closely following the Government's direction on implementation of the socio-economic development in 2020, the credit growth plan of VBSP 2020 assigned by the Prime Minister, VBSP will actively mobilize resources and disburse loans to fully and promptly meet capital needs for production and business of the beneficiaries, thus contributing to curb usury; ensuring solvency and improving operational efficiency of VBSP.

**THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
GOVERNOR OF THE STATE BANK
CHAIRPERSON OF THE BOARD OF DIRECTORS**

NGUYỄN THỊ HỒNG

LỊCH SỬ HÌNH THÀNH

HISTORY

Tại Nghị quyết số 05-NQ/HNTW, ngày 10/6/1993 Hội nghị lần thứ Năm Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa VII, về việc tiếp tục đổi mới và phát triển kinh tế - xã hội nông thôn, Đảng ta chủ trương có chế độ tín dụng ưu đãi đối với hộ nghèo, hộ chính sách, vùng nghèo, vùng dân tộc thiểu số, vùng cao, vùng căn cứ cách mạng; mở rộng hình thức cho vay thông qua tín chấp đối với các hộ nghèo...

Để thực hiện có hiệu quả Nghị quyết của Đảng và Chiến lược quốc gia về xóa đói giảm nghèo, năm 1993, Chính phủ đã thành lập Quỹ cho vay ưu đãi hộ nghèo với số vốn ban đầu là 400 tỷ đồng, do Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Agribank), Ngân hàng Ngoại thương (Vietcombank) và Ngân hàng Nhà nước đóng góp. Quỹ được sử dụng cho vay hộ nghèo thiếu vốn sản xuất kinh doanh với lãi suất ưu đãi, mức cho vay 500.000 đồng/hộ, người vay không phải bảo đảm tiền vay.

Từ kinh nghiệm thực tiễn hai năm thực hiện Quỹ cho vay ưu đãi hộ nghèo, ngày 31/8/1995, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 525/QĐ-TTg về việc thành lập Ngân hàng Phục vụ người nghèo, đặt trong Agribank, hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận, để cung cấp nguồn vốn ưu đãi cho hộ nghèo thiếu vốn sản xuất.

Với mô hình tổ chức được triển khai đồng bộ từ Trung ương đến địa phương trên cơ sở tận dụng bộ máy và mạng lưới sẵn có của Agribank, Ngân hàng Phục vụ người nghèo đã thiết lập được kênh tín dụng riêng để hỗ trợ tài chính cho các hộ nghèo ở Việt Nam với các chính sách tín dụng hợp lý, giúp hộ nghèo có vốn sản xuất, tạo công ăn việc làm, tăng thu nhập, từng bước làm quen với nền sản xuất hàng hoá và có điều kiện thoát khỏi đói nghèo.

Tuy nhiên, từ bộ phận quản trị đến bộ phận điều hành của Ngân hàng Phục vụ người nghèo đều làm việc theo chế độ kiêm nhiệm nên rất ít thời gian để nghiên cứu những vấn đề thực tiễn, hạn chế công việc nghiên cứu đề xuất chính sách, cơ

n Resolution No. 05-NQ / HNTW, dated 10/6/1993, the Fifth Conference of the 7th Party Central Committee on continuing to innovate and develop rural socio-economic, the Party introduced preferential credit for the poor, policy-based households, poor regions, ethnic minority areas, highlands, revolutionary base regions; expanding forms of mortgage-free for poor households...

In order to effectively implement the Resolution and the National Strategy on Hunger Eradication and Poverty Reduction, in 1993, the Government set up a Fund for the poor with total initial asset of VND 400 billion contributed by Vietnam Bank for Agriculture & Rural Development (Agribank), Vietnam Bank of Commerce (Vietcombank) and the State Bank of Vietnam. The Fund is used to provide preferential loans for poor households in need for production and business with preferential interest rates, VND 500,000 loan size per household. Especially, loan collateral is not required.

From the two-year experience of implementing the Fund for the Poor, the Prime Minister issued Decision No. 525/QĐ-TTg dated 31st August 1995 on the establishment of the Bank for the Poor as a subsidiary of Agribank. It operated for non-profit purpose and provided preferential loans for poor households for improving business and production.

With the organization model being implemented synchronously from the central to grassroots level based on utilizing Agribank's existing network and apparatus, the Bank for the Poor already established its own credit delivery channel for poor households in Vietnam with reasonable credit policies, helping poor households have capitals to produce, create jobs, increase incomes, get acquainted with commodity production step by step and escape from poverty.

However, almost all the management team and staffs worked part-time in the Bank for the Poor. As a result, they have very little time to study practices, policy suggestions and management mechanism. All activities on research and policy mechanism were

chế quản lý điều hành. Mọi hoạt động về nghiên cứu, đề xuất cơ chế chính sách đều giao cho ban điều hành nghiên cứu soạn thảo trong khi ban điều hành đang thuộc Agribank. Như vậy, không tách được chức năng hoạch định chính sách và điều hành theo chính sách.

Hơn nữa, bên cạnh Ngân hàng Phục vụ người nghèo, nguồn vốn từ ngân sách Nhà nước hỗ trợ người nghèo và các đối tượng chính sách khác còn được giao cho nhiều cơ quan Nhà nước, hội, đoàn thể và Ngân hàng thương mại Nhà nước cùng thực hiện theo các kênh khác nhau, làm cho nguồn lực của Nhà nước bị phân tán, chồng chéo, trùng lặp, thậm chí cản trở lẫn nhau. Bên cạnh nguồn vốn cho vay hộ nghèo được Ngân hàng Phục vụ người nghèo và Agribank thực hiện thì thực tế còn có: nguồn vốn cho vay giải quyết việc làm do Kho bạc Nhà nước quản lý và cho vay; nguồn vốn cho vay đối với học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn do Ngân hàng Công thương (Vietinbank) thực hiện; nguồn vốn cho vay ưu đãi các tổ chức kinh tế và hộ sản xuất, kinh doanh thuộc hải đảo, thuộc khu vực II, III miền núi, các xã đặc biệt khó khăn thuộc Chương trình 135 của Chính phủ...

Việc hình thành các nguồn vốn cho vay chính sách nằm rải rác ở nhiều tổ chức tài chính với cơ chế quản lý khác nhau đã gây nhiều trở ngại cho quá trình kiểm soát của Nhà nước, không tách bạch được tín dụng chính sách với tín dụng thương mại.

Để triển khai Luật các tổ chức tín dụng trong việc thực hiện chính sách tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách; các nghị quyết của Đại hội Đảng IX, nghị quyết kỳ họp thứ 6 Quốc hội khoá X về việc sớm hoàn thiện tổ chức và hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội, tách tín dụng ưu đãi ra khỏi tín dụng thương mại; đồng thời thực hiện cam kết với Ngân hàng Thế giới (WB), Quỹ tiền tệ thế giới (IMF) về việc thành lập Ngân hàng Chính sách; ngày 04/10/2002, Chính phủ ban hành Nghị định số 78/2002/NĐ-CP về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 131/2002/QĐ-TTg về việc thành lập Ngân hàng Chính sách xã hội trên cơ sở tổ chức lại Ngân hàng Phục vụ người nghèo, tách khỏi Agribank.

assigned to the executive board of Agribank. Thus, it was difficult to separate policy making from management in compliance with policies.

Besides Bank for the Poor, funds from the state budget to support the poor and other policy beneficiaries were also allocated to many state-owned agencies, mass organizations and state-owned commercial banks for implementing with different channels. This resulted in the state resources being dispersed, overlapped, duplicate, even obstructed each other. In addition to the loans for the poor provided by the Bank for the Poor and Agribank, there were also loans for job creation provided by the State Treasury; Loan for disadvantaged students served by Vietnam Joint Stock Commercial Bank for Industry and Trade (Vietinbank); Preferential loans for economic organizations and business households in islands, mountainous regions II and III and especially difficult communes under Program 135 of the Government...

The formation of policy lending resources scattered across many financial institutions with different management mechanisms, which has caused many obstacles for the state's control process and difficult to separate policy credit from commercial credit.

To implement the Law on credit institutions in the implementation of credit policies for the poor and policy beneficiaries; Resolutions of the IX Party Congress and the Resolution of the 6th session of the X National Assembly on the early completion of the organization and operation of the Vietnam Bank for Social Policies and separation of preferential credit from commercial credit; in accordance with commitment to the World Bank (WB) and the World Monetary Fund (IMF) on the establishment of the Vietnam Bank for Social Policies, on 4th October 2002 the Government issued Decree No. 78/2002/ND-CP on credit for the poor and other policy beneficiaries. The Prime Minister signed the Decision No. 131/2002/QĐ-TTg on the establishment of the Vietnam Bank for Social Policies on the basis of reorganizing the Bank for the Poor which was separated from Agribank.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

BOARD OF DIRECTORS



BÀ NGUYỄN THỊ HỒNG / MRS. NGUYEN THI HONG

Ủy viên Ban chấp hành Trung ương Đảng
Thông đốc Ngân hàng Nhà nước - Chủ tịch Hội đồng quản trị
*Member of the Party Central Committee
Governor - State Bank of Vietnam
Chairperson*



Ông ĐỖ VĂN CHIẾN / Mr. DO VAN CHIEN

Bí thư Trung ương Đảng,
Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc - Ủy viên
*Secretary of the Party Central Committee,
Minister and Chairman of the Committee for Ethnic Affairs
Member*



Ông NGUYỄN ANH TUẤN / Mr. NGUYEN ANH TUAN

Ủy viên Ban chấp hành Trung ương Đảng
Bí thư thứ nhất Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh - Ủy viên
*Member of the Party Central Committee
First Secretary - Central Communist Youth Union of Ho Chi Minh
Member*



Ông THẢO XUÂN SÙNG / Mr. THAO XUAN SUNG

Chủ tịch Hội Nông dân Việt Nam - Ủy viên
*Chairperson - Vietnam Association of Farmers
Member*



Bà MAI THỊ THU VÂN / Mrs. MAI THI THU VAN

Phó Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ - Ủy viên
*Deputy Head - Office of Government
Member*



Ông HUỖNH QUANG HẢI
Mr. HUYNH QUANG HAI

Thứ trưởng Bộ Tài chính - Ủy viên
Vice Minister - Ministry of Finance
Member



Ông VÕ THÀNH THỐNG
Mr. VO THANH THONG

Thứ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Ủy viên
Vice Minister - Ministry of Planning and Investment
Member



Ông LÊ VĂN THANH
Mr. LE VAN THANH

Thứ trưởng Bộ Lao động Thương binh - Xã hội - Ủy viên
Vice Minister - Ministry of Labor, War Invalids and Social Affairs
Member



Ông TRẦN THANH NAM
Mr. TRAN THANH NAM

Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Ủy viên
Vice Minister - Ministry of Agriculture and Rural Development
Member



Ông ĐÀO MINH TỬ
Mr. DAO MINH TU

Phó Tổng đốc Ngân hàng Nhà nước - Ủy viên
Deputy Governor - State Bank of Vietnam
Member



Bà ĐỖ THỊ THU THẢO
Mrs. DO THI THU THAO

Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam - Ủy viên
Vice Chairperson - Vietnam Women's Union
Member



Ông NGUYỄN VĂN ĐẠO
Mr. NGUYEN VAN DAO

Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh Việt Nam - Ủy viên
Vice Chairperson - Vietnam War Veteran Association
Member



Ông DƯƠNG QUYẾT THẮNG
Mr. DUONG QUYET THANG

Tổng Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội - Ủy viên
General Director of VBSP
Member



Ông NGUYỄN MẠNH TỬ
Mr. NGUYEN MANH TU

Trưởng ban Kiểm soát Ngân hàng Chính sách xã hội - Ủy viên
Chief of Supervision Board under Board of Directors of VBSP
Member

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

BOARD OF MANAGEMENT



Ông DƯƠNG QUYẾT THẮNG
Mr. DUONG QUYET THANG

Tổng Giám đốc
General Director



Ông BUI QUANG VINH
Mr. BUI QUANG VINH

Phó Tổng Giám đốc
Deputy General Director



Ông HOÀNG MINH TẾ
Mr. HOANG MINH TE

Phó Tổng Giám đốc
Deputy General Director



Ông NGUYỄN ĐỨC HẢI
Mr. NGUYEN DUC HAI

Phó Tổng Giám đốc
Deputy General Director



Bà TRẦN LAN PHƯƠNG
Mrs. TRAN LAN PHUONG

Phó Tổng Giám đốc
Deputy General Director



Bà LÊ THỊ ĐỨC HẠNH
Mrs. LE THI DUC HANH

Phó Tổng Giám đốc
Deputy General Director



Bà NGUYỄN THỊ HẰNG
Mrs. NGUYEN THI HANG

Phó Tổng Giám đốc
Deputy General Director



Ông HUỖNH VĂN THUẬN
Mr. HUYNH VAN THUAN

Phó Tổng Giám đốc
Deputy General Director



MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG VÀ BỘ MÁY QUẢN TRỊ, ĐIỀU HÀNH

GOVERNANCE STRUCTURE AND MANAGEMENT BOARD

Ngân hàng Chính sách xã hội được thành lập theo Quyết định số 131/2002/QĐ-TTg ngày 04/10/2002 của Thủ tướng Chính phủ để thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác.

Ngân hàng Chính sách xã hội có bộ máy quản trị và điều hành thống nhất trong phạm vi cả nước.

Vietnam Bank for Social Policies was established under Premier's Decision No. 131/2002/QĐ-TTg dated 4th October 2002 in order to provide preferential credit for the poor and other policy beneficiaries.

VBSP develops a unified and synchronous management and executive system throughout the country.

A. MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG

Ngân hàng Chính sách xã hội có tổ chức mạng lưới trên địa bàn cả nước, được tổ chức theo địa giới hành chính gồm:

Hội sở chính đặt tại Thủ đô Hà Nội, có trách nhiệm chỉ đạo toàn bộ hoạt động Ngân hàng Chính sách xã hội. Cơ cấu tổ chức của Hội sở chính gồm: Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Văn phòng và 13 Ban Chuyên môn nghiệp vụ. Ngoài bộ phận chuyên môn nghiệp vụ còn có Cơ quan Công đoàn Ngân hàng Chính sách xã hội.

Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (gọi chung là chi nhánh cấp tỉnh) là đại diện pháp nhân theo ủy quyền của Tổng Giám đốc; trực tiếp chỉ đạo, triển khai các hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội trên địa bàn. Cơ cấu tổ chức của chi nhánh cấp tỉnh gồm: Giám đốc, một số Phó Giám đốc và 05 Phòng chuyên môn nghiệp vụ. Hiện nay Ngân hàng Chính sách xã hội có 63 chi nhánh cấp tỉnh tại 63 tỉnh, thành phố; Sở Giao dịch, Trung tâm Đào tạo và Trung tâm Công nghệ thông tin.

Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh (gọi chung là Phòng giao dịch cấp huyện) là đơn vị trực

A. OPERATION NETWORK

VBSP has a national network, organized by administrative boundaries, comprising:

The Head Office, located in Hanoi, is responsible for directing all activities of the VBSP system. The organization chart in the Head Office includes: General Director, Deputy General Directors, Chief Accountant, Administration Office, 13 functional departments. In addition, there is Trade Union Office of VBSP.

VBSP's provincial branches are entity representatives under the authorization of VBSP's General Director to direct and run VBSP's activities at grassroots level. A provincial branch is headed by a director, a number of deputy directors and five operational divisions. Currently, there are 63 VBSP's provincial branches, Transaction Center, Training Center and Center of Information Technology.

District transaction offices are the subordinated units of the provincial branches. These district offices directly conduct VBSP's activities in the local area. A district transaction office is also headed by a manager, a number of deputy managers and operational teams. As of 31st December 2019, there were 631 district branches and 08 training units.

thuộc chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội cấp tỉnh; trực tiếp thực hiện các nghiệp vụ của Ngân hàng Chính sách xã hội trên địa bàn. Cơ cấu tổ chức của Phòng giao dịch cấp huyện gồm: Giám đốc, một số Phó Giám đốc và các Tổ chuyên môn nghiệp vụ. Đến 31/12/2019, Ngân hàng Chính sách xã hội có 631 Phòng giao dịch cấp huyện và 08 cơ sở đào tạo.

Ngoài ra, để tạo điều kiện thuận lợi cho khách hàng trong việc giao dịch, Ngân hàng Chính sách xã hội đặt 10.853 Điểm giao dịch tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn trong cả nước. Điểm giao dịch xã tổ chức giao dịch định kỳ tối thiểu 1 lần/1 tháng/1 Điểm giao dịch.

B. BỘ MÁY QUẢN TRỊ, ĐIỀU HÀNH

I. BỘ MÁY QUẢN TRỊ

1. Hội đồng quản trị và bộ máy giúp việc

a) Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội có 14 thành viên, trong đó có 12 thành viên kiêm nhiệm (Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam là Chủ tịch Hội đồng quản trị, 11 thành viên còn lại là Thứ trưởng hoặc cấp tương đương Thứ trưởng của các Bộ, ngành, các tổ chức chính trị - xã hội tại Trung ương) và 02 thành viên chuyên trách (01 Ủy viên giữ chức Tổng Giám đốc, 01 Ủy viên giữ chức Trưởng Ban Kiểm soát).

Giúp việc cho Hội đồng quản trị có Ban chuyên gia tư vấn và Ban Kiểm soát Ngân hàng Chính sách xã hội.

b) Ban chuyên gia tư vấn:

Gồm chuyên viên của các Bộ, ngành là thành viên Hội đồng quản trị và một số chuyên gia do Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định.

c) Ban Kiểm soát Ngân hàng Chính sách xã hội có tối thiểu 05 thành viên, trong đó có ít nhất 03 thành viên chuyên trách, 02 thành viên kiêm nhiệm của Bộ Tài chính và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

2. Ban đại diện Hội đồng quản trị các cấp

Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (Ban đại diện Hội đồng quản trị các cấp) là đại diện của Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội trong việc thực hiện Điều lệ, Nghị quyết, Quyết định của Hội

Besides, in order to create favorable conditions for customers in transaction, VBSP has established nearly 10,853 fix-dated mobile transaction points located in the offices of people's committees at commune/ward/township level throughout the country. The mobile transaction takes place at least once per month on a fixed date in a commune.

B. GOVERNANCE STRUCTURE AND MANAGEMENT BOARD

I. GOVERNANCE STRUCTURE

1. Board of Directors and assisting team

a) Board of Directors

The Board of Directors comprises 14 members who are 12 part-time members (the Governor of State Bank of Vietnam cum the BOD Chairperson; the other 11 members are Vice Ministers or equivalent-ranking officials of relevant ministries, agencies and mass organizations at central level). The two full-time members are the General Director and the Chief of Supervision.

The BOD is supported by the Advisory Team and the Supervision Board.

b) BOD's Advisory Team

Members of the Advisory Team are senior experts from ministries, agencies, and mass organizations representing the BOD of VBSP who are selected by the Chairperson.

c) BOD's Supervision Board

BOD's supervision board consists of at least five members being three full-time members, two part-time members from Ministry of Finance and the State Bank of Vietnam.

2. BOD's Representative Units at provincial and district levels

Representative Units of the BOD in provinces and cities affiliating to central administration, districts and cities within provinces are the representatives of the VBSP's BOD at different levels and are authorized by the central BOD to implement its Charter, Resolutions and Decisions in



đồng quản trị trên địa bàn. Ban đại diện Hội đồng quản trị các cấp do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp quyết định cơ cấu, thành phần nhân sự và quyết định thành lập; cơ cấu thành viên Ban đại diện Hội đồng quản trị các cấp thực hiện theo cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị và không có thành viên chuyên trách.

Hiện nay, có 63 Ban đại diện Hội đồng quản trị cấp tỉnh, hơn 700 Ban đại diện Hội đồng quản trị cấp huyện với hơn 9.000 thành viên Ban đại diện các cấp.

II. BỘ MÁY ĐIỀU HÀNH

1. Tại Trung ương

Tổng Giám đốc là đại diện pháp nhân của Ngân hàng Chính sách xã hội, chịu trách nhiệm tổ chức điều hành toàn bộ hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội. Giúp việc Tổng Giám đốc có một số Phó Tổng Giám đốc và bộ máy chuyên môn nghiệp vụ.

2. Tại chi nhánh tỉnh/thành phố (gọi tắt là chi nhánh cấp tỉnh)

Điều hành chi cấp tỉnh là Giám đốc. Giúp việc cho Giám đốc có một số Phó Giám đốc và các phòng chuyên môn nghiệp vụ.

3. Tại Phòng giao dịch cấp huyện

Điều hành Phòng giao dịch cấp huyện là Giám đốc, giúp việc Giám đốc gồm các Phó Giám đốc và các Tổ trưởng nghiệp vụ.

the relevant localities. Personnel structure of a BOD Unit is decided by the Chairperson of People's Committee at the same level, having no full-time members.

Currently, there are 63 Representative Units of the BOD at provincial level, over 700 Representative Units at the district level with more than 9,000 members at all levels.

II. MANAGEMENT MECHANISM

1. At central level

The General Director is legal representative of VBSP and responsible for managing overall VBSP's operation. General Director is assisted by several Deputy General Directors and functional mechanism.

2. At provincial level

Provincial branch is managed by a provincial director who is assisted by a number of deputy directors and functional departments.

3. At district level

District office is managed by a district director who is assisted by a number of deputy directors and accounting/credit team leaders.

CÁC CHƯƠNG TRÌNH TÍN DỤNG

CREDIT PROGRAMS

- | | |
|--|---|
| <ol style="list-style-type: none"> 1. Cho vay hộ nghèo. 2. Cho vay hộ cận nghèo. 3. Cho vay hộ mới thoát nghèo. 4. Cho vay học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn. 5. Cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn. 6. Cho vay giải quyết việc làm. 7. Cho vay hộ sản xuất kinh doanh tại vùng khó khăn. 8. Cho vay thương nhân hoạt động thương mại tại vùng khó khăn theo Quyết định số 92/2009/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. 9. Cho vay đối tượng chính sách đi lao động có thời hạn ở nước ngoài. 10. Cho vay nhà ở xã hội theo Nghị định số 100/2015. 11. Cho vay mua nhà ở trả chậm vùng Đồng bằng sông Cửu Long. 12. Cho vay hộ nghèo về nhà ở. 13. Cho vay hộ nghèo làm nhà ở phòng, tránh lũ, lụt. 14. Cho vay hộ đồng bào dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn theo Quyết định 32/2007 và Quyết định số 54/2012. 15. Cho vay hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn vùng Đồng bằng sông Cửu Long theo Quyết định số 74/2008/QĐ-TTg và Quyết định số 29/2013/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. 16. Cho vay hỗ trợ đất sản xuất, chuyển đổi ngành nghề cho đồng bào dân tộc thiểu số nghèo đời sống khó khăn theo Quyết định số 755/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. 17. Cho vay dân tộc thiểu số theo Quyết định số 2085/2016. 18. Cho vay trồng rừng sản xuất, phát triển chăn nuôi theo Nghị định số 75/2015 của Chính phủ. 19. Cho vay chương trình phát triển ngành lâm nghiệp (Dự án FSDP). 20. Cho vay chương trình phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa (dự án KFW). 21. Cho vay một số dự án vốn nước ngoài khác. 22. Cho vay khác. | <ol style="list-style-type: none"> 1. <i>Poor Households Program.</i> 2. <i>Near-Poor Households Program.</i> 3. <i>Post-Poor Households Program.</i> 4. <i>Disadvantaged Students Program.</i> 5. <i>Rural Safe Water and Sanitation Program.</i> 6. <i>Job Creation Program.</i> 7. <i>Program for Business and Production Households in Disadvantaged Areas.</i> 8. <i>Program for Entrepreneurs Doing Business in Disadvantaged Areas under Decision No. 92/2009/QĐ-TTg of the Prime Minister.</i> 9. <i>Program for Migrant Workers.</i> 10. <i>Housing under the Decree No. 100/2015/ND-CP.</i> 11. <i>Deferred Payment Housing in Mekong River Delta.</i> 12. <i>Housing for the Poor.</i> 13. <i>Housing against Flooding for the Poor.</i> 14. <i>Extremely Disadvantaged Ethnic Minority Households Program under Decision No. 32/2007 and Decision No. 54/2012.</i> 15. <i>Program for Disadvantaged and Poor Ethnic Minority Households in Mekong River Delta under Decision No. 74/2008/QĐ-TTg and Decision No. 29/2013/QĐ-TTg of the Prime Minister.</i> 16. <i>Support to Production Land and Job Change for Disadvantaged and Poor Ethnic Minority Households under Decision No. 755/QĐ-TTg of the Prime Minister.</i> 17. <i>Ethnic Minority Program under Decision No. 2085/2016.</i> 18. <i>Production Forest and Husbandry Development under Decree No. 75/2015 of the Government.</i> 19. <i>Forest Sector Development Program (FSDP).</i> 20. <i>Small and Medium Enterprises Program (KFW).</i> 21. <i>Other Projects Funded by Foreign Organizations.</i> 22. <i>Other lending.</i> |
|--|---|

HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH TẠI XÃ CỦA NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI

TRANSACTION ACTIVITIES OF VBSP AT COMMUNE LEVEL

Nhằm giúp người nghèo và các đối tượng chính sách tiếp cận chính sách tín dụng ưu đãi của Chính phủ thuận lợi, tiết giảm chi phí, thực hiện quy chế dân chủ, công khai và tăng cường sự giám sát của chính quyền địa phương, các tổ chức chính trị - xã hội trong việc thực thi tín dụng chính sách, Ngân hàng Chính sách xã hội đã tổ chức giao dịch tại trụ sở Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn (gọi chung là tại xã) để phục vụ người nghèo và các đối tượng chính sách. Hoạt động giao dịch tại xã là cách thức tổ chức giao dịch của Ngân hàng Chính sách xã hội với khách hàng tại Điểm giao dịch đặt tại Ủy ban nhân dân xã.

Đến 31/12/2019, Ngân hàng Chính sách xã hội đã đặt 10.853 Điểm giao dịch xã trên tổng số 11.055 xã, phường, thị trấn trong cả nước. Thông qua hoạt động giao dịch xã, đã giải quyết 93% tổng giá trị giao dịch của Ngân hàng Chính sách xã hội với khách hàng. Số xã, phường, thị trấn còn lại là những nơi Ngân hàng Chính sách xã hội đóng trụ sở và khách hàng giao dịch tại trụ sở Ngân hàng Chính sách xã hội.

Điểm giao dịch xã là nơi Tổ giao dịch xã của Ngân hàng Chính sách xã hội tổ chức giao dịch với khách hàng, tổ chức, cá nhân liên quan trên địa bàn cấp xã theo lịch giao dịch cố định hàng tháng tại mỗi xã, phường, thị trấn ít nhất một lần. Tại các Điểm giao dịch xã, Ngân hàng Chính sách xã hội thực hiện niêm yết công khai các vấn đề về chính sách, các chương trình tín dụng ưu đãi của Nhà nước, các quy trình, thủ tục của Ngân hàng Chính sách xã hội, danh sách hộ vay vốn và nội quy giao dịch để chính quyền địa phương, các tổ chức chính trị - xã hội và người dân cùng biết để giám sát hoạt động tín dụng chính sách.

Tổ giao dịch xã là nhóm cán bộ do Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội nơi cho vay phân công thực hiện nhiệm vụ trực tiếp giao dịch với khách hàng, tổ chức, cá nhân liên quan trên địa bàn cấp xã theo quy định của Tổng Giám đốc

Serving the poor and other disadvantaged groups in accessing preferential credits and financial services of the government in such a convenience, cost saving and quick manner; to publicize the use of social credit and strengthen the steering of local government and mass organizations in policy credit implementation, VBSP has established the model of fixed date transaction points at commune/ward/town (referred to as commune) for serving the poor and other policy beneficiaries. Commune transaction is such an effective approach of VBSP to customers at mobile transaction point located in the venue of Communal people's committee.

As of December 31st 2019, VBSP has set up 10,853 mobile transaction points out of total 11,055 communes, wards and towns nationwide. Through commune transactions, 93% of the total transaction value of VBSP has been dealt with customers. For communes where VBSP's district offices located, transactions will be held in those offices.

Commune transaction point is a place where a Commune Transaction Team hold transactions with customers, relating organizations and individuals in commune area according to the fixed transaction schedule per each commune, ward or town (at least once a month). The commune transaction point is located in the office of the Commune People's Committee. At commune transaction points, VBSP publicizes information such as issues, policies and guidelines on preferential credits for the poor and other disadvantaged beneficiaries; interest rate of each loan program; transaction rules; list of active borrowers so that all local authorities, mass organization and customers can control policy credit activities.

Commune Transaction Team is a group of staff assigned by the Manager/Director of local VBSP to carry out the task of directly transacting with customers, relating organizations and individuals in



Ngân hàng Chính sách xã hội; Tổ giao dịch xã có tối thiểu 03 cán bộ để đảm nhiệm các vị trí chức danh công việc gồm Tổ trưởng, Kiểm soát viên và các Giao dịch viên. Các thành viên cùng hoạt động theo những nguyên tắc, quy định và các tiêu chuẩn chuyên môn được quy định cụ thể cho từng vị trí công việc; được trang bị đầy đủ các phương tiện, trang thiết bị nhằm hoàn thành nhiệm vụ được giao tại Điểm giao dịch xã.

Tổ giao dịch xã có nhiệm vụ thực hiện việc phổ biến, tuyên truyền và công khai chính sách tín dụng; giải ngân, thu lãi, thu nợ, thu tiền gửi của tổ viên, huy động tiền gửi dân cư. Bên cạnh đó tổ giao dịch xã còn có nhiệm vụ tiếp nhận hồ sơ vay vốn, hồ sơ xử lý nợ. Thực hiện giao ban với các tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác, các Tổ trưởng Tổ tiết kiệm và vay vốn để phổ biến, tuyên truyền, triển khai các công việc; đồng thời thông qua giao ban nắm bắt tình hình hoạt động của Tổ tiết kiệm và vay vốn và tình hình của các hộ vay...

commune area in accordance with regulations promulgated by the General Director of VBSP. The commune transaction team has at least 03 members to hold job titles of a team leader, a supervisor and teller(s). Each team members shall follow the principles, regulations and professional standards specified for each position; they are fully equipped with facilities and equipment to fulfill the tasks assigned at the Commune Transaction Point.

The Commune Transaction Team is responsible for disseminating and publicizing credit policies; loan disbursement, collection of interest, debt, deposits of group members, residential deposits. In addition, the Commune Transaction Team also receives loan applications, debt handling files, etc.; conducts meetings and briefings with mass organizations, leaders of the Savings and Credit Groups to communicate, deploy tasks and get information on activities of Savings and Credit groups and borrowers.



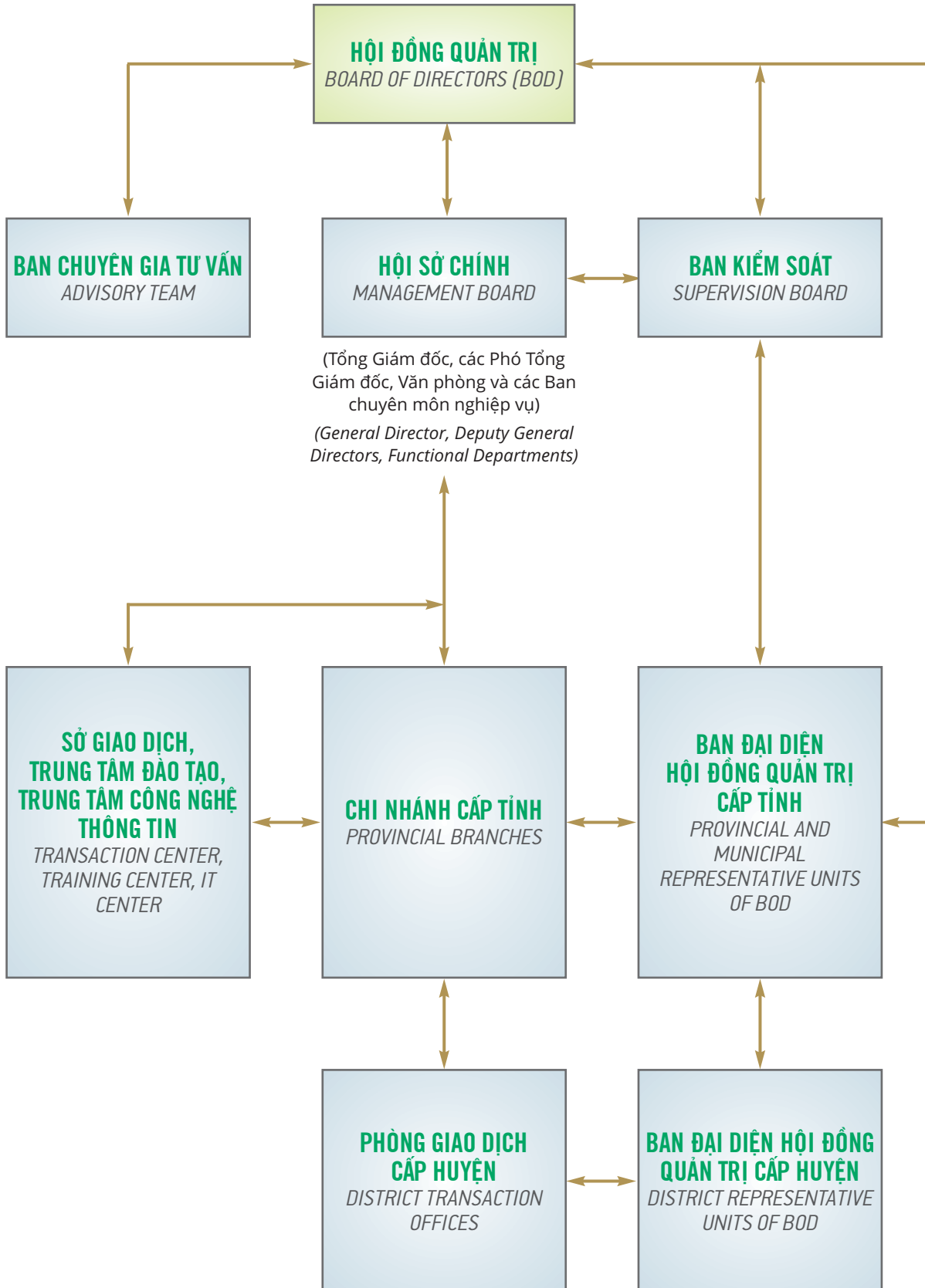
Thông qua việc giải ngân, thu nợ trực tiếp đến người vay, thu lãi, thu tiền gửi tiết kiệm qua Ban quản lý tổ và thực hiện các giao dịch với tổ chức, cá nhân có liên quan. Hoạt động giao dịch tại xã đóng vai trò quan trọng giúp người nghèo và các đối tượng chính sách khác tiếp cận tín dụng chính sách xã hội của Chính phủ thuận lợi, tiết giảm chi phí, thực hiện quy chế dân chủ, công khai và tăng cường sự giám sát của chính quyền địa phương, các tổ chức chính trị - xã hội trong việc thực thi tín dụng chính sách.

Tóm lại, hoạt động giao dịch tại xã là cách thức tác nghiệp của Ngân hàng Chính sách xã hội phục vụ giao dịch với khách hàng tại Điểm giao dịch xã do Tổ giao dịch xã thực hiện, nhằm tăng cường khả năng tiếp cận dịch vụ tín dụng chính sách xã hội của Chính phủ đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác; tiết giảm các chi phí giao dịch của người vay; thực hiện dân chủ, công khai việc sử dụng vốn tín dụng chính sách và tăng cường sự chỉ đạo của chính quyền địa phương, các tổ chức chính trị - xã hội trong việc kiểm tra, giám sát và giúp đỡ người vay sử dụng vốn có hiệu quả.

Through direct loan disbursement to and debt collection from borrowers, interest and savings deposit collection from Savings and Credit groups and transaction with relating organizations and individuals, commune transaction plays an important role in helping the poor and other policy beneficiaries to access social policy credit of the Government in a convenience, cost saving manner; democratic and public way and strengthen supervision of local authorities and mass organizations over the implementation of policy credit.

In summary, commune transaction is VBSP's operation method to serve customers at commune transaction points through commune transaction teams in order to improve access of the poor and other policy beneficiaries to policy credit of the government; reducing transaction costs for borrowers; exercising democracy, publicity and strengthen supervision of local authorities and mass organizations in controlling, supervising and assisting borrowers in effective loan utilization.

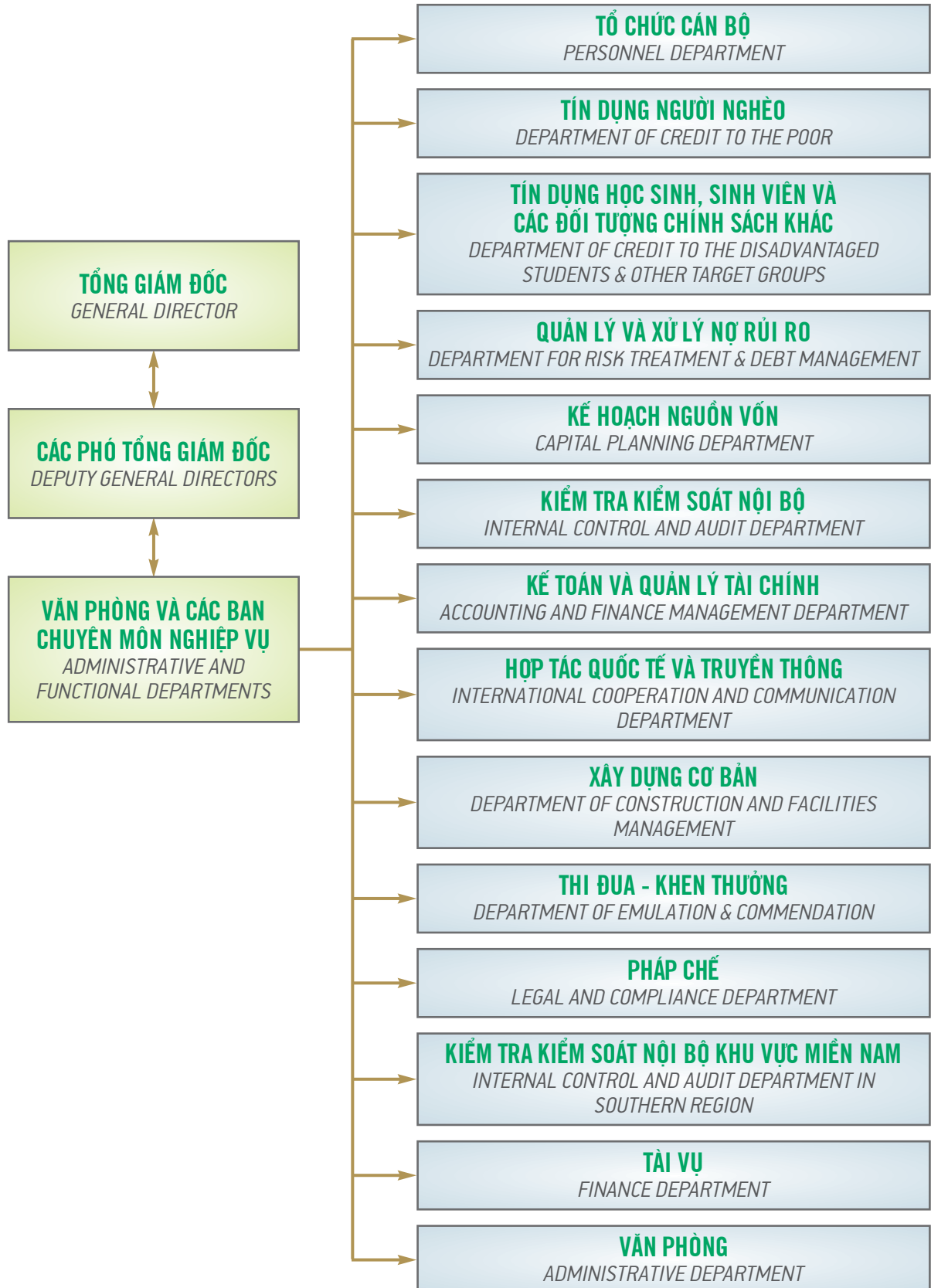
SƠ ĐỒ TỔ CHỨC HỆ THỐNG ORGANIZATION CHART





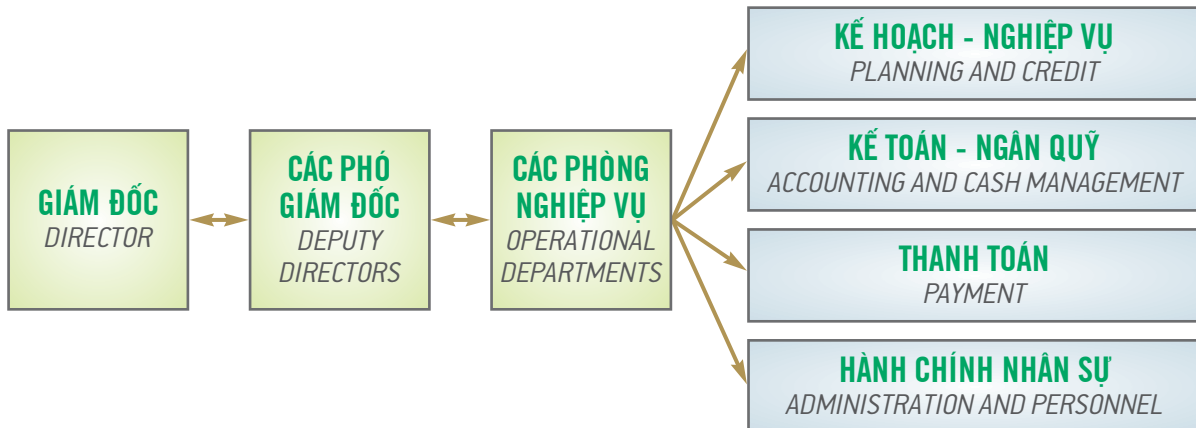
SƠ ĐỒ TỔ CHỨC HỘI SỞ CHÍNH

ORGANIZATION CHART OF HEADQUARTERS



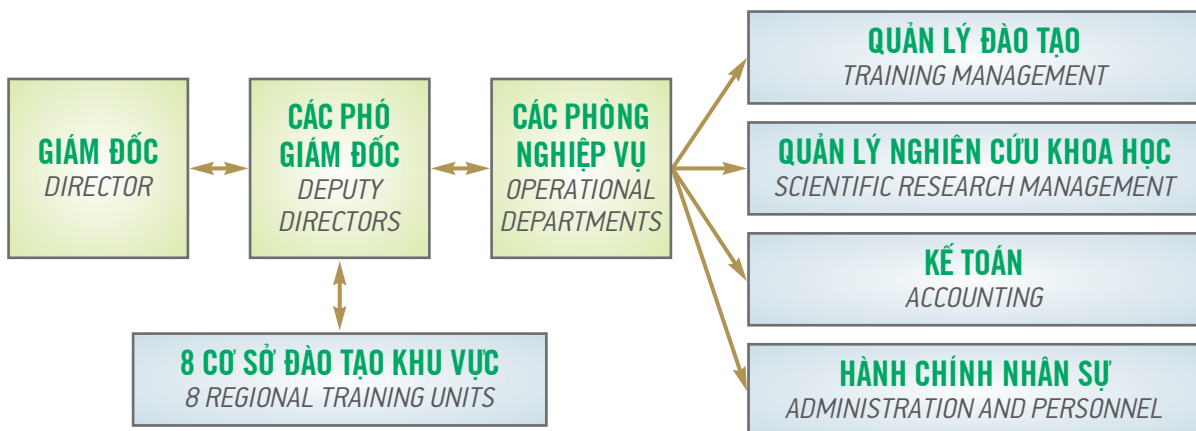
SƠ ĐỒ TỔ CHỨC SỞ GIAO DỊCH

ORGANIZATION CHART OF TRANSACTION CENTER



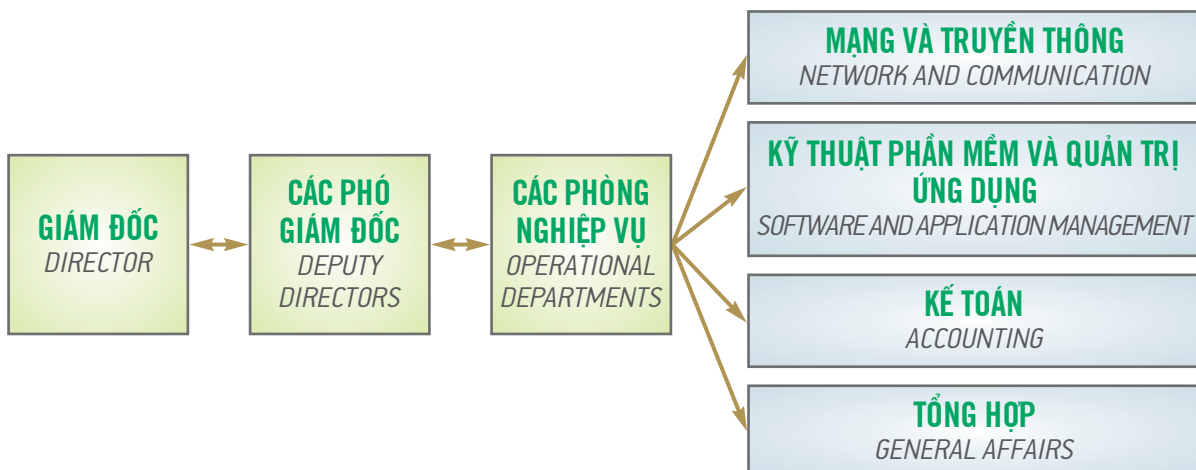
SƠ ĐỒ TỔ CHỨC TRUNG TÂM ĐÀO TẠO

ORGANIZATION CHART OF TRAINING CENTER



SƠ ĐỒ TỔ CHỨC TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

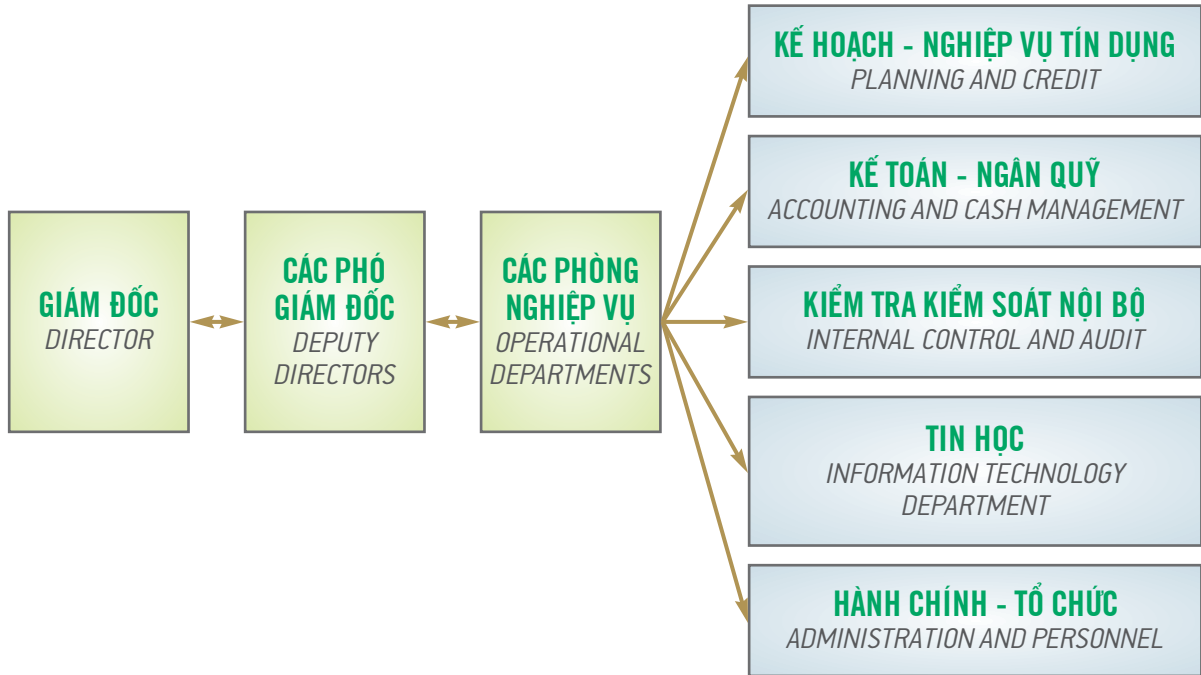
ORGANIZATION CHART OF INFORMATION TECHNOLOGY CENTER





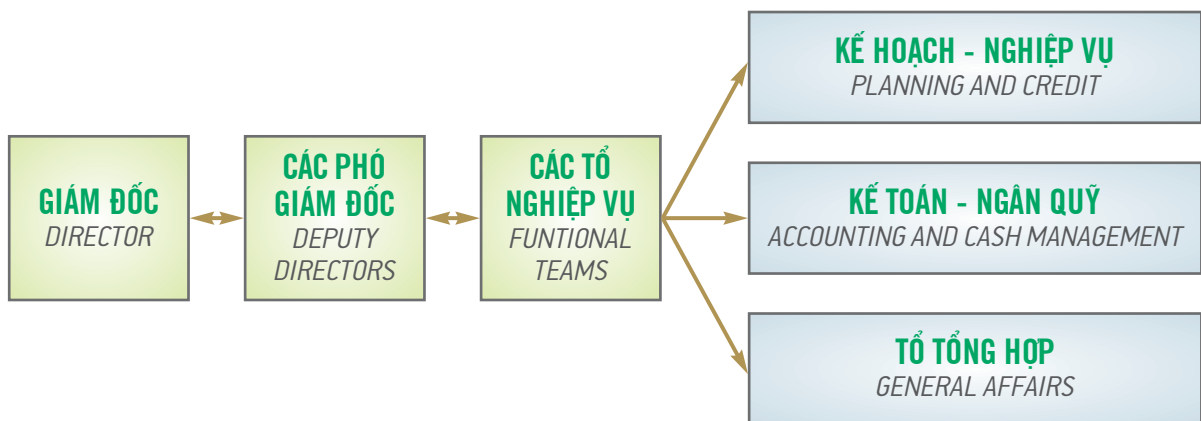
SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CHI NHÁNH CẤP TỈNH

ORGANIZATION CHART OF PROVINCIAL BRANCHES



SƠ ĐỒ TỔ CHỨC PHÒNG GIAO DỊCH CẤP HUYỆN

ORGANIZATION CHART OF DISTRICT TRANSACTION OFFICES



KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (nguồn vốn)

OPERATIONAL ACHIEVEMENT (FUNDING SOURCES)

Tổng nguồn vốn đến 31/12/2019 đạt 216.362 tỷ đồng, tăng 17.586 tỷ đồng (tăng 8,8%) so với 2018. Trong đó:

1. Nguồn vốn ngân sách Nhà nước cấp:

35.591 tỷ đồng, tăng 4.088 tỷ đồng (tỷ lệ 13%) so với năm 2018 và chiếm tỷ trọng 16,45% trên tổng nguồn vốn, trong đó:

- a) Vốn điều lệ: 17.288 tỷ đồng.
- b) Vốn thực hiện các chương trình tín dụng chính sách theo các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: 18.303 tỷ đồng, cụ thể:
 - Vốn cho vay giải quyết việc làm: 4.539 tỷ đồng.
 - Vốn cho vay chương trình nhà trả chậm: 715,5 tỷ đồng.
 - Vốn cho vay hộ đồng bào dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn: 473 tỷ đồng.
 - Vốn cho vay học sinh, sinh viên: 6.530 tỷ đồng.

Total capital resources as of December 31st, 2019 is VND 216,362 billion, increasing by VND 17,586 billion (equivalent to 8.8%) as compared to 2018. In which:

1. Funding from the State Budget: VND 35.591 billion, increasing by VND 4.088 billion (equivalent to 13%) as compared to 2018 and accounting for 16.45% of total funding, out of which:

- a) Charter capital: VND 17.288 billion.
- b) Capital for policy credit programs under decisions of the Prime Minister: VND 18.303 billion, details are as follows:
 - Funding for job creation program: VND 4,539 billion.
 - Funding for deferred payment housing: VND 715.5 billion.
 - Funding for extremely disadvantaged ethnic





- Vốn cho vay hộ đồng bào dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 74/2008/QĐ-TTg và Quyết định số 29/2013/QĐ-TTg: 240,5 tỷ đồng.
- Vốn cho vay xuất khẩu lao động tại huyện nghèo theo Quyết định số 71/2009/QĐ-TTg: 207 tỷ đồng.
- Vốn cho vay hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở theo Quyết định số 167/2008/QĐ-TTg và Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg: 3.750 tỷ đồng.
- Vốn cho vay hộ nghèo xây dựng nhà ở phòng, tránh, lũ, lụt: 136 tỷ đồng.
- Vốn cho vay hỗ trợ sản xuất, chuyển đổi ngành nghề theo Quyết định số 755/2014/QĐ-TTg: 549 tỷ đồng.
- Vốn cho vay nhà ở xã hội theo Nghị định số 100/2015/NĐ-CP: 1.163 tỷ đồng.

2. Vốn vay và huy động: 151.847 tỷ đồng, tăng 9.345 tỷ đồng so với năm 2018 và chiếm tỷ trọng 70,18% trên tổng nguồn vốn, trong đó:

- a) Vốn vay Ngân hàng Nhà nước và vay, nhận ủy thác nước ngoài: 12.162 tỷ đồng.
- b) Nhận tiền gửi 2% của các tổ chức tín dụng Nhà nước: 71.270 tỷ đồng.
- c) Phát hành trái phiếu Ngân hàng Chính sách xã hội được Chính phủ bảo lãnh: 39.291 tỷ đồng.
- d) Huy động vốn của tổ chức, cá nhân trên

- minority households program: VND 473 billion.*
- *Funding for disadvantaged students program: VND 6,530 billion.*
- *Funding for extremely disadvantaged ethnic minority households under Decisions No. 74/2008/QĐ-TTg and No. 29/2013/QĐ-TTg: VND 240.5 billion.*
- *Funding for Migrant Workers in poor districts under Decision No. 71/2009/QĐ-TTg: VND 207 billion.*
- *Funding for Housing for the Poor under Decision No. 167/2008/QĐ-TTg and Decision 33/2015: VND 3,750 billion.*
- *Funding for housing against flooding for the poor: VND 136 billion.*
- *Funding for production and job change support under Decision No. 755/2013/QĐ-TTg: VND 549 billion.*
- *Funding for social housing under Decree No. 100/2015/ND-CP: VND 1,163 billion.*

2. Borrowings and mobilized funds: VND 151,847 billion, increasing by VND 9,345 billion as compared to 2018 and accounting for 70.18% of total capital resources, in which:

- a) *Borrowings from State Bank of Vietnam and entrusted funds from foreign donors: VND 12,162 billion.*
- b) *Two-percent mandatory deposits from state-owned credit institutions: VND 71,270 billion.*
- c) *Government-guaranteed bonds issued by VBSP: VND 39,291 billion.*
- d) *Fund mobilized from organizations and individuals*



thị trường: 29.124 tỷ đồng. Trong đó: Huy động tiền gửi thông qua Tổ tiết kiệm và vay vốn: 10.720 tỷ đồng.

3. Vốn nhận ủy thác từ ngân sách địa phương và các Chủ đầu tư khác: 15.434 tỷ đồng, tăng 3.625 tỷ đồng (tỷ lệ 30,7%) so với năm 2018 và chiếm tỷ trọng 7,13% trên tổng nguồn vốn.

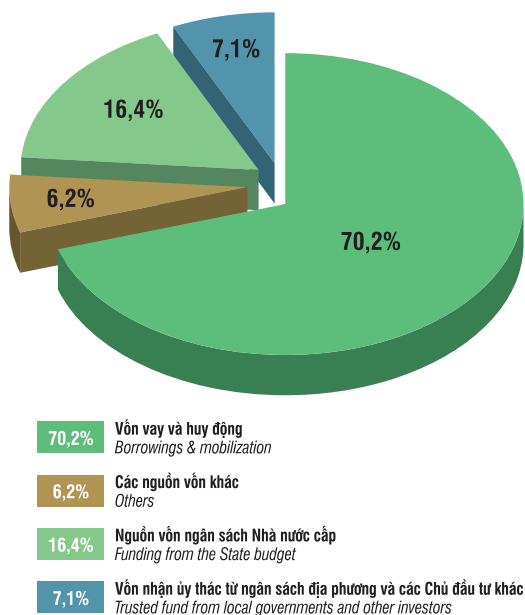
4. Các nguồn vốn khác: 13.490 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 6,23% so tổng nguồn vốn.

on market: VND 29,124 billion, in which: savings through Savings and Credit groups: VND 10,720 billion.

3. Entrusted capital from local state budget and other investors: VND 15,434 billion, increasing by VND 3,625 billion (equivalent to 30.7%) as compared to 2018 and accounting for 7.13% of the total capital.

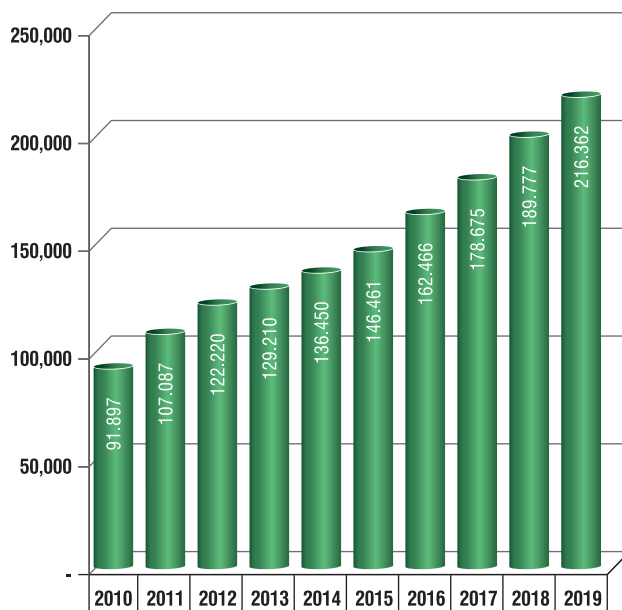
4. Other funds and capital: VND 13,490 billion, accounting for 6.23% of total capitals.

KẾT CẤU NGUỒN VỐN NĂM 2019
THE STRUCTURE OF LIABILITIES



TĂNG TRƯỞNG NGUỒN VỐN QUA CÁC NĂM
ANNUAL CAPITAL GROWTH

(Đơn vị: Tỷ đồng / Unit: VND Billion)





KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (sử dụng vốn)

OPERATIONAL ACHIEVEMENTS (USES OF FUNDS)

Tổng dư nợ đến 31/12/2019 đạt 206.805 tỷ đồng, tăng 19.013 tỷ đồng (tỷ lệ tăng 10,1%) so với năm 2018. Trong đó:

- Cho vay hộ nghèo là 34.851 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 16,85% so với tổng dư nợ.
- Cho vay hộ cận nghèo là 31.784 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 15,37% so với tổng dư nợ.
- Cho vay hộ mới thoát nghèo là 34.422 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 16,64% so với tổng dư nợ.
- Cho vay học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn là 11.020 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 5,33% so với tổng dư nợ.
- Cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn là 35.040 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 16,94% so với tổng dư nợ.
- Cho vay giải quyết việc làm là 21.737 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 10,51% so với tổng dư nợ.
- Cho vay hộ sản xuất kinh doanh tại vùng khó khăn là 24.092 tỷ đồng chiếm tỷ trọng 11,65% so với tổng dư nợ.

Total outstanding loans as of 31st December 2019 is VND 206,805 billion, increasing by VND 19,013 billion (equiv. to 10.1%) as compared to 2018. Out of which:

- *Poor Households Program: VND 34,851 billion, accounting for 16.85% of total outstanding loans.*
- *Near-Poor Households Program: VND 31,784 billion, accounting for 15.37% of total outstanding loans.*
- *Post-Poor Program: VND 34,422 billion, accounting for 16.64% of total outstanding loans.*
- *Disadvantaged Students Program: VND 11,020 billion, accounting for 5.33% of total outstanding loans.*
- *Rural Safe Water and Sanitation Program: VND 35,040 billion, accounting for 16.94% of total outstanding loans.*
- *Job Creation Program: VND 21,737 billion, accounting for 10.51% of total outstanding loans.*
- *Program for business and production households in disadvantaged areas: VND 24,092 billion, accounting for 11.65% of total outstanding loans.*

- Cho vay thương nhân hoạt động thương mại tại vùng khó khăn theo Quyết định số 92/2009/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ là 223 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 0,11% so với tổng dư nợ.
- Cho vay đối tượng chính sách đi lao động có thời hạn ở nước ngoài là 960 tỷ đồng (trong đó cho vay theo Quyết định số 71/2009/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ là 35 tỷ đồng), chiếm tỷ trọng 0,46% so với tổng dư nợ.
- Cho vay nhà ở xã hội theo Nghị định số 100/2015 là 2.397 tỷ đồng chiếm tỷ trọng 1,16% so với tổng dư nợ
- Cho vay mua nhà ở trả chậm vùng Đồng bằng sông Cửu Long là 670 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 0,32% so với tổng dư nợ.
- Cho vay hộ nghèo về nhà ở theo Quyết định số 167 và Quyết định số 33 là 4.842 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 2,34% so với tổng dư nợ.
- Cho vay hộ nghèo làm nhà ở phòng, tránh lũ, lụt là 198 tỷ đồng, chiếm 0,1% so với tổng dư nợ.
- Cho vay hộ đồng bào dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn theo Quyết định 32/2007 và Quyết định 54/2012 là 477 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 0,23% so với tổng dư nợ.
- Cho vay hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn vùng Đồng bằng sông Cửu Long theo Quyết định số 74/2008/QĐ-TTg và Quyết định số 29/2013/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ là 241 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 0,12% so với tổng dư nợ.
- *Program for entrepreneurs doing business in disadvantaged areas under Decision 92/2009/QĐ-TTg of the Prime Minister: VND 233 billion, accounting for 0.11% of total outstanding loans.*
- *Program for Migrant Workers: VND 960 billion (in which VND 35 billion is lending pursuant to Decision No. 71/2009/QĐ-TTg of the Prime Minister), accounting for 0.46% of total outstanding loans.*
- *Housing under Decree No. 100/2015: VND 2,397 billion, accounting for 1.16% of total outstanding loans.*
- *Deferred payment housing in Mekong River Delta: VND 670 billion, accounting for 0.32% of total outstanding loans*
- *Housing for the Poor Program under Decision 167 & 33: VND 4,842 billion, accounting for VND 2.34% of total outstanding loans.*
- *Housing against flooding for the Poor: VND 198 billion, accounting for 0.1% of total outstanding loans.*
- *Extremely disadvantaged ethnic minority households Program under Decision No. 32/2007 and Decision No. 54/2012: VND 477 billion, accounting for 0.23% of total outstanding loans.*
- *Program for Disadvantaged and Poor Ethnic Minority Households in Mekong River Delta under Decision No. 74/2008/QĐ-TTg and Decision No. 29/2013/QĐ-TTg of the Prime Minister: VND 241 billion, accounting for 0.12% of total outstanding loans.*

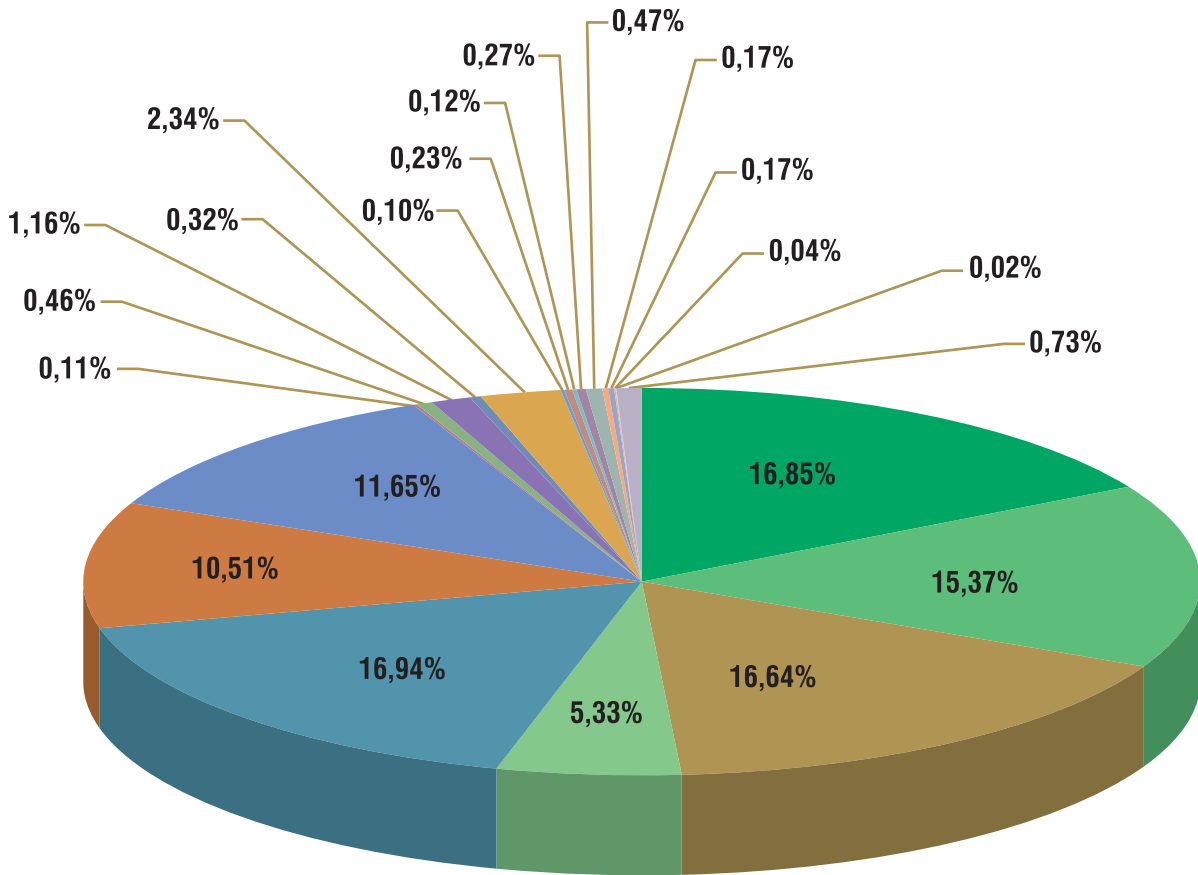




- Cho vay hỗ trợ đất sản xuất, chuyển đổi ngành nghề cho đồng bào dân tộc thiểu số nghèo đời sống khó khăn theo Quyết định số 755/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ là 552 tỷ đồng, chiếm 0,27% so với tổng dư nợ.
 - Cho vay dân tộc thiểu số theo Quyết định số 2085/2016 là 973 tỷ đồng chiếm 0,47% so với tổng dư nợ.
 - Cho vay trồng rừng sản xuất, phát triển chăn nuôi theo Nghị định 75/2015 của Chính phủ là 347 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 0,17% so với tổng dư nợ.
 - Cho vay chương trình phát triển ngành lâm nghiệp (Dự án FSDP) là 356 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 0,17% so với tổng dư nợ.
 - Cho vay chương trình phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa (dự án KFW) là 76 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 0,04% so với tổng dư nợ.
 - Cho vay một số dự án vốn nước ngoài khác là 45 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 0,02% so với tổng dư nợ.
 - Cho vay khác là 1.503 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 0,73% so với tổng dư nợ.
- *Support to production land and job change for Disadvantaged and Poor Ethnic Minority Households under Decision No. 755/QĐ-TTg of the Prime Minister: VND 552 billion, accounting for 0.27% of total outstanding loans.*
 - *Ethnic Minority program under Decision No. 2085/2016: VND 973 billion, accounting for 0.47% of total outstanding loans.*
 - *Production Forest and Husbandry Development under Decree 75/2015 of the Government: VND 347 billion, accounting for 0.17% of total outstanding loans.*
 - *Forest Sector Development Program (FSDP): VND 356 billion, accounting for 0.17% of total outstanding loans.*
 - *Small and Medium Enterprises Program (KFW project): VND 76 billion, accounting for 0.04% of total outstanding loans*
 - *Other projects funded by foreign organizations: VND 45 billion, accounting for 0.02% of total outstanding loans.*
 - *Other lending: VND 1,503 billion, accounting for 0.73% of total outstanding loans.*



KẾT CẤU DƯ NỢ NĂM 2019
THE STRUCTURE OF OUTSTANDING LOANS IN 2019



- 16,85%** Cho vay Hộ nghèo
Poor Households Program
- 15,37%** Cho vay Hộ cận nghèo
Near-Poor Households Program
- 16,64%** Cho vay Hộ mới thoát nghèo
Post-Poor Households Program
- 5,33%** Cho vay Học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn
Disadvantaged Students Program
- 16,94%** Cho vay Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn
Rural Safe Water and Sanitation Program
- 10,51%** Cho vay Giải quyết việc làm
Job Creation Program
- 11,65%** Cho vay Hộ sản xuất kinh doanh tại vùng khó khăn
Program for Business and Production Households Living in Extremely Disadvantaged Areas and Communes
- 0,11%** Cho vay Thương nhân hoạt động thương mại tại vùng khó khăn
Program for Entrepreneurs Doing Business in Disadvantaged Areas
- 0,46%** Cho vay Đối tượng chính sách di lao động có thời hạn ở nước ngoài
Program for Migrant Workers
- 1,16%** Cho vay Nhà ở xã hội theo NB số 100/2015
Housing - Decree 100/2015
- 0,32%** Cho vay mua nhà ở trả chậm vùng Đồng bằng sông Cửu Long
Deferred Payment Housing in Mekong River Delta
- 2,34%** Cho vay Hộ nghèo về nhà ở theo QĐ số 167 và QĐ số 33
Housing for the Poor - Decision 167 and Decision 33
- 0,10%** Cho vay Hộ nghèo làm nhà ở phòng, tránh, lũ, lụt
Housing against Flooding for the Poor
- 0,23%** Cho vay Hộ đồng bào dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn theo QĐ 32/2007 và QĐ 54/2012
Extremely Disadvantaged Ethnic Minority Households Program - Decision 32/2007 and Decision 54/2012
- 0,12%** Cho vay Hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đối tượng khó khăn vùng Đồng bằng sông Cửu Long theo QĐ 74/2008 và QĐ 29/2013
Program for Disadvantaged and Poor Ethnic Minority Households in Mekong River Delta - Decision 74/2008 and Decision 29/2013
- 0,27%** Cho vay hỗ trợ đất sản xuất, chuyển đổi ngành nghề cho đồng bào dân tộc thiểu số nghèo đối tượng khó khăn theo QĐ 755
Support to production land and job change for Disadvantaged and Poor Ethnic Minority Households - Decision 755
- 0,47%** Cho vay dân tộc thiểu số theo QĐ 2085/2016
Ethnic Minority program - Decision 2085/2016
- 0,17%** Cho vay trồng rừng sản xuất, phát triển chăn nuôi theo NB 75/2015
Production Forest and Husbandry Development - Decree 75/2015
- 0,17%** Cho vay chương trình phát triển ngành lâm nghiệp (Dự án FSDP)
Forest Sector Development Program (FSDP)
- 0,04%** Cho vay chương trình phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa (dự án KFW)
Small and Medium Enterprises Program (KFW)
- 0,02%** Cho vay một số dự án vốn nước ngoài khác
Other projects funded by foreign organizations
- 0,73%** Cho vay khác
Other lending



TÍN DỤNG CHÍNH SÁCH ĐÓNG GÓP THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA

POLICY CREDIT CONTRIBUTION TO THE IMPLEMENTATION OF NATIONAL TARGET PROGRAMS

Song song với tăng trưởng kinh tế, Việt Nam luôn dành sự quan tâm đặc biệt đối với các chương trình an sinh xã hội, chú trọng các chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững và xây dựng nông thôn mới. Là ngân hàng chủ lực trong cho vay giảm nghèo, đến nay Ngân hàng Chính sách xã hội có mạng lưới hoạt động trải khắp đến tất cả các xã, với 63 chi nhánh tỉnh, 631 phòng giao dịch huyện, 10.853 Điểm giao dịch xã và gần 200.000 Tổ tiết kiệm và vay vốn.

In line with economic growth, Vietnam has always paid special attention to social welfare programs, focusing on national poverty reduction programs and new rural development. As a key bank in credit for poverty reduction, VBSP has spread to all communes with 63 provincial branches, 631 district transaction offices, 10,853 commune transaction points and nearly 200,000 Savings and Credit groups.

Với trên 20 chương trình tín dụng chính sách được Ngân hàng Chính sách xã hội triển khai cho nhiều đối tượng với mục tiêu đa dạng, đã tạo nên bước đột phá về cải thiện điều kiện sống và việc làm cho người nghèo, góp phần thực hiện thành công chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo bền vững, xây dựng nông thôn mới.

More than 20 policy credit programs implemented by VBSP for a wide range of target groups and goals have created a breakthrough in improving living conditions and employment of the poor, contributing to successful implementation of the National Target Program on sustainable poverty reduction and new rural development.



TÍN DỤNG CHÍNH SÁCH TRONG CHƯƠNG TRÌNH GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG

Với mục tiêu giảm nghèo bền vững, góp phần thực hiện tăng trưởng kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội, cải thiện đời sống, tăng thu nhập của người dân, đặc biệt là ở các địa bàn nghèo tạo điều kiện cho người nghèo, hộ nghèo tiếp cận thuận lợi các dịch vụ xã hội cơ bản, chương trình mục tiêu giảm nghèo quốc gia giai đoạn 2016-2020 đã đặt ra từng mục tiêu cụ thể.

Thứ nhất, giảm tỷ lệ hộ nghèo cả nước bình quân 1-1,5%/năm, riêng các huyện nghèo, xã nghèo giảm 4%/năm, hộ nghèo dân tộc thiểu số giảm 3-4%/năm theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều giai đoạn 2016-2020. Cùng với sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, để phấn đấu đạt mục tiêu này, năm 2019, nguồn vốn tín dụng chính sách đã đầu tư đến hộ nghèo và các đối tượng chính sách tại 100% các xã, phường trên toàn quốc, với doanh số cho vay hộ nghèo trong năm đạt 8.934 tỷ đồng, góp phần giảm tỷ lệ hộ nghèo

POLICY CREDIT IN SUSTAINABLE POVERTY REDUCTION

With the goal of sustainable poverty reduction, contributing to economic growth, ensuring social security, improving living standards and increasing income of people, especially in poor areas to facilitate the poor to smoothly access to basic social services, the National target program for poverty reduction for the period 2016-2020 has set following specific objectives:

Firstly, to reduce the national poverty rate by 1-1.5%/year, particularly by 4%/year in poor districts and communes and by 3-4%/year vs poor minor ethnic households basing upon the multi-dimensional poverty approach adopted for the period 2016-2020. With the involvement of the entire political system, to achieve this goal, in 2019, policy credit capital has been invested to poor households and policy beneficiaries in 100% of communes and wards nationwide; lending turnover to the poor reached VND 8,934

cả nước giảm còn khoảng 4,05% (giảm 1,3% so với cuối năm 2018).

Thứ hai, mục tiêu cải thiện sinh kế và nâng cao chất lượng cuộc sống của người nghèo, đảm bảo thu nhập bình quân đầu người của hộ nghèo cả nước cuối năm 2020 tăng lên 1,5 lần so với cuối năm 2015. Cùng đồng hành với mục tiêu này, trong năm 2019 các chương trình tín dụng chính sách của Ngân hàng Chính sách xã hội đã thu hút và tạo việc làm cho 302.367 lao động, giúp 7.269 lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài; 43.813 lượt học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn vay vốn học tập trong năm.

Thứ ba, với mục tiêu cơ sở hạ tầng kinh tế xã hội tại các huyện nghèo, xã nghèo, thôn, bản đặc biệt khó khăn được tập trung đầu tư đồng bộ theo tiêu chí nông thôn mới, trước hết là hạ tầng thiết yếu như giao thông, trường học, trạm y tế, thủy lợi nhỏ, nước sinh hoạt, Ngân hàng Chính sách xã hội có chương trình cho vay để xây dựng nhà ở, chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn. Trong năm 2019, vốn tín dụng chính sách hỗ trợ xây dựng 17.155 căn nhà ở cho hộ nghèo và hộ dân vùng đồng bằng sông Cửu Long.

Riêng tại địa bàn các huyện nghèo, doanh số cho vay đến hết 2019 đạt 7.311 tỷ đồng với 187.680 lượt hộ nghèo, cận nghèo và các đối tượng chính sách khác. Tổng dư nợ các chương trình tín dụng chính sách tại các huyện nghèo đạt 22.171 tỷ đồng, với gần 581.075 khách hàng còn dư nợ. Hiện nay, dư nợ bình quân đạt trên 261 tỷ đồng/huyện.

TÍN DỤNG CHÍNH SÁCH TRONG CHƯƠNG TRÌNH XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

Mục tiêu chung của Chương trình xây dựng nông thôn mới bao gồm “Xây dựng nông thôn mới để nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người dân; có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội phù hợp; cơ cấu kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, gắn phát triển nông nghiệp với công nghiệp, dịch vụ; gắn phát triển nông thôn với đô thị; xã hội nông thôn dân chủ, bình đẳng, ổn định, giàu bản sắc văn hóa dân tộc; môi trường sinh thái được bảo vệ; quốc phòng và an ninh, trật tự được giữ vững”. Theo đó, có 19 tiêu chí quốc gia

billion, contributing to decrease national poverty rate to 4.05% (decreased by 1.3% as compared to 2018).

Secondly, to improve livelihoods and living standard of the poor, ensuring their capita income by 2020 end rise by 1.5 times as compared to the end of 2015 in the whole country. Responding to this objective, in 2019 policy credit programs of VBSP has attracted and created jobs for more than 302,367 laborers, helping more than 7,269 workers have migrant jobs; over 43,813 disadvantaged students in schooling.

Thirdly, to synchronously develop socio-economic infrastructure in poor districts and communes, as well as in extremely disadvantaged villages in accordance with criteria of new rural development, firstly essential infrastructure such as transport network, schools, health care bases, small irrigation systems, safe water, VBSP has been extending loans for housing, rural safe water and sanitation. In 2019, policy credit supported to build nearly 17,155 houses for poor households and people in Mekong River Delta.

For poor districts, total lending turnover till the end of 2019 reached VND 7,311 billion for 187,680 turns of the poor and near poor households and other policy beneficiaries. Total outstanding loans of policy credit programs in poor districts reached VND 22,171 billion for 581,075 active customers. Average outstanding loan of a poor district currently is VND 261 billion.

POLICY CREDIT IN THE NEW RURAL DEVELOPMENT

The general objective of the new Rural Development Program is to "build new rural areas to improve material and spiritual life of the people; have appropriate socio-economic infrastructure; suitable economic structure and production organization, linking agricultural development with industry and services; rural development with urban areas; a rural society of democracy, equality, stability, rich cultural identity; protected ecological environment; maintained defense and security." Accordingly, 19 national criteria for new rural communes were

về xã nông thôn mới được xây dựng tại Quyết định số 1980/QĐ-TTg, ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020.

Trong 19 tiêu chí này, vốn tín dụng chính sách đã góp phần giúp người dân các xã đang xây dựng nông thôn mới, đạt một số tiêu chí như: Về tiêu chí việc làm, năm 2019, vốn tín dụng chính sách đã giúp thu hút và tạo việc làm cho 302.367 lao động; giúp hơn 6.773 lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài; 496 lao động thuộc huyện nghèo đi xuất khẩu lao động. Tiêu chí giáo dục và đào tạo, vốn tín dụng chính sách giúp 43.813 lượt học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn vay vốn học tập trong năm. Với tiêu chí môi trường và an toàn thực phẩm, vốn tín dụng chính sách đã góp phần xây dựng hơn 1,3 triệu công trình nước sạch, vệ sinh ở nông thôn. Tiêu chí nhà ở dân cư, vốn tín dụng chính sách đã hỗ trợ xây dựng gần 16.000 căn nhà ở cho hộ nghèo và hộ dân vùng đồng bằng sông Cửu Long, và hơn 1.000 nhà ở phòng tránh bão lụt miền Trung...

Riêng đối với địa bàn các xã đang xây dựng nông thôn mới, Ngân hàng Chính sách xã hội coi việc tăng cường nguồn vốn, nâng cao hiệu quả vốn tín dụng chính sách góp phần giảm tỷ lệ hộ nghèo, tạo việc làm, tăng thu nhập, nâng cao đời sống người dân là nhiệm vụ hàng đầu. Doanh số cho vay tại các xã xây dựng nông thôn mới năm 2019 trên toàn quốc đạt 63.350 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 87%/tổng doanh số cho vay các chương trình tín dụng tại Ngân hàng Chính sách xã hội; dư nợ đến 31/12/2019 tại các xã xây dựng nông thôn mới đạt 179.300 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 86,7%/tổng dư nợ, với gần 5,5 triệu khách hàng còn dư nợ. Dư nợ bình quân/xã đạt 20,2 tỷ đồng, tăng 2,4 tỷ đồng (+11,2%) so với đầu năm 2019. Năm 2019, vốn tín dụng chính sách góp phần hỗ trợ tạo việc làm cho hơn 272 nghìn lao động, trong đó hơn 6 nghìn lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài; giúp hơn 38 nghìn học sinh sinh viên có hoàn cảnh khó khăn vay vốn học tập; xây dựng hơn 1,2 triệu công trình nước sạch, công trình vệ sinh ở nông thôn; xây dựng hơn 15 nghìn căn nhà ở cho hộ nghèo;... Đến thời điểm hiện nay, cả nước có 4.849 xã đạt chuẩn nông thôn mới (tỷ lệ 54,5%), bình quân tiêu chí toàn

built under Decision No. 1980/QĐ-TTg of the Prime Minister dated 17st October 2016 approved the National Target Program for new rural development for the period of 2016-2020.

Among these 19 criteria, policy credit has contributed to helping the people in communes under new rural development progress achieve some criteria such as: for employment in 2019, credit policy has helped attract and create jobs for over 302,367 laborers; helping 6,773 workers work abroad; 496 workers from poor districts work abroad. For education and training, credit policy has helped 43,813 turns of disadvantaged students to continue studying. For environment protection and food safety, credit policy has contributed to building over 1.3 million safe water and sanitation facilities in rural areas. For residential housing, credit policy has supported to construction of nearly 16,000 houses for poor households and people in the Mekong River Delta and more than 1,000 houses against flooding in Central Vietnam, etc.

Particularly for communes under new rural development progress, VBSP considers the increase of investment capital and improvement of the efficiency of credit policy which contribute to reducing poverty rate, creating jobs, raising income and improving people's living standards as the leading task. In 2019, total lending turnover at new rural communes reached nearly VND 63,350 billion, accounting for 87% of the total lending of VBSP; total outstanding loans as of December 31st 2019 of these communes reached VND 179,300 billion, accounting for 86.7% of total outstanding loans with nearly 5.5 million active customers. Average outstanding loan per commune reached VND 20.2 billion, an increase of VND 2.4 billion (+ 11.2%) compared to the beginning of 2019. In 2019, policy credit has contributed to supporting and creating jobs for over 272,000 laborers, in which more than 6,000 workers work abroad; helping more than 38,000 disadvantaged students in schooling; building over 1.2 million water supply and sanitation facilities in rural areas and over 15,000 houses for poor households, etc. Up to now, the whole country has 4,849 (54.5% of total) new rural



quốc đạt 15,66 tiêu chí/xã, với 113 đơn vị cấp huyện của 41 tỉnh/thành phố được Thủ tướng Chính phủ công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới

Trong những năm tiếp theo, Ngân hàng Chính sách xã hội bảo đảm 100% người nghèo và các đối tượng chính sách khác có nhu cầu và đủ điều kiện đều được tiếp cận các sản phẩm, dịch vụ do Ngân hàng Chính sách xã hội cung cấp. Tập trung huy động nguồn lực và tổ chức triển khai cho vay hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số, huyện nghèo, xã nghèo, xã biên giới, xã an toàn khu, xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn, vùng bãi ngang ven biển, hải đảo.

Ngoài ra, Ngân hàng Chính sách xã hội tiếp tục phối hợp, lồng ghép có hiệu quả hoạt động tín dụng chính sách xã hội với hoạt động của của tổ chức chính trị - xã hội nhằm mục tiêu giảm nghèo nhanh và bền vững, bảo đảm an sinh xã hội. Phối hợp hiệu quả các hoạt động khuyến nông, khuyến công, khuyến lâm, khuyến ngư, hỗ trợ kỹ thuật, chuyển giao khoa học công nghệ, tiêu thụ sản phẩm... Tăng cường công tác tuyên truyền để mọi người dân đều biết, nhân rộng mô hình thoát nghèo gắn kết với cộng đồng dân cư trên địa bàn, nhằm góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu giảm nghèo nhanh và bền vững của Chính phủ.

communes, the average national standard reaches 15.66 criteria per commune, 113 district-level units of 41 provinces/cities are recognized as new rural communes by the Prime Minister.

In the coming years, VBSP ensures that 100% of the poor and other policy beneficiaries have access to products and services provided by VBSP. Furthermore, VBSP will focus on mobilizing resources to provide loans for poor, near poor, post poor households, communes in ethnic minority areas, poor districts, poor communes, border communes and extremely disadvantaged communes, coastal areas and islands.

In addition, VBSP will continue coordinating and effectively integrating policy credit with the activities of mass organizations in order to reduce poverty quickly and sustainably, ensuring social security; effectively coordinates agricultural extension, industrial extension, forestry extension, fishery extension, technical assistance, science and technology transfer, products consumption, etc.; and strengthen communication to all people, replicating escaping from poverty model associated with local communities in order to contribute to successful implementation of the Government's rapid and sustainable poverty reduction target.

NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI GÓP PHẦN THỰC HIỆN TÀI CHÍNH TOÀN DIỆN VÀ BẢO VỆ QUYỀN LỢI KHÁCH HÀNG

VIETNAM BANK FOR SOCIAL POLICIES CONTRIBUTES TO FINANCIAL INCLUSION APPLICATION AND CLIENT PROTECTION

Tài chính toàn diện là hướng phát triển quan trọng để đạt được mục tiêu cung cấp các dịch vụ chất lượng, thuận tiện đến cho khách hàng là người nghèo và các đối tượng chính sách, khách hàng ở những khu vực nông thôn, miền núi, vùng sâu, vùng xa. Trong những năm qua, thông qua hoạt động của mình, Ngân hàng Chính sách xã hội đã góp phần thực hiện để tăng cường phát triển tài chính toàn diện tại Việt Nam.

Financial inclusion is an important development direction in order to achieve the goal of providing quality and convenient services to the poor, policy beneficiaries and customers in rural, mountainous and remote areas. Over the past years, through its activities, VBSP has contributed to enhancing financial inclusion in Vietnam.

MỞ RỘNG TIẾP CẬN KHÁCH HÀNG

Ngân hàng Chính sách xã hội có mạng lưới rộng lớn, với 63 chi nhánh tỉnh, 631 Phòng giao dịch huyện và 10.853 Điểm giao dịch được mở tại Trụ sở Ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn trong cả nước. Điểm giao dịch xã góp phần tăng cường khả năng tiếp cận dịch vụ tài chính đối với người nghèo và các đối tượng chính sách; tiết giảm chi phí giao dịch và thời gian đi lại của khách hàng.

Bên cạnh đó, Ngân hàng Chính sách xã hội đã phối hợp với chính quyền, các tổ chức chính trị - xã hội thành lập và quản lý gần 200.000 Tổ tiết kiệm và vay vốn tập hợp hộ nghèo, hộ cận nghèo và các đối tượng chính sách khác có nhu cầu vay vốn. Thông qua mô hình này, người nghèo, đối tượng chính sách không chỉ có điều kiện tiếp cận nguồn vốn tín dụng ưu đãi của Chính phủ; mà còn được tiếp cận các dịch vụ tài chính ngân hàng như tiền gửi, thanh toán... Hiện đang có trên 6,5 triệu khách hàng là người nghèo, đối tượng chính sách đã có tiết kiệm và thực hiện giao dịch với Ngân hàng Chính sách xã hội.

Nhờ mạng lưới sâu rộng, có thể nói Ngân hàng Chính sách xã hội đang là ngân hàng có độ bao phủ rộng lớn nhất trong hệ thống ngân hàng tại Việt Nam, đảm bảo cho khách hàng ở khu vực nông thôn, miền núi, vùng sâu, vùng xa có thể dễ dàng tiếp cận dịch vụ tài chính ngân hàng.

EXPAND OUTREACH

VBSP has a wide network with 63 provincial branches, 631 district transaction offices and nearly 11,000 commune transaction points opened at offices of commune/ward/town people's committees throughout the country. Commune transaction points enhance access to financial services for poor people and policy beneficiaries; reduce transaction costs and travel time for customers.

In addition, VBSP has coordinated with local governments and mass organizations to set up and manage nearly 200,000 Savings and Credit groups assembling the poor, near poor households and other policy beneficiaries who have demand for loans. Through this model, the poor and other policy beneficiaries have access not only to preferential funds of the Government but also other financial services such as payments and deposits... Nowadays more than 6.5 million customers who are the poor and policy beneficiaries in rural areas having savings and transactions with VBSP.

Thanks to its extensive network, VBSP probably has the widest network bank in Vietnam banking system, assuring its customers' easy access to banking and financial services in rural, mountainous, and remote areas.



TĂNG CƯỜNG GIÁO DỤC TÀI CHÍNH CHO ĐỐI TÁC VÀ KHÁCH HÀNG

Ngân hàng Chính sách xã hội đã chú trọng đào tạo tài chính cho đối tác là cán bộ các tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác, Ban quản lý Tổ tiết kiệm và vay vốn. Chương trình đào tạo bao gồm kiến thức, kỹ năng quản lý các chương trình tín dụng, tiết kiệm, dịch vụ thanh toán... Đồng thời, Ngân hàng Chính sách xã hội cũng thường xuyên phối hợp với tổ chức chính trị - xã hội, Tổ tiết kiệm và vay vốn; chính quyền, cơ quan khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư trợ giúp khách hàng thông qua hoạt động giáo dục tài chính hướng dẫn làm quen, tiếp cận, sử dụng dịch vụ, sản phẩm tài chính cũng như hướng dẫn kỹ thuật sản xuất kinh doanh nhằm nâng cao năng lực, hiệu quả sử dụng vốn...

Và Ngân hàng Chính sách xã hội đã có riêng một ứng dụng về giáo dục tài chính trên điện thoại động có tên gọi là "Ngân hàng Chính sách xã hội - Giáo dục tài chính". Với giao diện tính năng đơn giản, dễ

ENHANCE FINANCIAL EDUCATION FOR PARTNERS AND CUSTOMERS.

VBSP has focused on financial training for its partners, who are officials of mass organizations and management boards of Savings and Credit groups. Training programs include knowledge, management skills of credit programs, savings programs, payment services... At the same time, VBSP also regularly cooperates with mass organizations, Savings and Credit groups, local governments, agricultural, forestry and fishery extension agencies to assist customers through financial education activities to familiarize them with access to and use of financial products and services as well as production and business techniques to increase capacity and efficiency of using capital.

Besides, VBSP has developed its own mobile app for financial education called "NHCSXH-GDTC". With a simple and easy-to-understand interface, the app is suitable for the poor and other policy beneficiaries in

hiểu, dễ sử dụng phù hợp với người nghèo và đối tượng chính sách trong việc tiếp cận các kiến thức về quản lý tài chính cá nhân và các thông tin liên quan đến chính sách tín dụng ưu đãi.

CÁC SẢN PHẨM LUÔN HƯỚNG ĐẾN SỰ THUẬN TIỆN CHO KHÁCH HÀNG

Với đối tượng khách hàng chủ yếu tập trung ở khu vực nông thôn, vùng khó khăn, những người yếu thế, khó tiếp cận các sản phẩm, dịch vụ từ ngân hàng thương mại, Ngân hàng Chính sách xã hội đã nghiên cứu phát triển dịch vụ phù hợp. Ngoài việc triển khai các chương trình tín dụng theo chỉ định của Chính phủ đến nhiều đối tượng, Ngân hàng Chính sách xã hội đã thiết kế các sản phẩm tiết kiệm dành riêng cho thành viên Tổ tiết kiệm và vay vốn. Theo đó, người nghèo, đối tượng chính sách định kỳ hàng tháng dành dụm chi tiêu, gửi vào ngân hàng một số tiền nhất định (phổ biến là 30.000 đồng, 50.000 đồng...). Tổ trưởng Tổ tiết kiệm và vay vốn được Ngân hàng Chính sách xã hội ủy nhiệm thu tiết kiệm của các thành viên trong tổ nhưng mỗi tổ viên đều được mở một tài khoản riêng để theo dõi với quy trình và sự kiểm soát chặt chẽ. Thông qua hoạt động này, trong thời gian qua đã có trên 6,5 triệu người nghèo, đối tượng chính sách, thành viên Tổ tiết kiệm và vay vốn tham gia. Một mặt tạo lập thói quen tiết kiệm. Mặt khác, tạo điều kiện để người nghèo, đối tượng chính sách tiếp cận dịch vụ ngân hàng.

Bên cạnh đó, từ năm 2016, Ngân hàng Chính sách xã hội đã triển khai dịch vụ huy động tiết kiệm dân cư tại Điểm giao dịch xã. Thay vì phải đi đến trụ sở ngân hàng xa nơi sinh sống, người dân khu vực nông thôn có thể gửi tiết kiệm vào Ngân hàng Chính sách xã hội ngay tại Điểm giao dịch xã. Sản phẩm đem lại sự tiện lợi cho khách hàng sinh sống ở xa trung tâm đô thị, góp phần huy động được nguồn lực trong nhân dân; đồng thời, đưa sản phẩm, dịch vụ Ngân hàng về nông thôn.

ỨNG DỤNG TÀI CHÍNH KỸ THUẬT SỐ

Nhằm tiếp cận các dịch vụ tài chính kỹ thuật số vào hoạt động, Ngân hàng Chính sách xã hội đã triển khai dự án "Dịch vụ ngân hàng trên điện thoại di động" từ năm 2017 - 2019.

accessing personal financial management knowledge and information relating to preferential credit policy.

PRODUCTS ARE ALWAYS DESIGNED TOWARDS CONVENIENCE FOR CUSTOMERS

Vietnam Bank for Social Policies has studied and developed appropriate services for its customers, who are the vulnerable population living in rural and disadvantaged areas and have limited access to commercial bank products and services. In addition to implementing government-designated credit programs to various clients, VBSP has designed savings products specifically for members of Savings and Credit Groups. Accordingly, the poor and the policy beneficiaries will save savings and deposit a certain amount of money in the bank each month (commonly 30,000 VND, 50,000 VND ...). The leader of the Savings and Credit Group is authorized by VBSP to collect savings of his/her members, but a separate account is opened for each member to follow up with the strict process and control. Over 6.5 million poor people, policy beneficiaries who are group members have participated in this activity. The purpose of this service creates not only the habit of savings but also conditions for the poor and policy beneficiaries to access to banking services.

In addition, since 2016, Vietnam Bank for Social Policies has implemented a savings mobilization service for residents at commune transaction points. Instead of going to a bank office, which is far away from the place of living, people in rural areas can deposit their savings into VBSP at the commune transaction point. This service brings convenience to customers living away from urban centers, contributing to mobilizing resources from the public and providing banking products and services to rural areas.

APPLY DIGITAL FINANCE TECHNOLOGY

In order to apply digital financial services into operations, VBSP has implemented the project "Mobile banking" from 2017-2019.



Dự án sẽ bắt đầu bằng việc Ngân hàng Chính sách xã hội gửi tin nhắn (SMS) định kỳ cho khách hàng để thông báo đối chiếu số dư (tiền vay, tiết kiệm), lịch trả nợ, chuyển nợ quá hạn, thông tin chính sách... Năm 2019, đã có gần 700.000 tin nhắn gửi thành công (đối chiếu số dư tiền gửi, tiền vay, thông báo nợ đến hạn, thông báo chuyển nợ quá hạn và thay đổi số dư tài khoản) đến với khách hàng có sử dụng điện thoại di động.

Giai đoạn 2, Ngân hàng Chính sách xã hội sẽ triển khai thí điểm dịch vụ Mobile banking cho Tổ trưởng Tổ tiết kiệm và vay vốn, khách hàng ở khu vực đáp ứng được nền tảng công nghệ nhằm tự động hóa quy trình giao dịch, mở rộng dịch vụ trên nền tảng di động như: chuyển tiền, tiền gửi tiết kiệm, thanh toán hóa đơn, bảo hiểm... Qua đó, giúp khách hàng tiếp cận với các dịch vụ tài chính tăng hiệu quả chi phí, giảm thời gian giao dịch cho khách hàng và Ngân hàng Chính sách xã hội.

TĂNG CƯỜNG BẢO ĐẢM QUYỀN LỢI KHÁCH HÀNG

Ngân hàng Chính sách xã hội thiết lập những cơ chế để bảo đảm quyền lợi của khách hàng thông qua quy trình được kiểm soát chặt chẽ.

Các chương trình cho vay của Ngân hàng Chính sách xã hội đều được áp dụng mức lãi suất ưu đãi hoặc tiệm cận với lãi suất thị trường để giảm bớt khó khăn về tài chính cho người nghèo, các đối tượng chính sách. Bên cạnh đó, hoạt động cho vay, thu nợ, thu lãi, nhận tiền gửi tiết kiệm của Ngân hàng Chính sách xã hội được cung cấp theo cách thuận tiện và hoàn toàn không thu phí tại Điểm giao dịch xã. Qua đó, tiết kiệm thời gian, chi phí đi lại giao dịch cho khách hàng.

Bộ thủ tục giải quyết công việc; thông tin về lãi suất cho vay, lãi suất tiền gửi, chế độ chính sách liên quan tín dụng chính sách xã hội đều được công bố công khai tại Điểm giao dịch xã, tại trụ sở Ngân hàng Chính sách xã hội các cấp và tại Website Ngân hàng Chính sách xã hội để đảm bảo minh bạch thông tin, tạo điều kiện cho việc giám sát của chính quyền và nhân dân đối với hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội.

Ngoài ra, Ngân hàng Chính sách xã hội thiết lập số điện thoại đường dây nóng, bố trí Hòm thư góp ý tại tất cả các trụ sở, Điểm giao dịch; mở chuyên mục "Hỏi - Đáp" trên Website để tiếp nhận ý kiến phản ánh của người dân và khách hàng.

The project starts by sending a periodic SMS notification informing customers' bank balances (loan, savings), loans repayment schedule, overdue debt transfer, policy credit information, etc. In 2019, nearly 700 million messages were sent successfully (bank balances, due date notification, overdue debt notification, account balance changes) to customers using mobile phones.

In phase 2, VBSP will pilot mobile banking services for leaders of Savings and Credit Groups and customers in areas where the digital platform is applicable for automating transaction process, expanding services on a mobile platform such as money transfer, savings deposit, bill payment, insurance etc. Thus, customers can access financial services to increase cost effectiveness, reduce transaction time for both customers and VBSP.

ENHANCE CLIENT PROTECTION

VBSP establishes mechanisms to ensure interests of customers through a well-controlled process.

The VBSP's lending programs are applied preferential interest rates or approaching market rates to reduce financial difficulties for the poor and policy beneficiaries. In addition, lending, debt collection, interest collection and savings taking of VBSP are provided in a convenient and fee-free way at commune transaction points. This approach therefore saves time and travel expenses for customers.

Set of procedures for handling work; information about lending rates, deposit rates, policies related to policy credit are in public published at commune transaction points, in VBSP offices at all levels and at VBSP website to ensure information transparency, facilitating the supervision of the Government and people on the activities of VBSP.

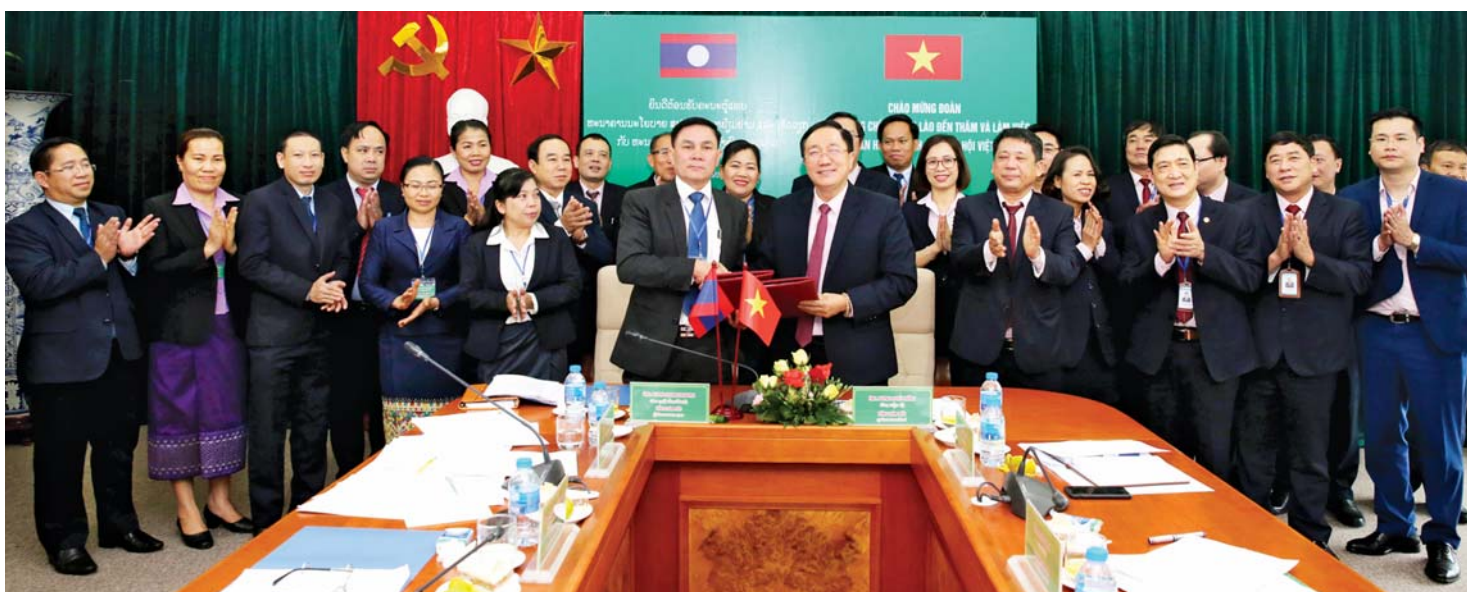
Besides, VBSP has set up a hotline phone number and arranged a suggestion box at all offices and transaction points; open the "Questions and Answers" category on the Website to receive feedback from people and customers.

HOẠT ĐỘNG HỢP TÁC QUỐC TẾ

INTERNATIONAL COOPERATION

Hoạt động Hợp tác quốc tế của Ngân hàng Chính sách xã hội năm 2019 được thực hiện hiệu quả trong việc mở rộng hợp tác quốc tế và thu hút các nguồn lực hỗ trợ cho mục tiêu giảm nghèo bền vững và an sinh xã hội tại Việt Nam.

International cooperation activities of Vietnam Bank for Social Policies 2019 have been effective in expanding international cooperation and attracting resources to support the goal of sustainable poverty reduction and social security in Vietnam.



I. HOẠT ĐỘNG ĐỐI NGOẠI

1. Hoạt động đối ngoại

Các hoạt động hợp tác song phương và đa phương với các đối tác truyền thống tiếp tục được đẩy mạnh thông qua công tác trao đổi đoàn các cấp, phối hợp triển khai các hoạt động hỗ trợ kỹ thuật, tham dự hội thảo chia sẻ kinh nghiệm về những vấn đề cùng quan tâm. Điểm nổi bật trong công tác đối ngoại năm 2019 là: (i) Tổ chức chương trình làm việc Đoàn đại biểu cấp cao của Ngân hàng Chính sách xã hội tại Nhật Bản với các tổ chức: Quỹ Hợp tác quốc tế Nhật Bản (JICA), Quỹ NIPON, Công ty Tài chính Nhật Bản (JFC Micro); (ii) Chương trình sang thăm và làm việc giữa Ngân hàng Chính sách xã hội với Ngân hàng Chính sách Lào và ký kết chương trình hợp tác giai đoạn 2019-2020 giữa 02 ngân hàng; (iii) Tham gia Dự án nghiên cứu hỗ trợ phát triển tài chính toàn diện cho Việt Nam của Ngân

I. INTERNATIONAL RELATIONS

1. Foreign affairs activities

Bilateral and multilateral cooperation activities with traditional partners continue to be promoted through the exchange of delegations at all levels, which coordinating the implementation of technical assistance activities and attending seminars to share experiences and problems of mutual interest. Highlights in foreign affairs in 2019 are: (i) Organizing the program of the senior delegation of VBSP in Japan with the following organizations: Japan International Cooperation Agency (JICA), NIPPON Fund, Japan Finance Company (JFC Micro); (ii) Visiting and working between the Vietnam Bank for Social Policy and Laos Policy Bank and the signing of the cooperation program for the period of 2019-2020; (iii) Participating in the World Bank's research project to support comprehensive financial development for Vietnam; (iv)

hàng Thế giới (World Bank); (iv) Tổ chức chương trình học tập kinh nghiệm cho đoàn lãnh đạo cao cấp của 04 ngân hàng hàng đầu của Ấn Độ về tài chính nông thôn và tài chính vi mô của Viện Ngân hàng phát triển nông thôn (BIRD) thuộc Ngân hàng Quốc gia Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Ấn Độ (NABARD); (v) Hợp tác với Ngân hàng Tiết kiệm nhà ở (BSH) - Cộng hòa Liên bang Đức trong lĩnh vực trao đổi kinh nghiệm và đào tạo cán bộ.

Bên cạnh đó, Ngân hàng Chính sách xã hội tham dự 04 diễn đàn, hội thảo quốc tế: (i) Diễn đàn khu vực về vai trò của các tổ chức tài chính trong việc chống biến đổi khí hậu và cuộc họp Ban điều hành APRACA lần thứ 71 tại Tokyo - Nhật Bản; (ii) Hội thảo thông tin của APRACA "Bài học kinh nghiệm hay trong Tài chính nông nghiệp và nông thôn cho người nghèo" tổ chức tại Bangkok - Thái Lan; (iii) Hội thảo "Công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong lĩnh vực tài chính ngân hàng" tại Dubai, Tiểu Vương quốc Ả Rập; (iv) Hội thảo "Sức khỏe tài chính cho khách hàng, triển vọng trong tương lai" tại Singapore.

2. HOẠT ĐỘNG THÔNG TIN ĐỐI NGOẠI

Đã có những bước chuyển mới trong hoạt động truyền thông, chủ động phát triển những công cụ truyền thông số, cung cấp thông tin định kỳ hàng tháng về những thành tựu, những bước phát triển mới của Ngân hàng Chính sách xã hội. Cụ thể:

- Thiết kế 10 bản tin điện tử tiếng Anh hàng tháng gửi tới 300 tổ chức quốc tế, các đại sứ quán để cung cấp thông tin định kỳ về hoạt động Ngân hàng Chính sách xã hội.
- Trao đổi thông tin thường xuyên với APRACA, Mạng lưới Ngân hàng phục vụ người nghèo (BWTP), Trung tâm trao đổi thông tin tài chính vi mô toàn cầu (MIX) để truyền thông kết quả hoạt động tín dụng chính sách của Ngân hàng Chính sách xã hội.

II. HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ DỰ ÁN

1. Dự án phát triển ngành lâm nghiệp

Trong khuôn khổ dự án Phát triển ngành lâm nghiệp giữa Chính phủ Việt Nam và Ngân hàng Thế giới, Ngân hàng Chính sách xã hội tham gia thực hiện hợp phần trồng rừng sản xuất với mục tiêu

Organizing experience learning for senior leaders of 04 leading banks in India on rural finance and microfinance of the Institute of Rural Development Bank (BIRD) under the National Bank for Agriculture and Rural Development of India (NABARD); (v) Cooperating with Bausparkasse Schwabisch Hall (BSH) - Federal Republic of Germany in the field of exchange of experiences and staff training.

In addition, VBSP has attended 4 international forums and seminars: (i) Regional forum on the role of financial institutions in combating climate change and the meeting with the executive board of APRACA the 71st in Tokyo - Japan; (ii) APRACA Information Workshop " Good experiences in Agricultural and Rural Finance for the poor " held in Bangkok - Thailand; (iii) Workshop "Information technology and digital transformation in the field of finance and banking" in Dubai, United Arab Emirates; (iv) Workshop "Financial health for customers, prospects in the future" in Singapore.

2. International communication

There has been a new update in communication activities, which proactively developing digital communication tools and providing monthly information on achievements and innovation of VBSP. In particular:

- *Designing monthly e-newsletters in English (10 newsletter) to 300 email addresses of international organizations and embassies to provide periodic information about VBSP.*
- *Exchanging regularly information with APRACA, Banking with the poor network (BWTP), Microfinance Information Exchange (MIX) to communicate the results of the policy credit activities.*

II. PROJECT MANAGEMENT

1. The Forest Sector Development Project

Under the Forest Sector Development Program (FSDP) signed between the Vietnam Government and the World Bank (WB), VBSP participates in financing Production Forest Plantation component. The initial goal of this component is to develop 56,000 ha of production forest in four provinces of central Vietnam:

trồng 56.000ha rừng sản xuất tại 04 tỉnh miền Trung: Bình Định, Quảng Ngãi, Quảng Nam và Thừa Thiên Huế. Năm 2005, Ngân hàng Chính sách xã hội đã ký Hiệp định vay phụ với Bộ Tài chính tương đương 27,2 triệu USD để cho vay trồng rừng thương mại (trồng rừng sản xuất) với lãi suất 0,75%/năm.

Tính đến hết năm 2019, dự án Phát triển ngành lâm nghiệp đã được triển khai tại 06 tỉnh: Thanh Hóa, Nghệ An, Thừa Thiên Huế, Quảng Nam, Quảng Ngãi và Bình Định với tổng dư nợ dự án đạt 356 tỷ đồng, với trên 8,5 nghìn khách hàng đang vay.

2. Dự án đa dạng hóa thu nhập nông thôn tỉnh Tuyên Quang

Dự án Đa dạng hóa thu nhập nông thôn tỉnh Tuyên Quang (RIDP) giữa Chính phủ Việt Nam và Quỹ phát triển Nông nghiệp Quốc tế (IFAD), Ngân hàng Chính sách xã hội đã được Chính phủ cho vay lại một khoản vay phụ trị giá tương đương 1,43 triệu USD (khoảng 30 tỷ đồng) với lãi suất cho vay lại là 0,75%/năm (2003 - 2022). Với mục tiêu là cải thiện tình hình kinh tế - xã hội của các nhóm đối tượng dự án là hộ nghèo và các hộ sản xuất, kinh doanh nhỏ; cơ sở cung cấp giống, vật tư tại các xã ở vùng II, III trong địa bàn dự án. Dự án thử nghiệm phương thức cho vay mới là cho vay bán buôn thông qua các nhóm tiết kiệm vay vốn.

Tính đến hết năm 2019, tổng dư nợ dự án đạt hơn 7 tỷ đồng với số khách hàng còn dư nợ là 106 hộ.

3. Dự án cho vay doanh nghiệp vừa và nhỏ (KfW)

Dự án Chương trình phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ vay vốn Ngân hàng tái thiết Đức (KfW), Ngân hàng Chính sách xã hội đã được Chính phủ Việt Nam chấp thuận cho vay lại từ nguồn vay vốn của Cộng hòa Liên bang Đức thông qua Ngân hàng tái thiết Đức (KfW). Dự án được thực hiện hai giai đoạn với tổng số tiền tương đương 10.000.000 EUR, lãi suất cho vay lại là 0,75%/năm và phí cam kết là 0,25%. Mục tiêu của dự án là thiết lập một Quỹ cho vay quay vòng để hỗ trợ tài chính cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ tại 22 tỉnh, thành phố. Trong năm, dư nợ của chương trình đạt gần 76 tỷ đồng với 122 khách hàng còn dư nợ là các doanh nghiệp nhỏ và vừa tại 18 tỉnh thành phố.

Binh Dinh, Quang Ngai, Quang Nam and Thua Thien Hue. In 2005, the Ministry of Finance (MOF), on behalf of Vietnamese Government, signed a sub-agreement with VBSP to give a sub-loan of USD 27.2 million for commercial forestation loans (production forestation) with the preferential lending rate of 0.75% per year.

As of 31 December 2019, FSDP project has been undertaken in 6 provinces namely: Thanh Hoa, Nghe An, Thua Thien Hue, Quang Nam, Quang Ngai and Binh Dinh with total outstanding loans reached VND 356 billion and nearly 8,5 thousands active borrowers.

2. Rural Income Diversification Project in Tuyen Quang province

Under an agreement between the Socialist Republic of Vietnam and the International Fund for Agricultural Development (IFAD) to implement the Rural Income Diversification Project in Tuyen Quang province (RIDP), the Vietnamese Government gave VBSP a sub-loan of USD 1.43 million (equiv. to VND 30 billion) with the lending rate of 0.75% per year (2003-2022). The project aims at socio-economic development of its target groups, who are the poor and small-scale business households, suppliers of seedlings and agriculture materials at Region II and III in project area. New lending methodology of wholesale through the credit and savings groups is employed under the project.

As of 31 December 2019, the total outstanding loans reached nearly VND 7 billion with 106 active borrowers.

3. Lending program for small and medium enterprises (KfW project)

Within the Small and Medium Enterprises Development Program's framework, VBSP was allowed by the government to take out a loan of an amount equaling to EUR 10 million from the German Government source, which is funded through the German Reconstruction Bank (KfW) in 2 phases with interest rate of 0.75% per year and commitment fees of 0.25%. The project aims at setting up a credit revolving fund to provide loans to small and medium enterprises (SMEs) in 22 cities and provinces. Total outstanding loan reaches nearly VND 76 billion with 122 active SMEs borrowers in 18 provinces and cities.

4. Dự án toàn dân tham gia quản lý nguồn lực tỉnh Tuyên Quang

Chính phủ Việt Nam và Quỹ phát triển nông nghiệp quốc tế (IFAD) đồng ý chuyển giao phần thực hiện dự án toàn dân tham gia quản lý nguồn lực tỉnh Tuyên Quang với tổng số vốn vay khoảng 3.724.000 đô la Mỹ cho Ngân hàng Chính sách xã hội thực hiện. Lãi suất cho vay lại được tính bằng 2/3 của hiệu số giữa lãi suất cho vay (bình quân) tới hộ nông dân trong khu vực dự án trừ đi tổng chi phí nghiệp vụ và lợi nhuận định mức. Dự án là góp phần nâng cao thu nhập và đời sống của những người dân tham gia dự án đặc biệt là những hộ nông dân nghèo, dân tộc thiểu số, những người dân mà trước đó chưa được tiếp cận với tín dụng ngân hàng.

Đến hết năm 2019, tổng dư nợ dự án đạt gần 29 tỷ đồng với số khách hàng còn dư nợ là 1.089 hộ.

5. Dự án cho vay ngập nước ven biển miền Nam Việt Nam (CWPD)

Ngân hàng Chính sách xã hội đã nhận được một phần của khoản viện trợ DANIDA trị giá tương đương 650.000 đô la Mỹ từ cấu phần Quỹ hỗ trợ xã hội (SSF) để thực hiện Dự án cho vay ngập nước ven biển miền Nam Việt Nam (CWPD).

Mục tiêu của Dự án CWPD là cung cấp cho hộ nghèo ở vùng dự án khoản tín dụng nhằm trợ giúp các hoạt động tạo thu nhập cho người vay như: trồng trọt, chăn nuôi, tiểu thủ công nghiệp, buôn bán nhỏ với điều kiện các hoạt động này phải phù hợp với mục tiêu chung của dự án là bảo vệ rừng ngập mặn tại Trà Vinh, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau. Đến hết năm 2019, tổng dư nợ dự án đạt 286 triệu đồng với 72 khách hàng đang vay.

6. Dự án “Mở rộng tiếp cận tài chính cho người khuyết tật: Cho vay quy mô nhỏ cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng, phục vụ hoặc do người khuyết tật làm chủ” do Quỹ Nippon - Nhật Bản tài trợ (Dự án Nippon).

Mục đích của dự án nhằm hỗ trợ các cơ sở sản xuất kinh doanh vi mô có sử dụng, phục vụ hoặc do người khuyết tật làm chủ để người khuyết tật có thể khởi nghiệp và mở rộng công việc sản xuất, kinh

4. Participatory Resources Management Project in Tuyen Quang province

The International Fund for Agricultural Development (IFAD) and the Government of Vietnam (GoV) accepted to select VBSP to implement the Participatory Resources Management Project in Tuyen Quang province (PRMP) with an amount of USD 3,724,000. The interest rate is calculated by 2/3 of the difference between the lending interest rate (average) to the farmer households in the project area and the total operation expenses and the norm profit. The project is to improve income and living standards of people participating in the project, especially the poor, ethnic communities and have locked out of banking services.

By the end of 2019, the total outstanding loans reached nearly VND 29 billion with 1,089 active borrowers.

5. Coastal wet land development project (CWPD)

VBSP received an amount of USD 650,000 from the Supporting Social component of Coastal wet land development project (CWPD) funded by DANIDA to implement the project.

The CWPD objectives are to provide credit for the poor households in the project area for income generation such as: planting, animal husbandry, small scale industry and small business that must be appropriate with the general target of wet forest protection in Tra Vinh, Soc Trang, Bac Lieu and Ca Mau. By the end of 2019, the total outstanding loans were nearly VND 286 million with 72 active borrowers.

6. Project “Disability-inclusive finance: small finance for businesses employing, serving or owned by persons with disabilities”, funded by the Nippon Foundation of Japan (Nippon project).

The project objectives are to promote micro and small enterprises which employing, serving or owned by PWDs so that they can start up or expand their scope of business which helps generate stable income and have financial independence and settle down.

doanh nhằm tạo thu nhập bền vững và có sự độc lập về kinh tế, ổn định cuộc sống.

Tính đến hết năm 2019, tổng dư nợ dự án đạt 8,799 tỷ đồng, cho vay tới 158 khách hàng có sử dụng lao động là người khuyết tật hoặc doanh nghiệp sản xuất sản phẩm phục vụ người khuyết tật.

7. Dự án “Ứng dụng công nghệ mới về dịch vụ ngân hàng qua điện thoại di động cho Ngân hàng Chính sách xã hội” (Mobile Banking)

Với mục tiêu tăng cường và cải thiện sự tiếp cận tới các dịch vụ tài chính toàn diện cho các hộ nghèo, hộ thu nhập thấp, đặc biệt là các doanh nghiệp vi mô do phụ nữ điều hành. Dự án sẽ được thực hiện theo hai giai đoạn như sau: (i) Dịch vụ thông tin trực tiếp đến khách hàng các kết quả giao dịch và các thông tin cần thiết khác bằng hình thức tin nhắn (SMS), (ii) dịch vụ Mobile banking thực hiện các giao dịch ngân hàng thông qua sử dụng điện thoại di động (Mobile banking). Dự án được triển khai tại 10 tỉnh: Ninh Bình, Hòa Bình, Hà Giang, Lào Cai, Nghệ An, Quảng Trị, Bình Định, Đắk Lắk, Cần Thơ và TP Hồ Chí Minh.

Trong năm, phối hợp với Nhà tài trợ thực hiện đánh giá giai đoạn 1 dự án về dịch vụ tin nhắn (SMS) với khách hàng. Trên cơ sở kết quả giai đoạn 1, DFAT tiếp tục tài trợ Ngân hàng Chính sách xã hội cho giai đoạn 2 với mức 5,6 tỷ VND. Ngân hàng Chính sách xã hội và DFAT thực hiện Lễ khởi động Dự án Mobile Banking 2 vào ngày 06/9/2019 và triển khai kế hoạch theo thỏa thuận đã ký kết. Đồng thời Ngân hàng Chính sách xã hội và MicroSave đã ký kết Biên bản ghi nhớ hợp tác hỗ trợ kỹ thuật trị giá 500.000 USD để hỗ trợ Ngân hàng Chính sách xã hội các nội dung công việc sẽ thực hiện trong khuôn khổ dự án Mobile Banking 2; theo đó, trong năm đã thực hiện 01 khóa đào tạo về chuyển đổi công nghệ số cho Ngân hàng.

8. Dự án chuyển tiền kiều hối (Westion Union)

Ngân hàng Chính sách xã hội đã phối hợp cùng với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) triển khai các chương trình chuyển tiền kiều hối. Tính đến hết năm 2019, đã có 1.181 giao dịch với số tiền giao dịch gần 919.727 USD.

By the end of 2019, the total outstanding loans were VND 8.799 billion with 158 active business borrowers employing PWDs or serving PWDs.

7. Project “Mobile banking – Financial inclusion and economic empowerment for the low-income population and women in Vietnam”.

Project’s goal is to increase and improve financial inclusion services for poor households, low income households, especially micro-enterprises owned by women. The project is implemented in two phases: (i) Inform customers with transaction results and other necessary information in form of text message (SMS), (ii) Mobile banking service with banking transactions through mobile phones (Mobile banking). The project has been deployed in 10 provinces/cities namely: Ninh Binh, Hoa Binh, Ha Giang, Lao Cai, Nghe An, Quang Tri, Binh Dinh, Dak Lak, Ho Chi Minh City and CanTho.

In 2019, VBSP coordinated with the sponsors to conduct phase 1 assessment of messaging service (SMS) with customers. Based on the stage 1 results, DFAT continued sponsoring the Vietnam Bank for Social Policies for the second phase with the amount of VND 5.6 billion. The bank and DFAT conducted the launching time of Mobile Banking 2 project on September 6, 2019 and implemented the plan according to the signed agreement. Besides, VBSP and MicroSave have signed a memorandum of understanding for technical assistance cooperation worth USD 500,000 to support VBSP with the content within the framework of the project Mobile Banking 2. In 2019, 01 training course on digital technology transformation was conducted for VBSP with the participation of 50 trainees in the professional departments at the Head Office and Information Technology Center.

8. Western Union remittance project

VBSP collaborated with Vietnam Joint Stock Commercial Bank of Investment and Development (BIDV) to undertake the Western Union remittance project. By the end of 2019, 1,181 foreign currency remittance transactions were completed with the total amount of nearly USD 919,727.

9. Sáng kiến “Nghiên cứu khả năng tiếp cận giáo dục tài chính của hộ nghèo và các đối tượng yếu thế thông qua điện thoại di động” do OXFAM tài trợ

Nhằm thông tin cho khách hàng về các chương trình tín dụng chính sách, thủ tục vay vốn, các sản phẩm tiết kiệm của Ngân hàng Chính sách xã hội và kiến thức cơ bản về quản lý tài chính gia đình; giúp khách hàng nâng cao hiểu biết tài chính và phát huy hiệu quả sử dụng vốn, gia tăng tiết kiệm và quản lý chi tiêu gia đình, từng bước làm quen với công nghệ số đặc biệt là khách hàng ở vùng nông thôn, vùng sâu vùng xa. Ngân hàng Chính sách xã hội phối hợp với Tổ chức OXFAM thực hiện nghiên cứu khả năng tiếp cận giáo dục tài chính của hộ nghèo và các đối tượng yếu thế thông qua điện thoại di động. Dự án đã thực hiện khảo sát, đánh giá và thiết kế phần mềm trên điện thoại di động (App) giáo dục kiến thức tài chính cho người nghèo.

10. Dự án Trường Sơn Xanh do Chính phủ Hoa Kỳ viện trợ không hoàn lại thông qua Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ (USAID)

Dự án được thực hiện tại 02 tỉnh Quảng Nam và Thừa Thiên Huế với số tiền 182 nghìn USD dành cho đào tạo, tập huấn. Trong năm 02 chi nhánh đã được hỗ trợ tiếp nhận dự án và triển khai hoạt động. Cụ thể: Thực hiện 50 lớp đào tạo cho 1.381 học viên/5 huyện tại Quảng Nam và 90 lớp đào tạo cho 2.082 học viên/4 huyện tại Thừa Thiên Huế là Ban quản lý Tổ tiết kiệm và vay vốn, Trưởng thôn và tổ chức chính trị - xã hội cấp xã.

11. Dự án Khung Hỗ trợ tài chính toàn diện Việt Nam (FISF) của Ngân hàng Thế giới

Từ năm 2018, Ngân hàng Thế giới đã thực hiện đánh giá về Ngân hàng Chính sách xã hội và năm 2019 đã hoàn thành dự thảo Báo cáo, trong đó đánh giá tích cực về Ngân hàng Chính sách xã hội và đưa ra một số khuyến nghị cho sự phát triển của Ngân hàng Chính sách xã hội trong thời gian tới.

9. The initiative “Research on access to financial education of poor households and disadvantaged groups via mobile phones”, sponsored by OXFAM

In order to inform customers about policy credit programs, loan procedures, savings products of VBSP and basic knowledge of family financial management; thereby helping customers improve financial knowledge and promote efficiency in using capital, increase savings and manage family spending, step by step become familiar with digital technology, especially customers in rural areas and remote areas. Vietnam Bank for Social Policies cooperates with OXFAM to research the accessibility of poor households and vulnerable groups to financial education via mobile phones. The project has conducted surveys, evaluations and software design on mobile phones (App) to educate financial knowledge for the poor.

10. The “Green Annamites” project, a grant funded by the US Government without a refund through the United States Agency for International Development (USAID)

The project was implemented in two provinces of Quang Nam and Thua Thien Hue with the amount of USD 182,000 for education and training. During the year, 02 branches were supported to receive the project and carry out operations. Specifically, there are 50 training classes for 1,381 students / 5 districts in Quang Nam and 90 training classes for 2,082 students / 4 districts in Thua Thien Hue as the Management Board of Savings and Credit Groups, mayors of village and social-political organizations at the communal level.

11. Financial Inclusion Support Framework (FISF) Project of the World Bank (WB)

Since 2018, the World Bank has implemented a diagnostic assessment on VBSP and in 2019 completed a draft Report that positively evaluates VBSP’s operations and gives some recommendations for the development of VBSP in the coming time.

CÔNG TÁC ĐÀO TẠO VÀ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

TRAINING AND SCIENTIFIC RESEARCH

Hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học năm 2019 tiếp tục được nâng cao, kết quả các khóa đào tạo thực sự đã góp phần quan trọng vào việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho Ngân hàng Chính sách xã hội.

Training and scientific research activities in 2019 have been constantly improved and enhanced, the results of training courses have really contributed significantly to improving the quality of human resources for Vietnam Bank for Social Policies.

1. CÔNG TÁC ĐÀO TẠO

- Năm 2019, đã tổ chức thành công 35 lớp đào tạo cho 2.276 học viên là cán bộ Ngân hàng Chính sách xã hội, bao gồm:

- + Tổ chức 02 lớp đào tạo cán bộ Lãnh đạo và quy hoạch chức danh Lãnh đạo quản lý cấp tỉnh cho 97 học viên.
- + Tổ chức 02 lớp đào tạo cán bộ Lãnh đạo quản lý cấp huyện với 99 học viên.
- + Tổ chức trực tuyến: (i) 05 lớp đào tạo cán bộ Tín dụng tại 35 chi nhánh tỉnh, thành phố với 483 học viên; (ii) 07 lớp đào tạo cán bộ Kế toán - Ngân quỹ tại 38 chi nhánh tỉnh, thành phố cho 693 học viên.
- + Tổ chức 08 lớp cán bộ mới tuyển dụng cho 370 học viên.
- + Tổ chức 02 lớp đào tạo cán bộ kiểm tra kiểm soát nội bộ cho 86 học viên.
- + Tổ chức 01 lớp đào tạo nâng cao nghiệp vụ cán bộ tin học cấp tỉnh cho 38 chi nhánh tỉnh, thành phố với 55 học viên.
- + Tổ chức 07 lớp đào tạo nâng cao kỹ năng và phương pháp tập huấn tại chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội các tỉnh: Thái Bình, Thừa Thiên Huế, Hải Dương, Hưng Yên, Lâm Đồng, Hà Tĩnh và Quảng Bình với 353 học viên.

1. TRAINING

In 2019, VBSP has successfully organized 35 training courses for 2,276 VBSP staff, including:

- + *02 training courses to enhance the management and administration skills for 97 participants being Directors, Deputy Directors of provincial branches and equivalent.*
- + *02 manager training courses for 99 participants who are Managers and Deputy Managers of provincial branch departments; Directors and Deputy Directors of VBSP Office at district level and equivalent.*
- + *E-training courses: (i) 05 training courses for credit staff at 35 branches provinces and cities with 483 students; (ii) 07 training courses for Accountants - Treasury staff at 38 branches and cities for 693 students.*
- + *08 courses for new recruit staff (370 students).*
- + *02 training classes for internal control inspection staff for 86 students.*
- + *01 training course to improve the professional skills of informatics officers at provincial level for 38 provincial branches with 55 students.*
- + *07 training courses to improve training skills and methods for some VBSP branches, such as Thai Binh, Thua Thien Hue, Hai Duong, Hung Yen, Lam Dong, Ha Tinh and Quang Binh with 353 students.*

- + Phối hợp với Trường Đại học Sư phạm Hà Nội tổ chức 01 khóa đào tạo nâng cao nghiệp vụ sư phạm cho 40 học viên.

Ngoài ra, năm 2019 Ngân hàng Chính sách xã hội còn tổ chức: 01 lớp học Tiếng Anh giao tiếp cho cán bộ lãnh đạo quản lý tại Hội sở chính; thí điểm kiểm tra, đánh giá kiến thức của cán bộ tín dụng tại 03 chi nhánh: Bình Định, Ninh Thuận, Hậu Giang với 96 cán bộ; thi sát hạch cho 235 cán bộ sau khi hoàn thành hợp đồng lao động 01 năm với các đơn vị trong toàn hệ thống; tập huấn cho 522.010 cán bộ tham gia trực tiếp vào hoạt động tín dụng chính sách xã hội gồm: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã là thành viên Ban đại diện Hội đồng quản trị cấp huyện, cán bộ tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác, Ban giảm nghèo cấp xã, Trưởng thôn, Ban quản lý Tổ tiết kiệm và vay vốn.

2. VỀ CÔNG TÁC NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Trong năm 2019, Ngân hàng Chính sách xã hội đã triển khai thực hiện 16 đề tài nghiên cứu khoa học. Tổ chức nghiệm thu và công nhận 10 đề tài (trong đó có 08 đề tài cấp hệ thống và 02 đề tài cấp chi nhánh). Các đề tài nghiên cứu khoa học đã được công nhận được phổ biến rộng rãi trên Website của Ngân hàng Chính sách xã hội để tuyên truyền kết quả nghiên cứu khoa học tới cán bộ Ngân hàng Chính sách xã hội; làm cơ sở ban hành quy chế, quy trình, văn bản chỉ đạo nghiệp vụ hoặc bổ sung, hoàn thiện quy trình nghiệp vụ đã có nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động tín dụng chính sách xã hội.

Bên cạnh đó, Ngân hàng Chính sách xã hội phối hợp các cơ quan Bộ, ngành tổ chức các Hội thảo, cụ thể: (i) Phối hợp với Ủy ban Dân tộc tổ chức Hội thảo khoa học quốc gia "Đánh giá hiệu quả các chương trình tín dụng chính sách đối với đồng bào dân tộc thiểu số": Hội thảo đã tổng kết đánh giá kết quả triển khai thực hiện và hiệu quả của các chương trình tín dụng chính sách xã hội đối với đồng bào dân tộc thiểu số và đề xuất định hướng chính sách tín dụng ưu đãi đối với đồng bào dân tộc thiểu số trong thời gian tiếp theo; đồng thời đưa ra các giải pháp nhằm nâng cao

- + Coordinate with Hanoi Pedagogical University to organize 01 training course to improve pedagogical skills for 40 students.

In addition, in 2019, VBSP also organized 01 English communication skill class for leaders and managers at the Head Office; pilot test and assessment of knowledge of credit officers at 03 branches: Binh Dinh, Ninh Thuan, Hau Giang with 96 officers; Examination for 235 staff after completing 01-year labor contracts with units in the whole system; Train for 522,010 officers directly participating in social policy credit activities, including: Chairmen of the communal People's Committee-members of the District Representative unit of BOD, officers from entrusted mass organizations, commune-level poverty reduction boards, village heads and the management boards of Savings and Credit groups

2. SCIENTIFIC RESEARCH

In 2019, VBSP implemented 16 scientific research projects, within which organized the acceptance and recognition of 10 subjects (including 08 topics at system level and 02 topics at branch level). The recognized scientific research topics are widely disseminated on the website of VBSP to propagate the results for all the bank's staff, which serves as a basis for promulgating regulations, processes, and directive documents or supplementing and perfecting existing professional processes. Therefore, it has improved the quality and efficiency of policy credit.

In addition, VBSP coordinates with ministries and agencies to organize workshops, specifically: (i) Coordinate with the Committee for Ethnic Minority Affairs to organize the National scientific workshop "Results of policy credit for ethnic minorities": The workshop summarized and evaluated the implementation results and effectiveness of policy credit for ethnic minorities, also proposed a preferential credit policy orientation for ethnic minorities in the next time. At the same time, it offers solutions to

hiệu quả của các chương trình tín dụng chính sách xã hội đối với đồng bào dân tộc thiểu số nhằm góp phần tích cực vào việc thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia về giảm nghèo bền vững và xây dựng nông thôn mới, đảm bảo an sinh xã hội tại các địa phương, nhất là ở vùng miền núi, vùng dân tộc thiểu số; (ii) Phối hợp với Viện Chiến lược Ngân hàng, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tổ chức Hội thảo phổ biến kết quả nghiên cứu đề tài cấp Bộ do Trung tâm Đào tạo Ngân hàng Chính sách xã hội chủ trì: “Nâng cao hiệu quả các chương trình tín dụng chính sách của Ngân hàng Chính sách xã hội đối với đồng bào dân tộc thiểu số”; tổ chức Tọa đàm trao đổi kinh nghiệm về hoạt động nghiên cứu khoa học và quản lý nghiên cứu khoa học giữa Hội đồng khoa học của Ngân hàng Chính sách xã hội với các Ngân hàng Thương mại ở Việt Nam.

improve the effectiveness of social policy credit programs for ethnic minorities in order to actively contribute to the implementation of the National Target Program on sustainable poverty reduction and building new rural areas, ensuring social security in localities, especially in mountainous and ethnic minority areas; (ii) Coordinate with the Banking Strategy Institute, the State Bank of Vietnam to organize a seminar to disseminate research results at ministerial level, hosted by the training center of VBSP: “Improving efficiency results of policy credit of VBSP for ethnic minorities”; Organize a seminar to exchange experiences on scientific research and management scientific research between the Scientific council of VBSP and other commercial banks in Vietnam.

NÂNG CAO NĂNG LỰC, ĐẢM BẢO AN NINH, AN TOÀN CHO CÁC HỆ THỐNG THÔNG TIN CỦA NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI, ĐÁP ỨNG YÊU CẦU NGHIỆP VỤ

STRENGTHENING INVESTMENT AND UPGRADING INFORMATION TECHNOLOGY INFRASTRUCTURE FOR OPERATION AND EXPANDING AND DEVELOPING PRODUCTS AND SERVICES

Đối với ngành Ngân hàng, công nghệ thông tin có vai trò quan trọng trong chiến lược đổi mới và hiện đại hoá ngân hàng. Để đổi mới, cải cách trong các lĩnh vực hoạt động ngân hàng, từ nhiều năm nay, ngành Ngân hàng nói chung và Ngân hàng Chính sách xã hội nói riêng đã xác định việc ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin là một trong những nhiệm vụ trọng tâm chiến lược, là giải pháp chủ yếu để đi tắt đón đầu, rút ngắn khoảng cách phát triển so với các nước tiên tiến trong khu vực và trên thế giới. Mục tiêu ứng dụng công nghệ thông tin đã được đặt ra trong chiến lược phát triển ngành Ngân hàng đó là ứng dụng nhanh, hiệu quả công nghệ thông tin vào toàn bộ các hoạt động, nghiệp vụ, làm thay đổi cơ bản phương thức quản lý, điều hành và cung cấp dịch vụ tiền tệ, tín dụng, thanh toán.

Năm 2019, Ngân hàng Chính sách xã hội chú trọng việc tăng cường năng lực bảo đảm an ninh, an toàn cho các hệ thống thông tin, nâng cấp hệ thống phần mềm; quản trị, giám sát hệ thống mạng và hệ thống máy chủ; phát triển hạ tầng thiết bị kỹ thuật công nghệ thông tin.

Bên cạnh đó thực hiện nâng cấp một số tính năng hệ thống Core banking đáp ứng các yêu cầu nghiệp vụ: Tách kênh chuyển tiền nội bộ; Hỗ trợ cấu hình giao dịch tổ với sản phẩm tiền gửi không kỳ hạn; Bổ sung các thông tin cho giao diện phê duyệt; Hỗ trợ cấu hình đăng ký nhà đầu tư nguồn vốn Trung ương; Bổ sung sản phẩm tiền gửi tiết kiệm

For the banking sector, information technology plays an important role in the strategy of banking innovation and modernization. In order to innovate and reform banking operation, for many years, the banking sector in general and VBSP in particular have identified application and development of information technology as one of the strategic tasks to catch up and shorten development gap with advanced countries in the region and the world. The objective of information technology application has been set out in the strategy of banking industry development which is fast and effective application of information technology to all operations, making changes in management method, administration and provision of monetary, credit, payment services.

In 2019, Vietnam Bank for Social Policies has focused on strengthening the capacity to ensure security and safety for information systems, upgrading software systems, administering and monitoring network and server systems, and developing information technology technical equipment infrastructure.

Besides, VBSP upgraded several features of the Core banking system to meet operational requirements: Separating internal money transfer channels; Support the configuration of group transactions with demand deposit products; Additional information for approval interface; Support for the configuration of central investor

gửi góp linh hoạt và giao dịch tiền gửi tiết kiệm tại Điểm giao dịch xã;... Đồng thời, bổ sung, nâng cấp thêm nhiều dữ liệu, chức năng, tiện ích, mẫu biểu báo cáo mới đáp ứng hoạt động nghiệp vụ và công tác quản lý điều hành: chức năng hỗ trợ tra cứu thông tin khách hàng; dữ liệu và công cụ khai thác chỉ tiêu chấm điểm đánh giá chất lượng hoạt động ủy nhiệm của Tổ tiết kiệm và vay vốn, hoạt động giao dịch và tín dụng chính sách;...

Triển khai thành công hệ thống Hội nghị truyền hình và đào tạo trực tuyến giữa Hội sở chính và các chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh, giữa các đơn vị trong cùng chi nhánh.

Trong năm đã hoàn thành triển khai dự án xây dựng hệ thống dự phòng công nghệ thông tin của Ngân hàng Chính sách xã hội. Tiếp tục triển khai các gói thầu thuộc dự án xây dựng phòng máy chủ tại trụ sở chính theo kế hoạch; Các gói thầu đầu tư, mua sắm nâng cấp hạ tầng kỹ thuật: Dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật tại chỗ hệ thống Intellect; Triển khai thiết bị bảo mật cho hệ thống email nội bộ;...

Bám sát chiến lược phát triển của Ngân hàng Chính sách xã hội với các nội dung chủ yếu là tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ hiện đại vào các hoạt động nghiệp vụ của Ngân hàng phù hợp với phương thức hoạt động; tổ chức tốt việc thu thập, xử lý, lưu trữ thông tin phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành. Nhiệm vụ phát triển công nghệ thông tin của Ngân hàng Chính sách xã hội trong những năm tới gồm những nội dung cụ thể sau:

- Quản trị, vận hành hệ thống phần mềm ứng dụng và cơ sở dữ liệu trong hệ thống Ngân hàng Chính sách xã hội an toàn, hiệu quả; Triển khai nâng cấp hệ thống Thanh toán điện tử liên ngân hàng theo kế hoạch của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
- Tiếp tục triển khai các giải pháp tăng cường đảm bảo an ninh, an toàn cho hệ thống công nghệ thông tin của Ngân hàng Chính sách xã hội:
- Dự án Mobile banking: Triển khai các công việc trong giai đoạn thực hiện đầu tư sau khi Dự án được phê duyệt đầu tư.
- Triển khai dự án Nâng cấp phiên bản hệ thống Intellect sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt đầu tư.

registration; Supplementing flexible deposit savings products and savings deposits at commune transaction points; etc. Also, adding and upgrading more data, functions, utilities, and new reporting forms meeting professional operations and management activities; customer information support function; data and tools to exploit the scoring criteria to evaluate the quality of the delegation of Savings and credit groups, transaction activities and policy credit; etc.

Successfully deployed online conferencing system and training system between the Head Office and provincial branches, among units in the same branch.

During the year, the project of developing an information technology backup system of VBSP was completed. Continue to deploy bidding packages of the project to build server rooms at the head office as planned; Bidding packages for investment, procurement and upgrading of technical infrastructure: Intellect system technical support on-site; Deploy security equipment for internal email system; etc.

Sticking to the development strategy of VBSP with main contents of continuing to promote the application of modern technology to the Bank's operations following the mode of operation; well organize the collection, processing and storage of information to serve the management, direction and administration. The information technology development tasks of VBSP in the coming years include the following specific contents:

- *Safe and effective management and operation of the application software system and database in the VBSP system; Deploying upgrading the interbank electronic payment system according to the plan.*
- *Continue to implement solutions to enhance security and safety for the information technology system of VBSP.*
- *Mobile banking project: Deploy works in the stage of investment implementation after the project is approved for investment.*
- *Deploying the project of upgrading the Intellect system version after being approved for investment by competent authorities.*



- Triển khai các gói thầu mua sắm các thiết bị mạng Ngân hàng Chính sách xã hội, Phương án mua thiết bị mạng thay thế cho các thiết bị tại 03 Trung tâm miền và 63 chi nhánh của Ngân hàng Chính sách xã hội.
- Triển khai nội dung thỏa thuận hợp tác giữa Ngân hàng Chính sách xã hội và Tổng công ty Dịch vụ số Viettel giai đoạn 2019-2024.
- Hoàn thiện đề án mô hình chức năng nhiệm vụ của Trung tâm Công nghệ thông tin đảm bảo yêu cầu hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội và đáp ứng quy định của Ngành; Xây dựng chiến lược phát triển Công nghệ thông tin trong hệ thống Ngân hàng Chính sách xã hội đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030.
- Xây dựng các quy trình, quy định về an ninh an toàn bảo mật hệ thống thông tin theo Quyết định số 36/QĐ-HĐQT của Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội và Thông tư số 18/2018/TT-NHNN của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
- *Deploying bidding packages for the purchase of network equipment from VBSP; set up a plan to buy replacement network equipment for those at 03 regional centers and 63 branches nationwide.*
- *Deploy the content of the cooperation agreement between VBSP and Viettel Digital Services Corporation for the period of 2019-2024.*
- *Complete the project on a functional model of the Information Technology Center to ensure the operation requirements of VBSP and meet the regulations of the industry; develop an information technology development strategy in VBSP system until 2025 with an orientation to 2030.*
- *Develop processes, regulations on security, safety and confidentiality of information systems according to Decision No. 36 / QĐ-HĐQT of the Board of Directors of the Vietnam Bank for Social Policies and Circular No. 18/2018 / TT- SBV of the State Bank of Vietnam.*

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CỦA NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI

DEVELOPMENT ORIENTATION OF VBSP

MỤC TIÊU

Hoạt động tín dụng chính sách xã hội phát triển theo hướng ổn định, bền vững hỗ trợ cho hộ nghèo, hộ cận nghèo và các đối tượng chính sách khác vươn lên thoát nghèo bền vững, góp phần thực hiện có hiệu quả công tác giảm nghèo, bảo đảm an sinh xã hội và xây dựng nông thôn mới. Với các mục tiêu cụ thể như sau:

Thứ nhất, hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác có nhu cầu và đủ điều kiện đều được vay vốn các chương trình tín dụng chính sách và tiếp cận các dịch vụ do Ngân hàng Chính sách xã hội cung cấp.

Thứ hai, dư nợ tăng trưởng bình quân hàng năm đạt khoảng 10%.

Thứ ba, tỷ lệ nợ quá hạn dưới 2%/tổng dư nợ.

Thứ tư, đa dạng hóa các sản phẩm, dịch vụ; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ hiện đại vào hoạt động nghiệp vụ phù hợp với hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội.

Thứ năm, phối hợp, lồng ghép có hiệu quả hoạt động tín dụng chính sách với hoạt động hỗ trợ kỹ thuật, chuyển giao công nghệ, khuyến công, khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư và hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội nhằm mục tiêu giảm nghèo nhanh và bền vững, bảo đảm an sinh xã hội.

GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

Tập trung huy động nguồn lực và tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả các chương trình tín dụng chính sách xã hội đã ban hành.

Tiếp tục thực hiện tốt Chỉ thị số 40-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với tín dụng chính sách xã hội và Quyết định số 401/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Nâng cao vai trò, trách nhiệm và hiệu quả hoạt động của

1. OBJECTIVES

Social policy credit activities to develop in a stable and sustainable manner to support poor households, near-poor households and other policy beneficiaries to get out of poverty sustainably, contributing to the effective poverty reduction, ensuring social security and new rural construction. For this task, VBSP has the following specific objectives:

- *All the poor households and other policy beneficiaries who are in needs and eligible for loans from policy credit are accessible to services provided by VBSP.*

- *Average annual growth rate of outstanding loans is about 10%.*

- *The overdue debt ratio is below 2% / total outstanding loans.*

- *Diversify products and services; promote the application of modern technology in professional operations in accordance with the operation of the VBSP.*

- *Effectively coordinating and integrating policy credit activities with technical assistance, technology transfer, industrial extension, agricultural, forestry, fishery and activities of socio-political organizations to reduce poverty quickly and sustainably, ensuring social security.*

2. SOLUTIONS

- *Focus on multi resource mobilization and effectively implement the financial products and services.*

- *Continue to perform well Directive No. 40-CT/TW of the Party Central Secretariat on strengthening the Party's leadership over social policy credit and Decision No. 401 / QĐ-TTg of the*



cấp ủy, chính quyền địa phương các cấp và của các tổ chức chính trị - xã hội trong việc thực hiện tín dụng chính sách xã hội; tăng cường bổ sung nguồn vốn địa phương để ủy thác cho vay đối với hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn.

Tập trung chỉ đạo thực hiện đồng bộ các giải pháp củng cố và nâng cao chất lượng hoạt động tín dụng chính sách xã hội. Trong đó, đặc biệt coi trọng chất lượng tín dụng, công tác ủy thác của các tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác, chất lượng hoạt động của các Tổ tiết kiệm và vay vốn, hoạt động giao dịch tại xã, thực hiện công khai về các thông tin, các chủ trương chính sách liên quan đến hoạt động tín dụng chính sách tại điểm giao dịch xã nhằm tạo điều kiện tốt nhất cho người nghèo và các đối tượng chính sách khác tiếp cận nguồn vốn các chương trình tín dụng chính sách, đồng thời phát huy vai trò giám sát của cộng đồng trong việc tổ chức thực hiện chính sách của Đảng và Nhà nước trên địa bàn.

Nâng cao chất lượng và hiệu quả nguồn nhân lực để thực hiện tín dụng chính sách xã hội. Tăng cường công tác đào tạo, tập huấn nhằm nâng cao trình độ, năng lực đối với đội ngũ cán bộ của Ngân hàng Chính sách xã hội, các tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác và Ban quản lý Tổ tiết kiệm và vay vốn. Nâng cao nhận thức của người dân trong việc sử dụng nguồn vốn tín dụng chính sách xã hội đầu tư có hiệu quả và trách nhiệm trong việc hoàn trả vốn vay.

Báo cáo, tham mưu cho các cơ quan Đảng, Nhà nước về hoạt động tín dụng chính sách xã hội. Tổ chức triển khai kịp thời, đúng quy định các chương trình tín dụng mới được ban hành. Rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội và các văn bản quy định, hướng dẫn của Ngân hàng Chính sách xã hội theo chuyên đề, lĩnh vực; đề xuất, kiến nghị cấp có thẩm quyền xem xét sửa đổi, bổ sung các văn bản, quy định cho phù hợp với quy định của pháp luật và thực tiễn hoạt động tín dụng chính sách xã hội.

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát đối với hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội nhận dịch vụ ủy thác, các Tổ tiết kiệm và vay vốn, tình

Prime Minister. Promote the role, responsibility and efficiency of the Commune People's Committee, local authorities at all levels and socio-political organizations in the implementation of social policy credit; increasing local capital sources to entrust loans for poor households and other policy beneficiaries in the area.

- Focus on directing synchronously implement solutions to improve the quality of credit operations towards stability and sustainability. In particular, attaching special importance to the credit quality, the work of the entrusted socio-political organizations, the quality of the operation of the savings and credit groups, the commune transactions point, public information and policies related to policy credit activities at commune transaction points in order to create the best conditions for the poor and other policy beneficiaries to access program funds. At the same time, promoting the role of community supervision in organizing the implementation of policies of the Party and State in the locality.

- Improving the quality and efficiency of human resources to implement policy credit. Strengthening training activities to enhance the qualifications and capacity of the staff of VBSP, the entrusted socio-political organizations and the management boards of Savings and Credit Group. Raising awareness of the people in the effective use of policy credit capital and responsibility in loan repayment.

- Report and recommend to Party and State agencies on policy credit activities. To promptly and properly implement the newly issued regulations on credit programs. Reviewing and systematizing legal documents governing the operation of the VBSP and regulations and instructions according to topics and fields; propose competent authorities to consider amending and supplementing documents and regulations in accordance with practices law and policy credit.

- Strengthening the inspection and supervision of the activities of entrusted socio-political organizations, savings and credit groups, and the use of loans by

hình sử dụng vốn của người vay; tiếp tục chú trọng và phát huy hiệu quả công tác kiểm tra kiểm soát nội bộ của Ngân hàng Chính sách xã hội .

Tiếp tục triển khai và nâng cao chất lượng các sản phẩm, dịch vụ; đồng thời, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ hiện đại, đa dạng hóa sản phẩm, dịch vụ ngân hàng theo Chiến lược đã được phê duyệt, tạo tính chủ động và bền vững trong hoạt động Ngân hàng Chính sách xã hội. Tranh thủ nguồn lực từ Trung ương và địa phương đầu tư, nâng cấp, ổn định trụ sở ngân hàng các cấp, phương tiện, trang thiết bị làm việc, đặc biệt là trang thiết bị phục vụ cho hoạt động của các Tổ giao dịch lưu động và các điểm giao dịch xã.

Phối hợp hiệu quả giữa các hoạt động khuyến công, khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư, hỗ trợ kỹ thuật, chuyển giao công nghệ, tiêu thụ sản phẩm của các tổ chức Nhà nước, các đơn vị sự nghiệp, các doanh nghiệp và các tổ chức chính trị - xã hội với hoạt động tín dụng chính sách.

Thực hiện tốt công tác truyền thông về tín dụng chính sách, đặc biệt những chính sách tín dụng mới đến các cấp, các ngành, các tầng lớp nhân dân biết để thực hiện và giám sát thực hiện trên địa bàn; tranh thủ khai thác các nguồn lực, nguồn tài trợ kỹ thuật của các tổ chức quốc tế để bổ sung nguồn vốn cho vay và đào tạo, nâng cao năng lực quản trị cho cán bộ Ngân hàng Chính sách xã hội, cán bộ tổ chức chính trị - xã hội nhận dịch vụ ủy thác, Ban quản lý Tổ tiết kiệm và vay vốn.

borrowers; Continue to focus on and promote the effectiveness of the internal inspection and control of the VBSP.

- Continue to deploy and improve the quality of products and services; at the same time, promoting the application of modern technology, diversifying banking products and services according to the approved strategy, creating proactive and sustainable activities in the bank. To take advantage of resources from the central and local levels to invest, upgrade and stabilize bank offices at all levels, facilities, working equipment, especially equipment serving the operation of mobile transaction groups and commune transaction points.

- Effectively coordinate activities of industrial, agricultural, forestry and fishery promotion, technical assistance, technology transfer, product consumption by State organizations, non-business units, and enterprises and socio-political organizations with policy credit activities.

- To perform well the communication on policy credit, especially the new credit policies to all levels, branches, and all classes of people who know to implement and supervise the implementation in the area; take advantage of exploiting resources and technical financial resources of international organizations to supplement loans and train, improve governance capacity for VBSP's staff, socio-political organizational staff, and the management boards of Savings and Credit Groups.



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

FINANCIAL STATEMENTS

Báo cáo tài chính được trình bày bằng đồng Việt Nam, áp dụng chế độ kế toán do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung tại Việt Nam, quy chế quản lý tài chính ban hành theo Quyết định số 180/2002/QĐ-TTg ngày 19/12/2002 và Quyết định số 30/2015/QĐ-TTg ngày 31/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ; Thông tư số 62/2016/TT-BTC ngày 15/4/2016 của Bộ Tài chính về hướng dẫn thực hiện Quy chế quản lý tài chính đối với Ngân hàng Chính sách xã hội ban hành kèm theo Quyết định số 180/2002/QĐ-TTg ngày 19/12/2002 và Quyết định số 30/2015/QĐ-TTg ngày 31/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ. Năm tài chính của Ngân hàng Chính sách xã hội bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch.

Financial statements are presented in Vietnam Dong (VND), adopting the accounting mechanism stipulated by the State Bank of Vietnam (SBV); in compliance with Vietnam's accounting standard and accounting principles generally accepted in Vietnam; financial management regulations issued under Decision No. 180/2002/QĐ-TTg by the Prime Minister on 19 December 2002, Circular No. 62/2016/TT-BTC dated 15 April 2016 by Ministry of Finance on instructing to conduct financial management regulation for VBSB enclosed with Decision No. 180/2002/QĐ-TTg and Decision No. 30/2015/QĐ-TTg dated 31 July 2015 of the Prime Minister. VBSB's fiscal year begins on January 1st and ends on December 31st of the calendar year.

MỘT SỐ NGUYÊN TẮC CHỦ YẾU

1. THU NHẬP

Ngân hàng Chính sách xã hội thực hiện hạch toán phải thu đối với các khoản thu nhập, riêng khoản thu lãi cho vay người nghèo và các đối tượng chính sách khác, Ngân hàng Chính sách xã hội hạch toán thực thu.

2. CHI PHÍ

Chi phí là các khoản phải chi phát sinh trong quá trình hoạt động.

3. CHUYỂN ĐỔI NGOẠI TỆ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Ngân hàng Chính sách xã hội được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi thanh toán hoặc đánh giá lại những khoản vốn huy động bằng ngoại tệ theo quy định của Chính phủ để cho vay người nghèo và các đối tượng chính sách. Việc đánh giá lại những khoản vốn huy động bằng ngoại tệ được

KEY PRINCIPLES

1. INCOME

VBSB records incomes as receivables except interest collected from lending to the poor and other policy beneficiaries which are recorded as income collected.

2. EXPENSE

Expenses are reasonable costs incurred in the period.

3. CONVERSION OF FOREIGN CURRENCIES

Transactions in foreign currencies are converted into Vietnam dong following the exchange rate at the date of the transaction. VBSB shall record income or expense the differences in exchange rate arising when payment or revalued amounts of foreign currency deposits as stipulated by the Government to lend the poor and policy beneficiaries. The re-evaluation of the mobilized fund in foreign currencies are made at the time

thực hiện vào thời điểm lập Bảng cân đối kế toán theo tỷ giá trung tâm do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại ngày lập Bảng cân đối kế toán.

4. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ KHẤU HAO

Tài sản cố định được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Khấu hao tài sản cố định theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

5. TÍN DỤNG

Dư nợ tín dụng được tính bằng giá trị các khoản nợ gốc chưa thanh toán vào cuối năm tài chính trừ dự phòng rủi ro tín dụng đối với dư nợ cho vay người nghèo và các đối tượng chính sách khác.

Ngân hàng Chính sách xã hội được lập Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng để xử lý rủi ro tín dụng đối với dư nợ cho vay người nghèo và các đối tượng chính sách khác. Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng bao gồm dự phòng chung và dự phòng cụ thể.

Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng được trích lập vào ngày 31/12 hằng năm. Mức trích lập dự phòng chung bằng 0,75% tính trên số dư nợ cho vay không bao gồm nợ quá hạn và nợ khoanh tại thời điểm lập dự phòng; Ngân hàng Chính sách xã hội quyết định khoản trích dự phòng cụ thể trên cơ sở kết quả phân loại nợ, khả năng tài chính của Ngân hàng Chính sách xã hội. Số dư Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng tối đa bằng tổng số dư nợ quá hạn và nợ khoanh tại thời điểm trích lập.

of making the Balance sheet according to the central rate announced by the State Bank of Vietnam at the date that the Balance sheet is made.

4. FIXED ASSETS AND DEPRECIATION OF FIXED ASSETS

Fixed assets are valued at the original cost minus the accumulated depreciation. The depreciation of fixed assets is calculated on the basis of the straight-line depreciation method and the estimated useful life of the assets, which are stipulated in Decision No. 45/2013/QD-BTC issued by the Minister of Finance on 25 April 2013.

5. CREDIT

Outstanding credit is calculated by the value of outstanding principal balance to clients at the end of the fiscal year minus loan loss provisions.

VBSP can establish Risk Provision Fund to treat credit risk of lending to the poor and other policy beneficiaries. Credit Risk Provision Fund includes a general provision and specific provision.

Credit Risk Provision Fund is decided on December 31st annually. The level of general provision is 0.75% of the loan outstanding excluding overdue debt and frozen debt at the time of setting risk provision; VBSP decides specific provision on the basis of loan classification results and financial capacity of VBSP. The maximum balance of Credit Risk Provision Fund is equal to total of overdue loans and frozen debt at the time of setting risk provision.

I/ BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị: Triệu đồng

TÀI SẢN	31/12/2017	31/12/2018	31/12/2019
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	128.294	113.146	146.826
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	144.575	94.101	151.983
Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	3.922.965	6.701.754	4.627.852
Cho vay khách hàng	170.332.115	186.224.317	204.979.479
Tài sản cố định	4.061.666	5.233.230	5.470.693
Tài sản Có khác	159.274	423.990	433.024
Tổng tài sản Có	178.748.889	198.790.538	215.809.857

NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU

Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước	17.635.372	13.250.925	11.623.735
Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	54.191.451	64.371.986	71.281.039
Tiền gửi của khách hàng	18.465.844	24.980.242	29.118.197
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro	9.835.314	12.450.536	15.967.913
Phát hành giấy tờ có giá	39.290.858	39.290.888	39.290.054
Các khoản nợ khác	7.126.396	7.216.000	7.048.120
Tổng nợ phải trả	146.545.235	161.560.577	174.329.058
Vốn chủ sở hữu	32.203.654	37.229.961	41.480.799
Vốn điều lệ	10.695.500	13.892.500	17.287.700
Vốn khác	20.322.919	21.973.033	22.771.145
Các quỹ	904.359	969.116	1.057.644
Chênh lệch thu chi chưa phân phối	280.876	395.312	364.310
Tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu	178.748.889	198.790.538	215.809.857

* Nguồn số liệu:

- Báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi Kiểm toán Nhà nước

I/ BALANCE SHEET

Unit: VND million

ASSETS	31/12/2017	31/12/2018	31/12/2019
Cash in hand	128,294	113,146	146,826
Deposits at the State Bank of Vietnam	144,575	94,101	151,983
Deposits and loans at other credit institutions	3,922,965	6,701,754	4,627,852
Loans to clients	170,332,115	186,224,317	204,979,479
Fixed assets	4,061,666	5,233,230	5,470,693
Other assets	159,274	423,990	433,024
Total assets	178,748,889	198,790,538	215,809,857
LIABILITIES AND EQUITY			
Borrowings from Government and the State Bank of Vietnam	17,635,372	13,250,925	11,623,735
Deposits and borrowings from other credit institutions	54,191,451	64,371,986	71,281,039
Deposits of clients	18,465,844	24,980,242	29,118,197
Trust funds	9,835,314	12,450,536	15,967,913
Valuable papers	39,290,858	39,290,888	39,290,054
Other liabilities	7,126,396	7,216,000	7,048,120
Total liabilities	146,545,235	161,560,577	174,329,058
Equity	32,203,654	37,229,961	41,480,799
Charter capital	10,695,500	13,892,500	17,287,700
Other capital	20,322,919	21,973,033	22,771,145
Reserves	904,359	969,116	1,057,644
Undistributed earnings	280,876	395,312	364,310
Total liabilities and equity	178,748,889	198,790,538	215,809,857

* Source:

- Financial statements audited by the State Audit.

III/ KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

Đơn vị: Triệu đồng

CHỈ TIÊU	31/12/2017	31/12/2018	31/12/2019
A. THU NHẬP	14.897.012	15.562.420	16.523.251
Thu từ lãi cho vay	12.318.761	12.624.208	14.055.333
Thu khác về hoạt động tín dụng	51.045	-	-
Thu lãi tiền gửi	130.543	175.312	171.903
Thu dịch vụ thanh toán	658	891	1.105
Thu từ dịch vụ ngân quỹ	299	234	148
Thu từ hoạt động khác	503.115	698.287	915.252
Thu cấp bù chênh lệch lãi suất và phí do NS cấp	1.871.729	2.042.700	1.360.633
Các khoản thu nhập khác	20.862	20.788	18.877
B. CHI PHÍ	14.621.698	15.172.422	16.162.542
Chi về huy động vốn	6.801.558	7.477.917	7.954.927
Chi dịch vụ thanh toán và ngân quỹ	60.891	61.042	62.516
Chi trả phí dịch vụ uỷ thác, hoa hồng cho tổ chức, cá nhân	2.582.976	2.704.974	2.807.169
Chi về tài sản	478.031	492.306	519.510
Chi cho nhân viên	2.779.166	3.122.237	3.222.535
Chi hoạt động quản lý, công vụ	507.942	543.356	582.821
Chi chênh lệch tỷ giá và trích lập dự phòng	1.258.284	552.274	710.752
Chi phí khác	152.850	218.316	302.312
C. CHÊNH LỆCH THU - CHI	275.314	389.998	360.709

* Nguồn số liệu:

- Báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi Kiểm toán Nhà nước

II/ FINANCIAL RESULTS

Unit: VND million

ITEMS	31/12/2017	31/12/2018	31/12/2019
A. INCOME	14,897,012	15,562,420	16,523,251
<i>Interest income from lending activities</i>	12,318,761	12,624,208	14,055,333
<i>Other income from credit activities</i>	51,045	-	-
<i>Interest income from deposits</i>	130,543	175,312	171,903
<i>Income from payment activities</i>	658	891	1,105
<i>Income from cash management activities</i>	299	234	148
<i>Income from other activities</i>	503,115	698,287	915,252
<i>Credit management fee from State Budget</i>	1,871,729	2,042,700	1,360,633
<i>Other incomes</i>	20,862	20,788	18,877
B. EXPENSES	14,621,698	15,172,422	16,162,542
<i>Funds mobilization expenses</i>	6,801,558	7,477,917	7,954,927
<i>Expenses associated with payment and cash management activities</i>	60,891	61,042	62,516
<i>Fee/commission paid to organizations and individuals for entrusted lending services</i>	2,582,976	2,704,974	2,807,169
<i>Asset expenses</i>	478,031	492,306	519,510
<i>Staff expenses</i>	2,779,166	3,122,237	3,222,535
<i>Managerial and operation expenses</i>	507,942	543,356	582,821
<i>Provisions</i>	1,258,284	552,274	710,752
<i>Other expenses</i>	152,850	218,316	302,312
C. SPREAD (INCOME - EXPENSES)	275,314	389,998	360,709

* Source:

- Financial statements audited by the State Audit.



ĐỊA CHỈ LIÊN LẠC

CONTACT ADDRESSES

HỘI SỞ CHÍNH	HEADQUARTERS
Địa chỉ: Số 169 Linh Đường, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội Điện thoại/fax: 84-24-36417180/84-24-36417194 Website: www.vbsp.org.vn/www.vbsp.vn Email: vp@vbsp.vn	Address: 169 Linh Duong, Hoang Liet, Hoang Mai, Ha Noi Tel/fax: 84-24-36417180/84-24-36417194 Website: www.vbsp.org.vn/www.vbsp.vn Email: vp@vbsp.vn
SỞ GIAO DỊCH	VBSP TRANSACTION CENTER
Điện thoại/fax: 84-24-36417240/84-24-36417246	Tel/fax: 84-24-36417240/84-24-36417246
TRUNG TÂM ĐÀO TẠO	TRAINING CENTER
Điện thoại/fax: 84-24-36417252/84-24-36417232	Tel/fax: 84-24-36417252/84-24-36417232
CÁC CHI NHÁNH TRỰC THUỘC	LIST OF BRANCHES
1. CHI NHÁNH TỈNH PHÚ THỌ Địa chỉ: Số 76 Quang Trung, TP. Việt Trì Điện thoại/fax: 84-0210-3813344/84-0210-3856565 Số Phòng giao dịch trực thuộc: 12	1. PHU THO BRANCH Address: No. 76 Quang Trung, Viet Tri Tel/fax: 84-0210-3813344/84-0210-3856565 Number of Transaction Offices: 12
2. CHI NHÁNH TỈNH VINH PHÚC Địa chỉ: Đường Phạm Văn Đồng, TP. Vinh Yên Điện thoại/fax: 84-0211-3843872/84-0211-3843875 Số Phòng giao dịch trực thuộc: 8	2. VINH PHUC BRANCH Address: Pham Van Dong, Vinh Yen Tel/fax: 84-0211-3843872/84-0211-3843875 Number of Transaction Offices: 8
3. CHI NHÁNH TỈNH BẮC GIANG Địa chỉ: Số 05 đường Nguyễn Thị Lưu, TP. Bắc Giang Điện thoại/fax: 84-0240-3823598/84-0240-3823598 Số Phòng giao dịch trực thuộc: 9	3. BAC GIANG BRANCH Address: No 05 Nguyen Thi Luu, Bac Giang Tel/fax: 84-0240-3823598/84-0240-3823598 Number of Transaction Offices: 9

CÁC CHI NHÁNH TRỰC THUỘC

LIST OF BRANCHES

4. CHI NHÁNH TỈNH BẮC NINH

Địa chỉ: Số 02 đường Phù Đổng Thiên Vương, TP. Bắc Ninh
Điện thoại/fax: 84-0241-3822526/84-0241-3824105
Số Phòng giao dịch trực thuộc: 7

4. BAC NINH BRANCH

Address: No 02 Phu Dong Thien Vuong, Bac Ninh
Tel/fax: 84-0222-3822526/84-0222-3824105
Number of Transaction Offices: 7

5. CHI NHÁNH TỈNH HÒA BÌNH

Địa chỉ: Số 445 Đường Hòa Bình, phường Phương Lâm, TP. Hoà Bình
Điện thoại/fax: 84-0218-3896903/84-0218-3895294
Số Phòng giao dịch trực thuộc: 10

5. HOA BINH BRANCH

Address: No 445 Hoa Binh, Phuong Lam, Hoa Binh
Tel/fax: 84-0218-3896903/84-0218-3895294
Number of Transaction Offices: 10

6. CHI NHÁNH TỈNH SƠN LA

Địa chỉ: Số 11 Tô Hiệu, TP. Sơn La
Điện thoại/fax: 84-0212-3859168/84-0212-3858934
Số Phòng giao dịch trực thuộc: 11

6. SON LA BRANCH

Address: 11 To Hieu, Son La
Tel/fax: 84-0212-3859168/84-0212-3858934
Number of Transaction Offices: 11

7. CHI NHÁNH TỈNH ĐIỆN BIÊN

Địa chỉ: Số 10 Tôn Thất Tùng, TP. Điện Biên Phủ
Điện thoại/fax: 84-0215-3831566/84-0215-3825762
Số Phòng giao dịch trực thuộc: 9

7. DIEN BIEN BRANCH

Address: 10 Ton That Tung, Dien Bien Phu
Tel/fax: 84-0215-3831566/84-0215-3825762
Number of Transaction Offices: 9

8. CHI NHÁNH TỈNH LAI CHÂU

Địa chỉ: Phường Tân Phong, TP. Lai Châu
Điện thoại/fax: 84-0213-3792226/84-0213-3976995
Số Phòng giao dịch trực thuộc: 7

8. LAI CHAU BRANCH

Address: Group 22, Tan Phong, Lai Chau
Tel/fax: 84-0213-3792226/84-0213-3976995
Number of Transaction Offices: 7

9. CHI NHÁNH TỈNH LÀO CAI

Địa chỉ: Số 1/5 Phường Nam Cường, TP. Lào Cai
Điện thoại/fax: 84-0214-3822762/84-0214-3821746
Số Phòng giao dịch trực thuộc: 8

9. LAO CAI BRANCH

Address: 1/5 Tran Kim Chien, Nam Cuong, Lao Cai
Tel/fax: 84-0214-3822762/84-0214-3821746
Number of Transaction Offices: 8

10. CHI NHÁNH TỈNH YÊN BÁI

Địa chỉ: Số 999 Điện Biên, TP. Yên Bái
Điện thoại/fax: 84-0216-3852111/84-0216-3852111
Số Phòng giao dịch trực thuộc: 8

10. YEN BAI BRANCH

Address: 999 Dien Bien, Yen Bai
Tel/fax: 84-0216-3852111/84-0216-3852111
Number of Transaction Offices: 8

11. CHI NHÁNH TỈNH TUYẾN QUANG

Địa chỉ: Số 3 Phố Vũ Mũi, TP. Tuyên Quang
Điện thoại/fax: 84-0207-3817661/84-0207-3810703
Số Phòng giao dịch trực thuộc: 8

11. TUYEN QUANG BRANCH

Address: 3 Vu Mui, Tuyen Quang
Tel/fax: 84-0207-3817661/84-0207-3810703
Number of Transaction Offices: 6

12. CHI NHÁNH TỈNH HÀ GIANG

Địa chỉ: Tổ 5, Phường Nguyễn Trãi, TP. Hà Giang
Điện thoại/fax: 84-0219-3866599/84-0219-3867237
Số Phòng giao dịch trực thuộc: 10

12. HA GIANG BRANCH

Address: Group 5, Nguyen Trai, Ha Giang
Tel/fax: 84-0219-3866599/84-0219-3867237
Number of Transaction Offices: 10

13. CHI NHÁNH TỈNH LẠNG SƠN

Địa chỉ: Đường Ba Sơn, TP. Lạng Sơn
Điện thoại/fax: 84-0205-3775570/84-0205-3812164
Số Phòng giao dịch trực thuộc: 10

13. LANG SON BRANCH

Address: 79 Nguyen Phi Khanh, Ba Son, Lang Son
Tel/fax: 84-0205-3.812.163/84-0205-3812164
Number of Transaction Offices: 10



CÁC CHI NHÁNH TRỰC THUỘC

LIST OF BRANCHES

14. CHI NHÁNH TỈNH CAO BẰNG

Địa chỉ: Số 25, Tổ 11, Phường Ngọc Xuân, TX. Cao Bằng
Điện thoại/fax: 84-0206-3851651
Số Phòng giao dịch trực thuộc: 12

14. CAO BANG BRANCH

Address: No 25, Group 11, Ngọc Xuan, Cao Bằng
Tel/fax: 84-0206-3851651
Number of Transaction Offices: 12

15. CHI NHÁNH TỈNH BẮC KẠN

Địa chỉ: Số 6 Hùng Vương, TX. Bắc Kạn
Điện thoại/fax: 84-0209-3873493/84-0209-3873.693
Số Phòng giao dịch trực thuộc: 7

15. BAC KAN BRANCH

Address: 6 Hung Vuong, Bac Kan town
Tel/fax: 84-0209-3873493/84-0209-3873.693
Number of Transaction Offices: 7

16. CHI NHÁNH TỈNH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: Đường Phùng Chí Kiên, TP. Thái Nguyên
Điện thoại/fax: 84-0208-3655240/84-0208-3757245
Số Phòng giao dịch trực thuộc: 8

16. THAI NGUYEN BRANCH

Address: Phung Chi Kien, Thai Nguyen
Tel/fax: 84-0208-3655240/84-0208-3757245
Number of Transaction Offices: 8

17. CHI NHÁNH TỈNH QUẢNG NINH

Địa chỉ: Lô B7, KĐT cột 5, cột 8, TP. Hạ Long
Điện thoại/fax: 84-0203-3518996/84-0203-3824817
Số Phòng giao dịch trực thuộc: 13

17. QUANG NINH BRANCH

Address: Lot B7, Urban area Milestone No. 5 and No. 7, Ha Long
Tel/fax: 84-0203-3518996/84-0203-3824817
Number of Transaction Offices: 13

18. CHI NHÁNH TP. HÀ NỘI

Địa chỉ: 27 Nguyễn Cơ Thạch, Quận Nam Từ Liêm
Điện thoại/fax: 84-024-62817130/84-024-62817122
Số Phòng giao dịch trực thuộc: 28

18. HA NOI CITY BRANCH

Address: 27 Nguyen Co Thach, My Dinh 2, Nam Tu Liem, Hanoi
Tel/fax: 84-024-62817130/84-024-62817122
Number of Transaction Offices: 28

19. CHI NHÁNH TP. HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Lô C5 Lê Hồng Phong, Quận Hải An
Điện thoại/fax: 84-0225-3628189/84-0225-3764717
Số Phòng giao dịch trực thuộc: 12

19. HAI PHONG BRANCH

Address: Lot C5 Le Hong Phong, Hai An, Hai Phong
Tel/fax: 84-0225-3764717/84-0225-3764718
Number of Transaction Offices: 12

20. CHI NHÁNH TỈNH HẢI DƯƠNG

Địa chỉ: Số 81 Bạch Đằng, TP. Hải Dương
Điện thoại/fax: 84-0220-3240095/84-0220-3845344
Số Phòng giao dịch trực thuộc: 11

20. HAI DUONG BRANCH

Address: 81 Bach Dang, Hai Duong
Tel/fax: 84-0220-3240095/84-0220-3.862.981
Number of Transaction Offices: 11

21. CHI NHÁNH TỈNH HƯNG YÊN

Địa chỉ: Số 117, Chu Mạnh Trinh, TP. Hưng Yên
Điện thoại/fax: 84-0221-3866546/84-0221-3866548
Số Phòng giao dịch trực thuộc: 9

21. HUNG YEN BRANCH

Address: 117 Chu Manh Trinh, Hung Yen
Tel/fax: 84-0221-3866546/84-0221-3866548
Number of Transaction Offices: 9

22. CHI NHÁNH TỈNH THÁI BÌNH

Địa chỉ: Số 140 Lê Lợi, TP. Thái Bình
Điện thoại/fax: 84-0227-3837616/84-0227-3846940
Số Phòng giao dịch trực thuộc: 7

22. THAI BINH BRANCH

Address: 140 Le Loi, Thai Binh
Tel/fax: 84-0227-3837616/84-0227-3846940
Number of Transaction Offices: 7

23. CHI NHÁNH TỈNH HÀ NAM

Địa chỉ: Số 104 Nguyễn Việt Xuân, TP. Phủ Lý
Điện thoại/fax: 84-0226-3840282/84-0226-3850306
Số Phòng giao dịch trực thuộc: 5

23. HA NAM BRANCH

Address: 104 Nguyen Viet Xuan, Phu Ly
Tel/fax: 84-0226-3840282/84-0226-3850306
Number of Transaction Offices: 5

CÁC CHI NHÁNH TRỰC THUỘC

LIST OF BRANCHES

24. CHI NHÁNH TỈNH NAM ĐỊNH

Địa chỉ: Số 56 Hà Huy Tập, TP. Nam Định
 Điện thoại/fax: 84-0228-3845172/84-0228-3868812
 Số Phòng giao dịch trực thuộc: 9

24. NAM DINH BRANCH

Address: 56 Ha Huy Tap, Nam Dinh
 Tel/fax: 84-0228-3868812/84-0228-3555833
 Number of Transaction Offices: 9

25. CHI NHÁNH TỈNH NINH BÌNH

Địa chỉ: Số 48 Đinh Tất Miễn, Phố 12, TP. Ninh Bình
 Điện thoại/fax: 84-0229-3883294/84-0229-3873689
 Số Phòng giao dịch trực thuộc: 7

25. NINH BINH BRANCH

Address: 48 Dinh Tat Mien, 12 Street, Ninh Binh
 Tel/fax: 84-0229-3883294/84-0229-3873689
 Number of Transaction Offices: 7

26. CHI NHÁNH TỈNH THANH HÓA

Địa chỉ: Số 38 Đại lộ Lê Lợi, TP. Thanh Hóa
 Điện thoại/fax: 84-0237-3710791/84-0237-3752940
 Số Phòng giao dịch trực thuộc: 26

26. THANH HOA BRANCH

Address: 38 Le Loi Avenue, Thanh Hoa
 Tel/fax: 84-0237-3710791/84-0237-3752940
 Number of Transaction Offices: 26

27. CHI NHÁNH TỈNH NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 125 Lê Hồng Phong, TP. Vinh
 Điện thoại/fax: 84-0238-3597432/84-0238-3830772
 Số Phòng giao dịch trực thuộc: 20

27. NGHE AN BRANCH

Address: 125 Le Hong Phong, Vinh
 Tel/fax: 84-0238-3597432/84-0238-3830772
 Number of Transaction Offices: 21

28. CHI NHÁNH TỈNH HÀ TĨNH

Địa chỉ: Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, TP. Hà Tĩnh
 Điện thoại/fax: 84-0239-3853936/84-0239-3856139
 Số Phòng giao dịch trực thuộc: 12

28. HA TINH BRANCH

Address: 12 Xo Viet Nghe Tinh, Ha Tinh
 Tel/fax: 84-0239-3691296/84-0239-3856139
 Number of Transaction Offices: 14

29. CHI NHÁNH TỈNH QUẢNG BÌNH

Địa chỉ: Số 58 Quang Trung, TP. Đồng Hới
 Điện thoại/fax: 84-0232-3829564/84-0232-3829564
 Số Phòng giao dịch trực thuộc: 6

29. QUANG BINH BRANCH

Address: Diem Trung Group, Duc Ninh Dong, Dong Hoi
 Tel/fax: 84-0232-3829564/84-0232-3829564
 Number of Transaction Offices: 7

30. CHI NHÁNH TỈNH QUẢNG TRỊ

Địa chỉ: Số 183 Hùng Vương, TP. Đông Hà
 Điện thoại/fax: 84-0233-3550816/84-0233-3535757
 Số Phòng giao dịch trực thuộc: 8

30. QUANG TRI BRANCH

Address: 183 Hung Vuong, Dong Ha
 Tel/fax: 84-0233-3550816/84-0233-3575111
 Number of Transaction Offices: 8

31. CHI NHÁNH TỈNH THỪA THIÊN - HUẾ

Địa chỉ: Số 49 Nguyễn Huệ, TP. Huế
 Điện thoại/fax: 84-0234-3829629/84-0234-3827940
 Số Phòng giao dịch trực thuộc: 8

31. THUA THIEN HUE BRANCH

Address: 49 Nguyen Hue, Hue
 Tel/fax: 84-0234-3829629/84-0234-3827940
 Number of Transaction Offices: 8

32. CHI NHÁNH TP. ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: Lê Thanh Nghị, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu,
 TP. Đà Nẵng
 Điện thoại/fax: 84-0236-3786555/84-0236-3786557
 Số Phòng giao dịch trực thuộc: 6

32. DA NANG BRANCH

Address: 346 Le Thanh Nghi, Hoa Cuong Nam, Hai Chau, Danang
 Tel/fax: 84-0236-3786555/84-0236-3786557
 Number of Transaction Offices: 6

33. CHI NHÁNH TỈNH QUẢNG NAM

Địa chỉ: Số 17 Hùng Vương, TP. Tam Kỳ
 Điện thoại/fax: 84-0235-3812382/84-0235-3812382
 Số Phòng giao dịch trực thuộc: 17

33. QUANG NAM BRANCH

Address: 17 Hung Vuong, Tam Ky
 Tel/fax: 84-0235-3812382/84-0235-3812382
 Number of Transaction Offices: 17



CÁC CHI NHÁNH TRỰC THUỘC

LIST OF BRANCHES

34. CHI NHÁNH TỈNH QUẢNG NGÃI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thiệp, TP. Quảng Ngãi
Điện thoại/fax: 84-0255-3819911/84-0255-3818502
Số Phòng giao dịch trực thuộc: 13

34. QUANG NGAI BRANCH

Address: Nguyen Thiep, Nghia Chanh, Quang Ngai
Tel/fax: 84-0255-3819911/84-0255-3818502
Number of Transaction Offices: 13

35. CHI NHÁNH TỈNH BÌNH ĐỊNH

Địa chỉ: Khu B3A-22 Khu đô thị mới An Phú Thịnh, Đống Đa, TP. Quy Nhơn
Điện thoại: 84-0256-3821617/84-0256-3827770
Số Phòng giao dịch trực thuộc: 10

35. BINH DINH BRANCH

Address: B3A-22 An Phu Thinh New Urban area, Dong Da, Quy Nhon
Tel/fax: 84-0256-3821617/84-0256-3827770
Number of Transaction Offices: 10

36. CHI NHÁNH TỈNH PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 34 Lê Lợi, TP. Tuy Hòa
Điện thoại/fax: 84-0257-3814157/84-0257-3824347
Số Phòng giao dịch trực thuộc: 8

36. PHU YEN BRANCH

Address: 34 Le Loi, Tuy Hoa
Tel/fax: 84-0257-3814157/84-0257-3824347
Number of Transaction Offices: 8

37. CHI NHÁNH TỈNH KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Số 195 Hoàng Văn Thụ, TP. Nha Trang
Điện thoại/fax: 84-0258-3818798/84-0258-3826140
Số Phòng giao dịch trực thuộc: 7

37. KHANH HOA BRANCH

Address: 195 Hoang Van Thu, Nha Trang
Tel/fax: 84-0258-3818798/84-0258-3826140
Number of Transaction Offices: 7

38. CHI NHÁNH TỈNH NINH THUẬN

Địa chỉ: Số 264 Thông Nhất, TP. Phan Rang Tháp Chàm
Điện thoại/fax: 84-0259-3836272/84-0259-3825255
Số Phòng giao dịch trực thuộc: 6

38. NINH THUAN BRANCH

Address: 264 Thong Nhat, Phan Rang Thap Cham
Tel/fax: 84-0259-3836272/84-0259-3825255
Number of Transaction Offices: 6

39. CHI NHÁNH TỈNH BÌNH THUẬN

Địa chỉ: Số 320 Trần Hưng Đạo, TP. Phan Thiết
Điện thoại/fax: 84-0252-3721658/84-0252-3721658
Số Phòng giao dịch trực thuộc: 9

39. BINH THUAN BRANCH

Address: 320 Tran Hung Dao, Phan Thiet
Tel/fax: 84-0252-3721658/84-0252-3721658
Number of Transaction Offices: 9

40. CHI NHÁNH TỈNH ĐẮK LẮK

Địa chỉ: Số 33 Nguyễn Tất Thành, TP. Buôn Ma Thuột
Điện thoại/fax: 84-0262-3939047/84-0262-3939014
Số Phòng giao dịch trực thuộc: 14

40. DAK LAK BRANCH

Address: 33 Nguyen Tat Thanh, Buon Ma Thuot
Tel/fax: 84-0262-3939047/84-0262-3939014/84-0262-3980088
Number of Transaction Offices: 14

41. CHI NHÁNH TỈNH ĐẮK NÔNG

Địa chỉ: Số 10 Đường Lê Duẩn, TP. Gia Nghĩa
Điện thoại/fax: 84-0261-3545364/84-0261-3544673
Số Phòng giao dịch trực thuộc: 7

41. DAK NONG BRANCH

Address: 10 Le Duan, Gia Nghia
Tel/fax: 84-0261-3545364/84-0261-3544673
Number of Transaction Offices: 7

42. CHI NHÁNH TỈNH GIA LAI

Địa chỉ: Số 102A Phạm Văn Đồng, TP. Pleiku
Điện thoại/fax: 84-0269-3821590/84-0269-3827604
Số Phòng giao dịch trực thuộc: 16

42. GIA LAI BRANCH

Address: 102A Pham Van Dong, Pleiku
Tel/fax: 84-0269-3821590/84-0269-3827604
Number of Transaction Offices: 16

43. CHI NHÁNH TỈNH KON TUM

Địa chỉ: Số 294 Bà Triệu, TP. Kon Tum
Điện thoại/fax: 84-0260-3913497/84-0260-3869286
Số Phòng giao dịch trực thuộc: 9

43. KON TUM BRANCH

Address: 294 Ba Trieu, Kon Tum
Tel/fax: 84-0260-3913497/84-0260-3869286
Số Phòng giao dịch trực thuộc: 9

CÁC CHI NHÁNH TRỰC THUỘC

LIST OF BRANCHES

44. CHI NHÁNH TỈNH LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 41 Hùng Vương, TP. Đà Lạt
 Điện thoại/fax: 84-0263-3811423/84-0263-3811434
 Số Phòng giao dịch trực thuộc: 11

44. LAM DONG BRANCH

Address: 41 Hung Vuong, Da Lat
 Tel/fax: 84-0263-3811423/84-0263-3811434
 Number of Transaction Offices: 11

45. CHI NHÁNH TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Số 271 Nguyễn Tri Phương, Phường 5, Quận 10
 Điện thoại/fax: 84-028-39574045/84-028-39572194
 Số Phòng giao dịch trực thuộc: 15

45. HO CHI MINH BRANCH

Address: 271 Nguyen Tri Phuong, Ward 5, District 10, HCMC
 Tel/fax: 84-028-39574045/84-028-39572194
 Number of Transaction Offices: 15

46. CHI NHÁNH TỈNH ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Khu phố 3 xa lộ Hà Nội, TP. Biên Hòa
 Điện thoại/fax: 84-0251-3823079/84-0251-3823077
 Số Phòng giao dịch trực thuộc: 10

46. DONG NAI BRANCH

Address: Residential Quarter 3, Hanoi Highway, Bien Hoa City
 Tel/fax: 84-0251-3823079/84-0251-3823077
 Number of Transaction Offices: 10

47. CHI NHÁNH TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Địa chỉ: Số 05 Trường Chinh, TP. Bà Rịa
 Điện thoại/fax: 84-0254-3716340/84-0254-3825183
 Số Phòng giao dịch trực thuộc: 7

47. BA RIA - VUNG TAU BRANCH

Address: 05 Truong Chinh, Ba Ria
 Tel/fax: 84-0254-3716340/84-0254-3825183
 Number of Transaction Offices: 7

48. CHI NHÁNH TỈNH TÂY NINH

Địa chỉ: Số 1303 Đường CM Tháng 8, TP. Tây Ninh
 Điện thoại/fax: 84-066-3812569/84-066-3814949
 Số Phòng giao dịch trực thuộc: 8

48. TAY NINH BRANCH

Address: 1303 Cach mang Thang Tam, Tay Ninh
 Tel/fax: 84-0276-3820456/84-0276-3814949
 Number of Transaction Offices: 8

49. CHI NHÁNH TỈNH BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 58, Đường Lê Thị Trung, Phường Phú Lợi, TX. Thủ Dầu Một
 Điện thoại/fax: 84-0274-3826798/84-0274-3859573
 Số Phòng giao dịch trực thuộc: 6

49. BINH DUONG BRANCH

Address: 58 Le Thi Trung, Phu Loi, Thu Dau Mot
 Tel/fax: 84-0274-3826798/84-0274-3859573
 Number of Transaction Offices: 6

50. CHI NHÁNH TỈNH BÌNH PHƯỚC

Địa chỉ: Số 60 Đường Hùng Vương, TX. Đồng Xoài
 Điện thoại/fax: 84-0271-3886063/84-0271-3881099
 Số Phòng giao dịch trực thuộc: 9

50. BINH PHUOC BRANCH

Address: 60 Hung Vuong, Dong Xoai
 Tel/fax: 84-0271-3886063/84-0271-3881099/84-0271-3881092
 Number of Transaction Offices: 10

51. CHI NHÁNH TỈNH LONG AN

Địa chỉ: Số 79 đường Huỳnh Thị Mai, P2, TP. Tân An
 Điện thoại/fax: 84-0272-3838607/84-0272-3822015
 Số Phòng giao dịch trực thuộc: 14

51. LONG AN BRANCH

Address: 79 Huynh Thi Mai, Ward 2, Tan An
 Tel/fax: 84-0272-352232/84-0272-3838609
 Number of Transaction Offices: 14

52. CHI NHÁNH TỈNH TIỀN GIANG

Địa chỉ: Số 139B Nam Kỳ Khởi Nghĩa, TP. Mỹ Tho
 Điện thoại/fax: 84-0273-3887763/84-0273-3882690
 Số Phòng giao dịch trực thuộc: 8

52. TIEN GIANG BRANCH

Address: 139B Nam Ky Khoi Nghia, My Tho
 Tel/fax: 84-0273-3887763/84-0273-3882690
 Number of Transaction Offices: 8

53. CHI NHÁNH TỈNH ĐỒNG THÁP

Địa chỉ: Số 19 Lý Thường Kiệt, TP. Cao Lãnh
 Điện thoại/fax: 84-0277-3876090/84-0277-3853118
 Số Phòng giao dịch trực thuộc: 11

53. DONG THAP BRANCH

Address: 19 Ly Thuong Kiet, Cao Lanh
 Tel/fax: 84-0277-3859905/84-0277-3852985
 Number of Transaction Offices: 11



CÁC CHI NHÁNH TRỰC THUỘC

LIST OF BRANCHES

54. CHI NHÁNH TỈNH VINH LONG

Địa chỉ: Số 1B Hoàng Thái Hiếu, TP. Vinh Long
Điện thoại/fax: 84-0270-3833934/84-0270-3833085
Số Phòng giao dịch trực thuộc: 7

54. VINH LONG BRANCH

Address: 1B Hoang Thai Hieu, Vinh Long
Tel/fax: 84-0270-3833934/84-0270-3833085
Number of Transaction Offices: 7

55. CHI NHÁNH TP. CẦN THƠ

Địa chỉ: Số 156 Trần Hưng Đạo, Quận Ninh Kiều
Điện thoại/fax: 84-0292-3828951/84-0710-0292950
Số Phòng giao dịch trực thuộc: 8

55. CAN THO BRANCH

Address: 156 Tran Hung Dao, Ninh Kieu, Can Tho
Tel/fax: 84-0292-3828951/84-0292-3828950
Number of Transaction Offices: 8

56. CHI NHÁNH TỈNH HẬU GIANG

Địa chỉ: Đường Võ Văn Kiệt, Phường 5, TP. Vị Thanh
Điện thoại/fax: 84-0293-3870582
Số Phòng giao dịch trực thuộc: 7

56. HAU GIANG BRANCH

Address: Vo Van Kiet, Ward 5, Vi Thanh
Tel/fax: 84-0293-3870582
Number of Transaction Offices: 7

57. CHI NHÁNH TỈNH BẾN TRE

Địa chỉ: Số 176A4 Đoàn Hoàng Minh, TP. Bến Tre
Điện thoại/fax: 84-0275-3816259/84-0275-3826203
Số Phòng giao dịch trực thuộc: 8

57. BEN TRE BRANCH

Address: 176A4 Doan Hoang Minh, Ben Tre
Tel/fax: 84-0275-3816259/84-0275-3826203
Number of Transaction Offices: 8

58. CHI NHÁNH TỈNH TRÀ VINH

Địa chỉ: Số 21 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, TP. Trà Vinh
Điện thoại/fax: 84-0294-3862566/84-0294-3862496
Số Phòng giao dịch trực thuộc: 7

58. TRA VINH BRANCH

Address: 21 Nam Ky Khoi Nghia, Tra Vinh
Tel/fax: 84-0294-3862566/84-0294-3862496
Number of Transaction Offices: 7

59. CHI NHÁNH TỈNH AN GIANG

Địa chỉ: Số 09 Nguyễn Trãi, TP. Long Xuyên
Điện thoại/fax: 84-0296-3943277/84-0296-3943277
Số Phòng giao dịch trực thuộc: 10

59. AN GIANG BRANCH

Address: 80 Tran Quang Dieu, My Hoa, Long An
Tel/fax: 84-0296-3943277/84-0296-3945218
Number of Transaction Offices: 10

60. CHI NHÁNH TỈNH KIÊN GIANG

Địa chỉ: Số 10B Hà Huy Tập, TP. Rạch Giá
Điện thoại/fax: 84-0297-3879345/84-0297-3879678
Số Phòng giao dịch trực thuộc: 14

60. KIEN GIANG BRANCH

Address: 10B Ha Huy Tap, Rach Gia
Tel/fax: 84-0297-3879345/84-0297-3879678
Number of Transaction Offices: 14

61. CHI NHÁNH TỈNH SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 32 Trần Hưng Đạo, TP. Sóc Trăng
Điện thoại/fax: 84-0299-3612263/84-0299-3612263
Số Phòng giao dịch trực thuộc: 10

61. SOC TRANG BRANCH

Address: 32 Tran Hung Dao, Soc Trang
Tel/fax: 84-0299-3612263/84-0299-3612263
Number of Transaction Offices: 10

62. CHI NHÁNH TỈNH BẠC LIÊU

Địa chỉ: Số 48 Lý Thường Kiệt, TP. Bạc Liêu
Điện thoại/fax: 84-0291-3853265/84-0291-3953262
Số Phòng giao dịch trực thuộc: 6

62. BAC LIEU BRANCH

Address: 48 Ly Thuong Kiet, Bac Lieu
Tel/fax: 84-0291-953265/84-0291-3953261
Number of Transaction Offices: 6

63. CHI NHÁNH TỈNH CÀ MAU

Địa chỉ: Số 34 Lý Bôn, TP. Cà Mau
Điện thoại/fax: 84-0290-3822561/84-0290-3836049
Số Phòng giao dịch trực thuộc: 8

63. CA MAU BRANCH

Address: 34 Ly Bon, Ca Mau
Tel/fax: 84-0290-3822566/84-0290-3836049
Number of Transaction Offices: 8

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN ANNUAL REPORT

2019



NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI VIETNAM BANK FOR SOCIAL POLICIES

- Địa chỉ: 169 phố Linh Đường, P. Hoàng Liệt, Q. Hoàng Mai, Hà Nội
- Điện thoại: 024. 3641 7240 ■ Fax: 024. 3641 7246
- Website: vbsp.org.vn ■ Email: nhcsxh@vbsp.vn